

Tập Nam-Phong này từ đầu đến nay vẫn đã có hai phần Quốc-văn và Hán-văn. Chúng tôi có ý đặt thêm một phần Pháp-văn đã lâu, nhưng vì nhiều cơ chưa thể thi-hành được. Bắt đầu từ ba số nay mới thử đăng mấy bài bằng Pháp-văn thời thấy các bạn tây-học cũng có ý hoan-nghehnh lắm.

Vậy kể từ số này, đặt riêng hẳn ra một phần Pháp-văn đề là « Phụ-trương bằng chữ Pháp » ở dưới phần quốc-ngữ, đề trước là đối-phó với các bạn tân-học ưa đọc Pháp-văn ; sau là giới-thiệu những sự học-hành, tư-tưởng, dư-luận, hành-vi của người mình cho người Tây biết ; sau nữa là làm-thời có thể đạt được ý-kiến quốc-dân tới Chánh-phủ Bảo-hộ mau hơn và tiện hơn là bằng quốc-văn.

Thế là từ nay Báo Nam-Phong kiêm đủ cả ba thứ chữ câu dùng cho sự học trong nước bây giờ.

Chúng tôi định mở-mang ra như thế, biết rằng cũng quá cậy ở sức mình thật, nhưng mong ở các bạn tây-học giúp thêm vào cho phần Pháp-văn này thật có giá-trị.

NAM-PHONG kính-khải

THUẬT CHUYỆN DU-LỊCH Ở PARIS (1)

Thưa các Ngài,

Ngạn-ngữ tây có câu : « Đi xa về, tha-hồ nói khoác. » Tôi bữa nay diễn-thuyết ở đây đề thuật lại các ngài nghe những sự kiến-vấn cảm-tưởng của tôi trong mấy tháng du - lịch bên nước Pháp, mới bắt đầu nói, sự nhớ đến câu ngạn-ngữ đó, mà phân-vấn nghĩ-ngợi, muốn lấy câu đó để làm răn.

Bởi có sao mà có câu ngạn-ngữ như thế ? Có lẽ bởi người ta hay có tính hiếu - thắng, nhất - thiết mọi sự muốn có một cái gì đặc-biệt hơn kẻ khác, để lấy đấy mà tự-cao. Phương xa cõi lạ, là những nơi ít người năng tới, mà một mình được qua, đó là một sự đặc-biệt hơn người. Muốn cho rõ-rệt sự đặc-biệt ấy ra, khi trở về thuật lại những chuyện mình đã kinh-

lịch, không khỏi có ý thêm-thắt khoa-trương, cho nó tốt đẹp hơn lên, khiến cho người nghe phải nức-nỏm khen-lao mà tự mình có thể tăng thêm giá-trị, biết rằng dầu nói thế nào người ta cũng sẵn lòng tin mà không ai có thể tức-thời kiểm-điểm được.

Tôi tưởng đó là cái ý-nghĩa sâu của câu ngạn-ngữ, mà tức cũng là cái tâm-lý chung của khách du-lịch cò-lai vậy.

Đã là cái tâm-lý chung, thời ít ai có thể tránh khỏi. Tôi đây cũng không dám chắc rằng có tránh khỏi được cái thế - thượng - thường-tình đó không. Song cũng xin hết sức thành-thực mong rằng không đến nỗi như anh trong chuyện ngụ-ngôn nọ nói rằng đã trông thấy cái bắp-cải to bằng cái nhà !....

phố

(1) Bài này là bài diễn-thuyết của Bản-chí chủ-bút ở nhà Nhạc-hội Tây Hà-nội, ngày chủ nhật 15 Octobre (tức 25 tháng tám ta). Cuộc diễn-thuyết do hội Khai-trí tiến-đức chủ-trương, buổi diễn-thuyết có tới ngàn rưởi người đến nghe ông PHẠM QUỲNH nói trong ngót hai giờ đồng-hồ, vừa hội-viên Hội Khai-trí, vừa thân-sĩ trong thành phố và học-sinh ở các trường.

Tôi ở bên Pháp trước sau có bốn tháng, vừa đi vừa về, cả thấy là sáu. Tuy công-nhiên là « đi Đẩu-xảo », song chủ-ý là muốn thừa-dịp để quan-sát nước Pháp, vì các ngài cũng hiểu cho rằng một kẻ thư-sinh như tôi, có ngôi-vị gì, có tư-cách gì mà đủ « đẩu-xảo » với người ta. Việc đó đã có những bậc cao-sang hơn.

Trong mấy tháng tôi ở bên qui-quốc, những sự mắt thấy tai nghe, bụng suy tri nghĩ cũng nhiều, nay thuật lại các ngài nghe, trong một khoảng thời-gian ngắn-ngủi, không biết nói chuyện chi, bỏ chuyện chi, vì không thể sao nói hết cả được. Và cũng không biết bắt đầu nói chuyện gì trước.

Khi tôi khởi-sự đi Pháp, trong bụng có rắp một điều : là người mình bấy lâu nay sinh-trưởng dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp, vẫn một lòng cảnh-ngưỡng cái văn-minh qui-quốc, nhưng khác nào như người đứng xa ngắm bức tranh đẹp, bức tranh ấy tuy có truyền ảnh sang bên này, nhưng mập-mờ phẳng - phất, không hình được hết cái chân-tượng, nay được thân-hành du-lịch bên qui-quốc, nên ra sức dò xét xem cái chân-tượng ấy thế nào.

Bởi vậy, từ khi bước chân xuống đất Pháp vẫn chủ-ý khảo-sát, cho nên mỗi sự mắt thấy tai nghe thực là một bài học cho mình và có nhiều điều khiến cho tự mình suy-nghĩ vô-cùng.

Trong một nước lớn văn-minh như nước Pháp, những nơi danh-dò thắng-cái có thiếu chi, muốn đi du-lãm vô-cái hấp, phải đến mấy năm mới hết. Thời-giờ hạn-súc, không thể đi rộng được, và mục-dịch cũng không phải là chỉ chủ đi xem phong-hệ triệp, cho nên khi mới đến và khi sắp về, ở Marseille trước sau chừng hơn một tháng, qua Lyon vài ba ngày, đi viếng các nơi chiến-trường mấy ngày, còn ngót ba tháng đều ở Paris luôn, vì

rằng Paris là nơi trung-tâm của nước Pháp và muốn khảo-sát văn-minh của qui-quốc không đâu bằng ở Paris.

Nhà văn-sĩ nước Đức HENRI HEINE đã có câu nói rằng : « Nước Pháp là một cái vườn hoa lớn trồng đủ các thứ danh-hoa dị-thảo để kết thành một bó hoa tuyết - phẩm : bó hoa ấy tức là thành Paris vậy. »

Trong ba tháng trời tôi đã được thưởng-agoạn cái bó hoa qui-báu ấy, hương thừa vẫn còn phẳng-phất bên mình.

Sách có thuật chuyện ông Giáo-hoàng nọ mỗi khi tiếp bậc khách sang ngoại-quốc vào bệ-kiến ngài để từ-giã về nước, ngài thường hỏi : « Ông ở La-mã (Rome) được bao lâu ? » Nếu khách nói : « Ở được vài ba tuần », thời ngài bực một tiếng : *Adieu !* nghĩa là « xin vĩnh-biệt. » Nếu khách nói : « Ở được giã ba tháng một năm », thời ngài ban một câu : *Au revoir !*, nghĩa là « sẽ trùng-lai. »

Khách du-lịch ở thành Paris cũng vậy, nếu chỉ ở qua-loa một vài tuần thời chưa đủ cảm được cái thú thâm-trầm, có lẽ khi đi không nghĩ có ngày sẽ trở lại ; nhưng nếu đã ở đến giã ba tháng một năm thời tất nhiên được cái phong-vị tuyết-trần mà khi đi không nỡ dứt đi, tự-nguyện sẽ có ngày trùng-lai mới thoả-chí.

Bởi sao mà thành Paris có cái phong-thú lạ nhường như thế, phong-thú ấy tự cổ-lai đã cảm-nhiệm người ta biết bao nhiêu ?

Một nhà đại-văn-hào, đại-tư-tượng về thế-kỷ trước, ông GoETHE, đã cực-tán thành Paris như thế này :

« Muốn biết Paris là gì, phải tưởng-tượng ra một cái đô-thành kia, bao nhiêu những kẻ giỏi người tài trong một nước lớn họp tập cả đấy, hằng ngày giao-tiếp với nhau, đua tranh với nhau

mà càng ngày lại thêm tài thêm giỏi hơn lên; bao nhiêu những của báu vật lạ của Tạo-hóa, những kỳ - công kiệt-tác của mĩ-thuật, sru-la thu-thập ở khắp các xứ trên mặt đất, đều tụ-hợp cả đấy để làm tư-liệu cho nhà khảo-cứu; mỗi một bước đường, mỗi một nhịp cầu là có kỷ-niệm một việc to về đời trước; mỗi một toà nhà, mỗi một góc phố là có di-tích một đoạn lịch-sử đã xây qua; lại tưởng-tượng ở đấy, trong một khoảng trăm năm xuất-hiện những người như bọn ông MOLIERE, ông VOLTAIRE, ông DIDEROT, v.v., mỗi người một tay phát-hành ra biết bao nhiêu là những tư-tưởng lạ, lý-thuyết mới, suốt hoàn-cầu không có đâu gồm được đủ như thế... Ấy Paris là thế đó.»

Bởi thế nên Paris xưa nay vẫn có tiếng gọi là « cái óc của thế-giới văn-minh. »

Muốn biết cái óc ấy tác-dụng thế nào, không thể xem một cái cảnh-tượng sán-lạn bề ngoài mà hiểu được, phải xét cái cơ-quan tinh-tế ở trong, phải cảm cái khí-vị của đất nước, phải hiểu cái tâm-lý của người dân; nói tóm lại là muốn biết Paris cho châu-đáo, tức là muốn hiểu cái văn-minh của Đại-Pháp cho đến nơi, thời phải cảm-giác được cái « hồn » của Paris mới được, hồn ấy hoạt-bát, khinh khiêu, thông-minh, dĩnh-ngộ, có cái sức cảm-hóa người ta vô-cùng.

Song Paris không phải là một đô-thị, Paris chính là một thế-giới. Vua FRANÇOIS thứ I viết thơ cho vua CHARLES QUINT đã nói rằng: « *Ce n'est pas une ville, mais un monde.* » Trong ấy không thiếu một vẻ gì, mà vẻ gì cũng « mười phần vẹn mười », nghĩa là đến cực-diềm cả: cái xấu có, cái tốt có, cái hay có, cái dở có, cái thanh có, cái thô có: nếu chỉ biết một phần vật-chất mà không xét đến phần tinh-thần, thời

phán-doán tất sai-lầm và không gọi là biết Paris được.

Thường những khách ngoại - quốc đến du-lịch ở Paris, nhiều người chỉ ham những cách ăn-chơi của Paris, cách ăn-chơi ấy thời thật là phong-lưu phóng-túng; nhưng Paris không phải chỉ là chốn ăn-chơi mà thôi; cái vinh-dự, cái giá-trị, cái đặc-sắc, cái phong-thú của Paris, không phải là ở những nơi tửu-diếm, ca-lâu, vũ-trường, kịch-quán; những nơi ấy chẳng qua là chỗ bán vui cho khách hiếu-kỳ thế-giới mà thôi, chính người ở Paris nhiều khi không đi tới bao giờ. Nếu lấy một đấy mà xét cả Paris, thời xét sai là phải lắm.

Cái đặc-sắc thứ nhất của thành Paris là có cái vẻ vừa tối-tân mà lại vừa tối-cổ, hai cái không phản-trái nhau mà lại dung-hòa với nhau, làm cho Paris có một cái thần-khí riêng, tưởng khắp thế-giới không có nơi thành-thị nào có. Khách du-lịch nhiều khi đương đi ở một cái đường-phố lớn, xe hơi chạy như nước chảy, hàng-quán hai bên la-liệt, bỗng thấy đưa chân vào một cái ngõ hẹp nhỏ, nhà cửa cũ-kỹ, như một cái xóm đời xưa. Nếu đi xa vào trong nữa, tất có cái cổ-tích gì, hoặc mảnh tường cũ, hoặc tấm đá xưa, hoặc một toà nhà thờ về đời Trung-cổ, hoặc một pho tượng đá về đời Phục-hưng. Người mình vẫn tự-xưng là có tinh hiếu-cổ, tôi tưởng lòng hiếu-cổ của mình không bằng người nước Pháp vì có hiếu-cổ mà không biết tổ-tên. Ngay như chốn Thăng-long-cổ-đệ, không nói về đời tiền-cổ, nói một đời đại cận-cổ, đến nay còn được đi-đến gì? Nào đâu là cung chúa Trịnh, nào đâu là điện vua Lê? Tìm lấy một chỗ chỉ, dễ thường cũng không biết ở vào chốn nào. Chớ như ở Paris kia, không những các lâu-đài cung-điện đời xưa đời đời bảo-tồn, tới nay vẫn y-nhiên

như cũ; đến những chỗ tầm-thường mà đã có xảy ra một việc gì hơi có quan-hệ đến quốc-sử, cũng đều giữ gìn chân-trọng để lưu lấy dấu-tích về sau; như ngày nay người ta còn chỉ được đích chỗ nào là chỗ vua HENRI thứ 4 bị ám-sát, chỗ nào là chỗ vua NAPOLEÓN hồi còn nhỏ mới đến Paris lần thứ nhất đỗ xe ở đấy để sửa-soạn đi vào học trường võ-bị; cái sân nào là sân ông MOLIERE thường đi qua để ra rạp hát, cái bao-lưu nào là chỗ ông VOLTAIRE thường đứng tựa, v.v.

Ta thường nghe câu tục-ngữ tây nói rằng: « Thành Paris không phải một ngày làm nên được. » Thật thế: Paris sở dĩ là Paris và đặc-biệt hẳn với các nơi đô-thành khác trong thế-giới, chính là bởi có cái khí-vị cổ đó. Những thành-thị lớn ở nước Mỹ, như New-York, như San Francisco, có lẽ có nhiều đường phố rộng, nhà lầu cao hơn ở Paris, nhưng kém Paris có cái vẻ thanh-tao lịch-sự, vì là những nơi ấy mới thành-lập trong một khoảng mấy chục năm mà thôi và trước sau chưa có lịch-sử gì.

Thành Paris có sông Seine chạy suốt từ Đông chí Tây, chia thành-phố ra làm hai phần, tinh-cách khác nhau. Bên hữu-ngạn sông là chỗ phồn-hoa náo-nhiệt nhất, bao nhiêu những đường phố lớn, cung-diện to, nhà lầu cao, hàng quán đẹp, đều tụ họp cả ở đấy; bên tả-ngạn và hai cái cù-lao ở giữa sông (*La Cité* và *Ile Saint-Louis*) là phần cổ nhất Paris, hồi nước Pháp còn là đất *Gaule*, Paris còn là xóm *Lutèce*, nơi lịch chính là ở hai cái cù-lao này; thủ của Nhà-nước, các toà sứ các nước, các biệt-nghiệp của tầng nhà thượng-lưu qui-tộc, cùng trường học lớn nhỏ gồm lại gọi là « xóm la-tinh » (*le quartier latin*), đều ở về bên tả-ngạn này.

Tôi đến Paris liền tìm trọ ở « Xóm la-tinh », có ý muốn khảo-sát cái tinh-cách cùng phong-thói của dân học-sinh ở đó. Số học-sinh đây thời biết nghìn

vạn nào mà kể, không những người Pháp, người các nước cũng nhiều, nhất là người những nước ở Cận-Đông và Viễn-Đông, như Roumains, Serbes, Polonais, Tchèques, Ấn-độ, Nhật, Tàu, đến đây để thu-hấp lấy cái văn-minh tinh-túy của Thái-Tây. Nghe đâu số học-sinh Trung-hoa tới hơn nghìn người, theo học các trường Trung-học Đại-học. Trong một đám đông những trang thanh-niên của các nước tụ-hợp lại như thế, chắc người hay có, người dở cũng có, và những hạng phú-gia-tử-đệ, công-tử-vương-tôn, mượn tiếng du-học để đem tiền cha mẹ lãng-phi ở một nơi phồn-hoa-đệ-nhất trong thế-giới cũng không phải là không; nhưng xét ra phần nhiều là những người có chí cả, nhất là những người thuộc về các dân-tộc nhỏ-yếu xưa nay, một tiếng nước Pháp là một nước tự-do, bình-đẳng, nghĩa-hiệp, công-bằng, muốn sang tận nơi học lấy cái thuật làm dân làm nước đời nay để đem về nhà mà chấn-hưng khai-hóa cho nước cho dân mình. Nhiều người thật là những tay chí-sĩ, có cái lòng hoài-bão to-tát, đi du-học là chỉ cốt học lấy những phương-pháp để phú nước giúp đời vậy.

Nói đến đây, chắc các ngài muốn hỏi: « Vậy chớ những học-sinh Nam-Việt ta, những bậc thanh-niên tuần - tú của nòi giống Lạc - Hồng ta sang học bên Pháp thế nào? » Số học-sinh An-nam ta ở Paris, vợ-vét cả họa may được vài ba chục người, và tựu - trung có nhiều ông năm trước sang tông-chinh ở đấy, nay kiếm việc làm ở lại đi học thêm để thi lấy cái bằng kia bằng nọ. Tôi không dám khái-luận, vì không được rõ cái sở-chí sở-hành của các ông như thế nào. Nhưng tôi có một người bạn Nam-kỳ đến thăm một người bà-con mới thi đậu tốt-nghiệp ở một trường lớn nọ. Người bạn tôi hỏi ông tốt-nghiệp-học-sinh đó rằng: « Nay tiên-sinh học đã thành-tài sắp trở về,

nước, dám hỏi cho biết tiên-sinh sở-chí sở-vọng thế nào ? » Ông đáp rằng : « Tôi mấy năm nay học cực khổ lắm, nay đã thi đậu rồi, muốn nghỉ chơi một độ cho khoái. Tôi định kết-hôn với một người « đầm », bây giờ tôi muốn học các lối « nhầy đầm » bên này, những kiểu tối-lân tối-kỳ, như *shimmy, tango, fox-trot*, để khi về nước, mình là người có chức-phận, gặp khi quan trên mời dự tiệc ở dinh Phó-soái hay Chánh-soái, mình biết « nhầy » cho đúng cách, cho Tây bên ấy họ biết rằng mình đã thạo những cách lịch - sự ở Paris. » Người bạn tôi thuật cho tôi nghe câu chuyện đó, ngừng một lúc rồi nói rằng : « Như thế thì cũng đáng tiếc thay ! » Tôi cũng nổi lời mà rằng : « Đáng tiếc thay ! », nhưng trong bụng nghĩ rằng không dám tiếc cho ông, vì như ông thế đã là quá mãn - nguyện rồi, song tiếc cho nước nhà đã quá kỳ - vọng ở các ông.

Ở « xóm La-tinh » có một đường phố vui-vẻ nhất, gọi là *Boulevard Saint-Michel*, bọn học-sinh gọi tắt là « *Boul Mich* ». Ở đấy cứ chiều tối cho đến quá nửa đêm các nhà cà-phê, các hàng bán rượu hai bên hè chật ních những người ngồi, phần nhiều là các thầy học-sinh ra tiêu-khiển, hút điếu thuốc, uống cốc nước, cũng có khi tình-cờ gặp bạn tri-kỷ, đối - diện đàm-tâm, nồng-nàn dan-diu, thật là lắm cái cảnh « trai anh-hùng, gái thuyền-quyên ». Nhưng các tay anh - hùng ở đây toàn là những anh-hùng còn đợi thời cả, và phần nhiều cũng nhẹ túi, cho nên tuy dan-điu tình-duyên cho tiên-sầu giải-muộn mà chưa dám miệt - mài trong cuộc truy-hoan như những khách ăn chơi khác. Còn các bậc thuyền-quyên thời đã ham cái phong-vị « anh đồ », cam làm bạn với học-trò, cũng không có thói yêu-sách quá như những bậc thượng-lưu-kỹ-nữ khác. Cho nên xóm *Saint-Michel* này tuy cũng là chốn ăn

chơi, nhưng là chỗ ăn chơi của bọn học-trò, biệt có cái phong - vị khác những chốn ăn chơi khác. Người ta nói trước khi chiến - tranh ở đây còn vui-vẻ hơn bây giờ nhiều. Gặp ngày hội-hè, các thầy học-sinh đội mũ lệch, giang tay nhau ngửa-nghiêng trên đường phố mà hò-hát ồn-ào : thật là nhất quỷ nhì ma . . . , nước nào cũng vậy.

Trong khi tôi ở Paris, thường ăn cơm tại đường *Saint-Michel* đó, ở hàng gọi là *Bouillon Duval*. Các hàng *Duval* này ở Paris có tiếng lắm. Nguyên có một người tên là DUVAL năm xưa nghĩ chế ra một thứ nước cháo vừa thanh mà vừa bổ, mở cửa hàng để bán như các hàng bán cháo bên ta. Bán thấy càng ngày càng đắt, bèn nghĩ mở ra hàng cơm. Mở hàng cơm cũng thấy chạy, bấy giờ mới gọi cỗ-phần lập thành công-ti, đặt khắp trong thành Paris chỗ nào cũng có hàng cơm *Duval* cả, hiện nay có tới ba bốn mươi nhà, khách ngoại-quốc đến ăn đông lắm, vì đồ ăn-uống ngon-lành, cách dọn-đẹp sạch-sẽ, kẻ hầu-tiếp nhã-nhận, mà giá ăn lại trung-bình phải chăng, không rẻ không đắt. Tôi ăn cơm kẻ cũng đã đủ các hạng, có bữa ăn bốn năm mươi quan, có bữa ăn hai ba quan, lại có khi buổi chiều ngồi ăn cùng với bọn hầu-sáng đã hầu mình buổi sớm, họ trông thấy cũng buồn cười, cho là thảng hiếu-kỳ. Tôi tưởng đi du-lịch phải thế mới rộng đường quan - s. Vậy mà trừ những hàng cao-lâu thứ hạng, giá đắt quá không kể, cỡ trung-bình, không thấy đâu được hàng *Duval* đó ; có nhiều chỗ lịch-hơn mà cách tiếp-đãi không được bằng, đủ biết hàng này có một cái thể thức riêng đủ làm cho vừa lòng khách. Xét một việc nhỏ đó thời hiểu được cái thuật doanh-nghiệp của người Tây thế nào : bất-cứ nghề gì, không phân sang-tiện, muốn làm cho nổi đặc-sắc, phải

tim lấy một cái thê-thức riêng (như tiếng tây gọi là một cái *formule*), rồi đem ra ứng-dụng thế nào cho thích-hợp với cái tâm-lý, cái thị - dục của phần nhiều người, thế là một cách dễ cho thiên-hạ hoan-nghehnh lắm.

Tôi ở đường *Berthollet*, mỗi ngày ít ra cũng phải đi về đường *Saint-Michel* đến bốn lượt, cả mấy con đường đó đã thuộc làm lòng, bây giờ nói đến còn tưởng nhớ. Ở đường *Berthollet* đi lên, phải qua đường *Claude Bernard*, đường *Gay-Lussae*, rồi mới ra *Saint-Michel*, tự nhà trọ đến hàng cơm, cũng ước tới hai ngàn thước, thành ra mỗi một ngày, dẫu không đi chơi đâu, cũng phải đi bộ đến tám cây-lô-mét. Nhưng có ngày nào không đi chơi đâu bao giờ: ở Paris biết bao nhiêu là thứ đáng xem; trong ngót ba tháng trời tôi đi xem cũng đã lắm, mà nay còn nhiều chỗ vẫn chưa biết; coi đó thời đủ biết Paris to lớn là dường nào. Đi nhiều đến nổi bàn chân to cả ra, mấy đôi giầy đóng ở nhà sang bên ấy hẹp quá không đi được. Sau ông NGUYỄN VĂN-VĨNH mua được cái xe ô-tô, tự ông cầm máy lấy, thật là giỏi quá, — vì cầm máy ô-tô ở Paris không phải dễ, có nơi đường-phố lớn xe chạy tới trăm nghìn cái một lúc, phải vỮng tay vỮng trí lắm mới tránh được sự nguy-hiểm, — nhờ có ô-tô bấy giờ mới đi chơi rộng ra khắp cả các vùng chung-quanh thành Paris, thật là giang-sơn cầm-tú, không bút nào tả cho hết được. Mấy tuần phiếm-du đó, thật là thú-vị vô-cùng, vì đi chơi mà không biết đường đi, không có mục-dịch, cứ phóng máy chạy hoài, đến đâu hay đó, gặp hàng thời ăn, gặp quán thời nghỉ, tối ngày lại về, mà về thường lạc đường, đi quanh đi co, đi đến đâm vào ngõ hẻm, đi đến hết cả dấu « sáng », có khi đến nửa đêm, hai ba giờ sáng mới về. Đi phiếm đến nỗi sở Cảnh-sát phải chú-ý. Nguyên cái xe của ông VĨNH sơn

sắc vàng, bữa ông mới mua xe về, thời lại chính là bữa Hoàng-thượng mới đến Paris. Lệ thường bao giờ có các vua chúa đến chơi, sở Cảnh-sát Paris cũng phải đặt phương-pháp để hộ-vệ, phòng sự bất-kỳ. Cảnh-sát lấy làm lạ thấy từ bữa vua An-nam đến có cái xe ô-tô vàng mấy người An-nam ngồi, chạy cùng khắp trong thành-phố, mà mấy người này không phải là thuộc vào bọn tùy-hành của vua, lại không thường đi lại với bọn kia bao giờ, không hiểu vì có gì. Nhân mấy hôm trước ở Berlin mới xảy ra cái án ám-sát ông quốc-vụ-trưởng nước Đức RATHENAU, lại ở Londres xảy ra cái án ám-sát ông nguyên-soái WILSON, sở Cảnh-sát lại càng thêm ngờ lắm, cho bọn này là bọn cách-mệnh muốn mưu việc gì. Từ đấy mỗi lần chúng tôi lên xe là có cái xe mật-thám chạy theo sau, nhưng chúng tôi đã biết ý, bấy giờ lại càng phóng xe chạy hoài, không có mục-dịch gì nữa, cho bọn kia theo cho nhọc. Sau mấy hôm họ cũng chán, biết rằng bọn mình là bọn đi chơi phiếm mà thôi. Đó cũng là một chuyện buồn cười.

Xe ô-tô ở Paris thật không biết cơ man nào mà kẻ, cứ đứng trên bờ hè mà trông xe chạy ngoài đường, thật không dứt mắt một giây phút nào. Cho nên khách bộ-hành muốn qua ngang đường, phải đứng trên bờ đường đợi cho đông người thành bọn, bấy giờ lính cảnh-sát mới làm hiệu cho xe ô-tô phải dừng lại cả một lượt để người đi. Cái kỷ-luật ngoài đường phố thật là nghiêm lắm, và cái chức-trách của lính cảnh-sát cũng thật trọng. Nhưng lính cảnh-sát ở Paris có quyền mà lại có phép, đối với người đi đường bao giờ cũng lễ phép và ai hỏi-han điều gì sẵn lòng chỉ bảo đến nơi đến chốn, không có như nhiều các bác phú-lit tây ở bên ta coi người đi đường như cỏ-rác cả.

Cứ xem hai việc như sau này thì biết người cảnh-binh ở Paris có quyền và có phép là dường nào. Một hôm quan Thượng-thư SARRAUT đưa bọn phái-viên An-nam đến xem Nghĩa-sĩ-từ ở Nogent-sur-Marne. Ngồi ngồi cái xe ô-tô của bộ Thuộc-dịa cùng với ông nghị-viên Nam-kỳ OUTREY, xe ngài đi trước, xe các phái-viên đi sau. Đến một đầu phố nọ, người lính cảnh-sát làm hiệu bắt xe đứng lại, vì nghe đầu đường-phố này hẹp, theo luật-lệ thành-phố các xe-cộ chỉ được đi một bề trở lại mà thôi. Quan SARRAUT phải mở cửa xe ra, nói với người cảnh-sát, tự xưng : « Tôi là quan Thượng-thư Thuộc-dịa đây », thầy ta cũng nhất-định không cho đi, nói rằng thành-phố đã có luật-lệ, để trái luật thì thầy có cữu. Song xe đã chạy vào quá rồi, nếu quay ra cũng khó lắm, quan Thượng-thư phải cả quyết nói rằng : « Thầy cứ để cho xe đi, có xảy sự gì tôi sẽ chịu trách-nhiệm », bấy giờ thầy cảnh-sát mới chịu cho đi. — Lại một việc như sau này. Ở Paris có những đường thông-cù lớn, hai bên có lối đi, cây cao bóng mát, lại thường có đặt sẵn những ghế sắt cho khách đi chơi thuê mà ngồi nghỉ mát, giá thuê mỗi chiếc là năm su hay một hào, mua một cái vé, dùng được cả ngày. Đường Avenue des Champs Elyseés là một đường thông-cù đẹp nhất ở Paris, một đầu là nơi công-trường Concorde, một đầu là cửa khải-hoàn Etoile, giữa một con đường cái rộng thẳng-băng dài tới mấy ngàn thước, lát bằng gỗ, sơn hắc ín, tối đến đèn thấp hai bên bóng nhoáng như cái mặt gương, xe đi trên êm như du, không khác gì hòn lăn chạy trên bàn « billard » vậy. Hai bên đường có hai lối trồng câyùm-tum như cái rừng, cho khách bộ-hành đi chơi ; từ bốn giờ chiều trở đi, những trai thanh gái lịch cùng khách du-lich từ-phương đến dạo chơi ở đấy đông lắm. Tôi thấy có một người ra dáng như người nước Anh hay nước Mỹ, đến xách cái ghế ra ngồi

dưới gốc cây dọc nhật-báo. Được một lát, người đàn bà phát vé đến chia vé ra lấy tiền. Người ngoại-quốc kia cứ lắc đầu, không nói không rằng, hoặc là ương-ngạnh, hoặc là không hiểu. Mụ phát vé phải ra gọi người lính cảnh-sát đứng gần đấy. Người cảnh-sát đến, giơ tay lên mũ chào, cố cắt nghĩa cho người ngoại-quốc kia hiểu, người kia cứ lắc đầu, như không để trí nghe, sau gập tờ báo bỏ túi, đứng lên nghiêm-nhiên đi. — Mụ phát vé muốn chạy theo đòi tiền. Thầy cảnh-sát cười mà bảo mụ rằng : « Laissez-le partir, Madame, pour le bon renom de la France » (Thôi, bà để cho người ta đi, bà, để giữ tiếng tốt cho nước Pháp.) Tôi cho câu nói đó là có ý-vị vô-cùng và đủ tỏ ra cái tư-cách tốt của người cảnh-binh bên nước Pháp, khác hẳn với những cách vũ-phu của nhiều thầy đội-xếp bên này.

Cách vận-tống ở Paris phần nhiều bằng xe ô-tô gọi là taxi, có cái đồng-hò tính tiền, cứ đi được mấy trăm thước lại tự-nhiên dịch đi một số, đến nơi chiếu số mà trả tiền. Còn có xe ngựa nữa, nhưng ít người dùng. Thịnh-hành nhất là thứ autobus, là những xe ô-tô lớn, chở được đông người, trong có chỗ ngồi như xe điện và có đặt từng đường chạy nhất-định; lại có xe điện chạy trên đường phố và xe điện chạy ngầm dưới đất. Ở Paris có thứ xe điện ngầm đó là lạ nhất; trên đường đi lại chật quá phải đào hầm dưới đất cho xe chạy, thành ra dưới thành Paris lại có một thành-phố ngầm nữa, cách sắp-dặt và xây-dựng thật là tài khéo vô-cùng. Hiện có hai công-ti xe điện ngầm : một công-ti Métro và một công-ti Nord-Sud, công-ti Métro lớn hơn nhiều, cho nên thông-tục gọi thứ xe ngầm ấy là xe Métro. Đường Métro đào ngầm dưới thành Paris như mạng-nhện, đường thì chạy dọc, đường thì chạy ngang, đường thì chạy lên, đường thì chạy xuống, đường thì chạy vòng xung quanh, có

khúc chạy ngầm qua sông, có khúc chạy lưng chừng trời, tùy địa-thể chỗ cao chỗ thấp, bấy nhiêu đường cách giảm ba phố lại gặp nhau, chằng-chịt như mắc cửi, mỗi đầu phố có thang có cửa rộng-rãi kang - trang cho khách lên xuống; chỉ lấy một cái vé 30 centimes muốn đi cùng đường đất, đi đâu cũng được, miễn là không lên đến trên mặt đất thì thôi, nếu lên rồi mà trở xuống thì lại phải mua vé khác. Nhưng đi chơi mà chạy cùng dưới đất đen như thế còn có thú gì: cho nên đi Métro thì phải thuộc địa-dò Paris và phải thuộc các đường xe chạy, cùng những chỗ nào đường nào gặp đường nào để đến nơi mà lên hay là chuyển sang đường khác. Bữa tôi mới đến Paris, bỡ-ngờ không biết đầu vào đâu, như chim chích vào rừng, muốn đi thử Métro mà không thuộc đường, đứng luôn trong xe hơn một giờ đồng-hồ, sau thấy hành-khách đều lên hết cả, mình cũng theo lên, thời thấy chỗ ấy là chỗ cửa ô gân ra ngoài thành-phố, thành ra mình đã đi suốt cả thành Paris mà không trông thấy một tí gì. Cho nên đến Paris tất phải thuộc địa-dò cho kỹ, đã thuộc rồi thời đi đâu cũng tiện lắm, vì các đường xe có đối-chiếu nhau cả; định đi đâu, trước khi đi phải đem địa-dò ra mà định cái hành-trình trước, nếu biết khéo chằm-chước các đường thời đến đâu đúng như in, không sai một li. Nhưng mấy bữa đầu đem địa-dò ra nghiên-cứu, thật là mê-li, đủ làm cho rối trí, vì ở Paris số các đường phố có tới bốn ngàn hơn; xe điện ngầm, 10 đường, mỗi đường ít ra cũng đến mười chỗ đỗ chình; autobus, 43 đường; xe điện đi trên phố, 124 đường; trông trên địa-dò thật là rối mắt, không biết phân-biệt đường nào với đường nào. Nhưng nhận kỹ thời nó rạn dần ra, và không bao lâu tìm được rõ các mảnh-mối. Song đi đâu bao giờ cũng phải có cái bản-dò và quyển mục-lục trong túi.

Cách chỗ tôi ở một con đường phố nhỏ — gọi là *Rue d'Ulm*, đây có nhà trường Cao-đẳng-Sư-phạm có tiếng ở Paris, học-sinh thường gọi là « *la mai son d'Ulm* », — thời có nơi *Panthéon* là đền kỷ-niệm những danh-nhân nước Pháp từ xưa đến nay. Đền này hùng-tráng nguy-nga, xây toàn bằng đá, bit kín bốn bề, như bình một cái mỗ to lớn dị-kỳ, bề dài 110 thước, bề ngang 82 thước, trên có một cái tháp tròn cao 83 thước, đứng đây thu-quát được cả hình-thể thành Paris. Cửa tiền có sáu cái cột đá lực-lưỡng, trên có một bức phá-phong chạm khắc các hình-tượng: hình thần Tờ-quốc (*la Patrie*), đứng giữa hai thần Tự-do (*la Liberté*), và thần Lịch-sử (*l'Histoire*), để ban thưởng cái vòng hoa danh-dự cho các người có công với nước; bên hữu là những người đã lập nên sự-nghiệp về đường văn-học, khoa-học, mỹ-thuật, như VOLTAIRE, ROUSSEAU, CUVIER, LAPLACE, LOUIS DAVID, v.v.; bên tả là các võ-tướng đã có công đánh dẹp từ đời trước, đứng đầu là vua Nã-phá-luân, hồi bấy giờ còn là đại-tướng BONAPARTE, vì bức chạm này khởi-công tự năm 1790, chạm khắc đã tinh-xảo mà ý-từ lại cao-thâm, đời sau cho là một nền tuyệt-tác trong nghề điêu-khắc của nước Pháp; dưới bức phá-phong vĩ-đại đó có một câu đề chữ vàng: « *Aux grands hommes la Patrie reconnaissante* » (Nhà-nước cảm ơn những kẻ danh-nhân). Tôi thường ngày ngày đi qua trước đền *Panthéon* này, trong lòng cảm-phục cái cách nước văn-minh thờ những bậc danh-nhân trong nước uy-nghiêm mà long-trọng như vậy. Bước chân vào trong đền, lòng cảm-phục lại thêm lòng tôn-kính, tôn-kính những bậc danh-nhân kia đã làm nên công-nghiệp vẻ-vang cho nòi giống, tô-điểm cho giang-sơn nước nhà. Trong đền rộng mênh-mang, chỉ có tranh với tượng, tranh vẽ vào tường đá diển các tích vẻ-vang trong lịch-sử nước Pháp,

tượng hình các danh-nhân từ đời thương-cổ. Ở nơi chính-diện có một tòa tượng nguy-nga hình cái công-nghiệp khai-sáng của các nhà Cách-mệnh nước Pháp về cuối thế-kỷ thứ 18, dưới có đề câu thệ-nguyện của các nhà ấy rằng: « *Vivre libre ou mourir* » (Vô tự-do, bất ninh tử), sống không được tự-do, thà rằng chết còn hơn. Những bức bích-họa trong đền *Panthéon* này thời có tiếng nhất là mấy bức của ông danh-họa PUVIS DE CHAVANNES, tả về sự-tích bà thánh GENEVIÈVE, đã có công cứu cho thành Paris hồi giặc Hung-nô vào xâm-phạm về thế-kỷ thứ sáu. Nguyên đền *Panthéon* hồi xưa là nhà thờ riêng bà thánh GENEVIÈVE, sau mới mở rộng ra và đổi thành đền kỷ-niệm cả các danh-nhân trong nước. Bên cạnh đây có nhà thờ *Saint-Etienne du Mont*, trong còn có mộ Bà Thánh, ngày nay những thiện-nam tín-nữ đến lễ-bái vẫn còn đông lắm. Dưới đền *Panthéon* có một từng hầm nữa, ở đây mới thật là chỗ chôn di-hài các danh-nhân. Những mộ to nhất là mộ ông ROUSSEAU, ông VOLTAIRE, ông VICTOR-HUGO, ông bà BERTHELOT. Bà BERTHELOT là người đàn bà thứ nhất được chôn trong đền *Panthéon*. Ông là một nhà khoa-học triết-học trứ-danh về thế-kỷ mới rồi; hai ông bà ăn ở với nhau một đời rất là hòa-thuận, gây dựng được mấy người con ai cũng làm nên sự-nghiệp có tiếng cả. Đến tuổi già, vẫn một lòng yêu-mến kính-trọng nhau như lúc thiếu-thời. Chợt bà mắc bệnh tạ-thế. Ông thức nhắc trông nom hết sức không cứu được, gọi các con báo cho biết tin buồn và bảo rằng: « Mẹ con đã mất rồi, ta cũng thấy khó ở đây. » Rồi vào cái phòng bên cạnh, ngồi tựa vào ghế dài thiu-thiu ngủ. Lâu không thấy dậy, người nhà vào đánh thức, thì ra ông đã tắt nghỉ từ bao giờ. Thế là hai ông bà cùng mất một ngày, sống chết không đời nhau. Nhà-nước

định làm quốc-táng cho ông và muốn cả bà cũng được dự phần danh-dự, đề tỏ rằng Quốc-gia biết ơn những bậc danh-nhân đã có công với nước mà cũng biết trọng những người vợ hiền đã có công với gia-đình, hết lòng thờ chồng nuôi con được phải đạo. Bởi thế mà ngày nay hai ông bà được nằm trong đền kỷ-niệm, tiếng thơm lưu-truyền thiên-cổ.

Ngày 11 tháng 11 năm 1920, nhân làm lễ kỷ-niệm đình-chiến lần thứ nhì, Chánh-phủ Pháp có rước vào đền *Panthéon* cái quả tim của ông GAMBETTA là một nhà đại-chánh-trị đã có công dựng-lập ra Dân-quốc bây giờ. Nguyên hồi ông mất, ông có di lại rằng xin để quả tim lại cho nước, là có ý nói rằng nhất-sinh đã tận-tụy về việc nước, đến chết cũng không còn tiếc gì, muốn gửi tâm-can cho nước. Các bạn thân bên giữ lấy quả tim đó, ngâm vào trong rượu, giữ-gìn trân-trọng cho đến ngày nay. — Lại vừa năm ngoài đây, Quan Giám-quốc cùng với cả các quan trong chính-phủ và ông nghị-trưởng hai viện, thân-hành đến đền *Panthéon* đóng cái biển kỷ-niệm võ-công của ông quan ba tàu bay GUYNEMER, để đợi sau này sẽ dựng tượng.

Ấy nước Pháp thờ những bậc danh-nhân một cách trang-nghiêm tôn-trọng như vậy; chẳng bị với những lối đồng bóng quàng xiên, vũ-lộng quỷ-thần của người mình!

Ở *Panthéon* đi thẳng ra thời đến vườn *Luxembourg* trước mặt Thượng-nghị-viện. Vườn này rộng độ hai-mươi-lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công-viên đẹp nhất ở thành Paris. Kiểu vườn là kiểu đời Phục-hưng (*Renaissance*) đồng-thời với cung *Luxembourg*, ngày nay làm nhà Thượng-nghị-viện. Trong vườn nào là tượng đá, nào là bệ nước, nào là chiếu cỏ, nào là thảm hoa, quanh mình rặt những hình-tượng đẹp, màu-sắc

tươi cả, thật như một bức gấm trăm hoa. Cây lớn thời toàn là những cổ-thụ hai ba trăm năm, trồng thẳng bằng từng dãy dài, dưới có lối đi cho khách bộ-du. Đẹp nhất là có một thứ dương-ngô-đồng (cây vòng tây = *platanes*), lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghi-viện mà trông thẳng ra, tưởng không cảnh gì đẹp bằng, cực-mục như một tấm gấm tấm lụa dải thẳng cho đến kỳ-cùng ở giữa hai rừng cây xanh rậm, vì mặt trước này vườn *Luxembourg* lại thông với vườn Thiên-văn-đài, nên coi nó lại càng man-mác nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công-viên như thế này, thật cũng khéo quá: không khác gì như lấy những cổ hoa cây-cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gấm trăm hoa để cho khách ru-du thưởng-ngoạn. Mà trong cuộc ru-du ấy vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh mình không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi họp cả tượng các bà danh-phi liệt-nữ của nước Pháp từ đời xưa. — Nhưng trong vườn *Luxembourg* này có một chỗ thanh-thú nhất, là nơi gọi là bể *Médicis* (*Fontaine Médicis*), có cái bể bằng đá hình hồ-dục, bên trong có một bức chạm tích thần-tiên Hi-lạp ngày xưa, bốn bề toàn những ngô-đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu riu-rit, rõ ra một cái cảnh lâm-tuyền mà lại có tay khéo của người ta tô-diễm. Hai bên có hai dãy ghế, cho khách du ngồi thưởng-ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này, ngồi đến thâu giờ tàn buổi, tho-thần một mình, không phải là những người trong trường nào-nhiệt; phần nhiều là những hạng thi-nhân họa-khách cùng những bậc thiếu-phụ nhân - sâu, đến đây để tiêu-sầu khiển - hứng. Mà cảnh êm-dềm, người lặng-lẽ cho đến nỗi chim sẻ từng đàn liệng qua trước mặt, đậu tận bên mình cũng không sợ. Nội các cảnh đẹp ở thành Paris, tôi lấy chỗ này làm phong-thú hơn cả, thường

chiều chiều đến ngồi đấy từng giờ lâu, cho đến lặn mặt trời mới về: *trời tây bằng-lãng bóng vàng*, những lúc ấy là lúc trong lòng cảm-tưởng vô-cùng.

Xóm tôi ở là xóm học-trò, vậy bao nhiêu những trường học lớn là ở đấy cả. Trường Đại-học Paris ở trong sở *Sorbonne*, là một tòa nhà nguy-nga, rộng hơn 80 thước, dài ngót 250 thước. Sở này dựng từ năm 1885 đến năm 1900 mới xong, ở nơi cố-chỉ nhà thờ và trường học kinh của ông cố ROBERT DE SORBON tự thế-kỷ thứ 13, cho nên gọi tên là *Sorbonne*, qui-mô hùng - tráng, thật là xứng-đáng một sở học lớn nhất của một kinh-dò lớn nhất trong thế - giới. Trong sở này chỉ có ban Văn-học (29 khoa) và ban Khoa-học (25 khoa) thuộc về trường Đại-học Paris, còn ban Y-học, Luật-học thời đã có nhà riêng cũng ở gần đấy. Lại có một cái thư-viện to lắm, hơn 60 vạn quyển sách, để cho các ông giáo và học-trò dùng. Mặt cửa chính có 8 pho tượng đá hình tám khoa-học: Hóa-học, Bác-vật-học, Vật-lý-học, Số-học, Lịch-sử-học, Địa-du-học, Triết-học, Khảo-cổ-học. Vào trong, các bức tường đều có tranh vẽ của những tay danh-họa đương-thời cả, phần nhiều là vẽ các tích về sự học. Rực-rỡ nhất trong sở *Sorbonne* này là nơi đại-diễn-đàn (*le grand amphithéâtre*) rất là to rộng, những khi có cuộc diễn-thuyết lớn hay là hội-tiệc gì về việc học đều họp ở đấy, có thể dung được tới bốn nghìn người. Chính giữa diễn-đàn có một bức bích-họa cực-kỳ vĩ-đại do tay ông PUVIS DE CHAVANNES vẽ, đề là « Rừng học », có các vị thần-tiên ngồi dưới bóng cây bên suối nước mà đàm-luận nghĩa-lý văn-chương; trong vòng bán-nguyệt thời có sáu pho tượng ngồi lực-lưỡng, là tượng ông SORBON, ông RICHELIEU, ông ROLLIN, ông DESCARTES, ông PASCAL, ông LAVOISIER, toàn là những người có công về sự học cả.

Tôi có được nghe diễn-thuyết ở đại-diễn-đàn *Sorbonne* hai ba lần, mà long-trọng nhất là ngày làm lễ bách-niên-khánh-niệm hội « CỒ-Á-châu nghiên-cứu hội » (*Société Asiatique*), và lễ bách-niên kỷ-niệm ông CHAMPOLLION là người trước nhất đã nghĩ ra cách đọc được các chữ cổ của Ai-cập. Bữa đó có quan Giám-quốc MILLERAND thân đến làm tọa-chủ, người đến nghe có tới số năm ngàn. Các nước có phái các ông bác-học đến thay mặt, và lần-lượt mỗi ông đọc một bài khánh-chúc. Chính-phủ Ai-cập thời phái một ông quan đầu đội mũ *fez* (là thứ mũ dô trên có cái đuôi nhỏ như người Chà bên ta thường đội), cũng đọc một bài bằng chữ Pháp, lời-lễ hùng-hồn, người nghe vỗ tay lắm. Đại-khái ông nói rằng nước ông được nhờ có ông CHAMPOLLION mà ngày nay được biết cái cõi-rê cùng những sự-nghiệp vẻ-vang về đời trước, ơn ấy người Ai-cập không bao giờ quên.

Tôi đến Paris vào khoảng cuối tháng năm đầu tháng sáu, các trường học đã sắp nghỉ hè cả, cho nên không được đi nghe giảng nhiều. Nhưng cũng được hai lần vào xem học ở *Sorbonne*: một lần nghe ông Giáo SCHNEIDER giảng về lịch-sử mỹ-thuật nước Pháp, đương phê-bình một bức danh-họa về đầu thế-kỷ thứ 19, có chiếu ảnh cho học-trò xem; một lần được xem ông Giáo LAPICQUE đương dạy một cô nữ-học-sinh thí-nghiệm về các thứ cây biến-sắc khi ở trong tối và khi ra ánh-sáng. Ông Giáo LAPICQUE dạy khoa « tổng-quát sinh - lý học » (*physiologie générale*), chính là khoa của ông PAUL BERT đã dạy khi xưa, hồi chưa sang làm Toàn-quyền bên này; ông giáo có chỉ cho xem cái buồng giấy của ông chính là buồng giấy của ông PAUL BERT khi trước.

Thường đọc trong sách du-ký của người Tàu sang chơi Paris có nói rằng: « Khách du-lich đến Paris mà không xem lăng vua NAPOLÉON thời chưa phải là biết Paris. » Câu đó cũng khi quá, nhưng sở *Invalides* và lăng vua NAPOLÉON kể cũng là một cái kỳ-công trong nghề kiến-chúc của thế-giới. Sở *Invalides* nguyên là tự vua *Louis* thứ 14 dựng ra để nuôi các lính già-yếu tàn-tật. Bây giờ thời sửa-sang để làm nơi bác-vật-quán của nhà binh, trong có một bộ đủ cả các kiểu súng gươm và binh-khi tự đời cổ đến giờ, cả thủy có hơn một vạn chiếc; lại một phần thời dùng làm nha-môn cho quan Đại-tướng Tổng-binh thành Paris. Trong cùng có một tòa nhà tròn, tự đất lên cao hơn trăm thước, ngay chính giữa, đảo vũng xuống thành một cái huyệt tròn có bờ cao lên, xây toàn bằng cẩm-thạch, đó là chỗ lăng vua NAPOLÉON. Chính mộ thời dài bốn thước, ngang hai thước, cao bốn thước rưỡi, làm bằng một tấm hồng-cương-thạch toàn-sắc, của vua NICOLAS nước Nga tặng, đặt trên một cái bệ bằng thanh-cương-thạch cũng toàn - sắc. Chầu chung-quanh mộ, ở dưới huyệt thời có 12 pho tượng đá lực-lưỡng, hình 12 trận đại-thắng của vua. Trong cùng có tượng vua mặc đại-triều-phục cao ước 3 thước. Muốn vào trong huyệt xem thời phải theo đường thang đá đi xuống, trước huyệt có cái cửa đồng đóng kín, hai bên cột có hai pho tượng hình « Văn-chiêu » và « Võ-liệt » (*la Force civile et le Force militaire*), trên biển cửa có đề một câu rằng: « *Je désire que mes cendres reposent sur les bords de la Seine, au milieu de ce peuple français que j'ai tant aimé.* » (Tôi muốn cho di-hài tôi được chôn ở trên bờ sông *Seine*, gần với người dân Pháp nọ, bình-sinh tôi đã yêu-mến biết bao.) Dân nước Pháp đã tuân theo như lời di-chức của ngài, cho nên ngày nay khách du-lich mới được đến đây mà vọng-bái vong-linh một bậc đại-anh-hùng trong

lịch-sử trong một khoảng hai ba mươi năm kinh-thiên động-địa cả một góc trời tây. Khách du-lịch đứng ngắm cái cảnh trang-nghiêm tráng-lệ ở chốn này, không thể cầm lòng cảm-phục, và chỉ có thể phê mấy chữ : hùng-tráng thay ! Người đại-anh-hùng khi tử-hậu một là được chôn như thế này, hai là chết dưới mũi tên hòn đạn, da ngựa bọc thây, thế mới thật là xứng-đáng, còn ngoại-giả là những cách phù - phiếm hảo-huyền, che mặt thế-gian hết cả !

Tôi đến Paris vẫn chỉ rắp định vào xem Nghị-viện họp hội-đồng một buổi xem các ông nghị-viên bên qui-quốc có giống các ngài nghị - viên ở bên ta không. Tôi xin vội-vàng nói trước đề các ngài biết rằng tôi xét ra duy chỉ giống có cái tên mà thôi, và cứ lấy cái tư-cách hiền-lành thời có lẽ các ông nghị Tây còn kém các ông nghị ta nhiều. Muốn vào xem nghị-viện những buổi có hội-đồng phải có vé mới được vào. Vé ấy phải do các ông nghị-viên hay là các quan Thượng-thư xin cho mới được. Người ngoại-quốc thời phải do lãnh-sự hay là công-sứ nước mình xin ở bộ Ngoại-vụ. Tôi may có quen mấy ông nghị-viên cho vé được vào xem Thượng Hạ nghị-viện mấy lần. Nhưng may nhất là một lần được vào Hạ nghị-viện nghe quan Tổng-lý Nội-các POINCARÉ diễn-thuyết. Tôi đọc nhật-báo đã biết rằng Chánh-phủ bị chất-vấn về việc ngoại-giao, và quan Tổng-lý Nội-các thế nào cũng phải ra đối-đáp, nhưng không biết rõ ngày nào. Và lại mỗi lần quan POINCARÉ diễn-thuyết thời người đến xem đông quá, không còn sót một ghế nào, vậy cũng không dám mong-mỏi có thể xin vào được. Không ngờ buổi sớm tôi vào bộ Thuộc-địa thăm quan SARRAUT, nhân nói chuyện rằng tôi ước-ao được nghe quan POINCARÉ một buổi, ngài liền nói : « Ấy, chính chiều hôm nay quan Thủ - tướng sẽ diễn-thuyết

đấy,» rồi ngài cho hỏi quan chánh Văn-phòng có còn thừa vé không. Xem ra chỉ còn có hai cái vé thì đã hứa cho hai người rồi. Quan SARRAUT cũng có ý ngần-ngại, sau ngài bảo^o cứ cầm lấy một cái, rồi ngài sẽ liệu cho người kia sau. Thế là nhờ sự may-mắn lạ nhường mà tôi được cái hân-hạnh nghe quan Thủ-tướng POINCARÉ diễn-thuyết. Trước tôi vẫn tưởng rằng một tay văn-học như ngài thời diễn-thuyết tất là văn-chương hoa-mĩ lắm. Đến lúc thấy ngài lên diễn-đàn nói, thời bình-thường giản-dị như ta nói chuyện thường, không có một câu nào là lời nói phiếm, không có một giọng nào là giọng hư-văn, duy lời nói răn-giỏi mà khúc-chiết, nghe thật là rành-rẻ từng câu từng chữ. Ngài nói luôn trong hơn ba giờ đồng-hồ, trước mặt đề một chồng giấy cao, chốc chốc lại giở ra để tra tìm những ngày tháng cùng số-mục. Lúc đầu thời cả nghị-viện còn im phẫn-phắc để nghe, sau ngài càng nói thời cả bên cực-tả nghị-viện là đảng phản-đối với Chính-phủ càng thấy lao-nhao, rồi một người đứng lên phản-đối, người ấy nói chưa dứt lời, người khác nói liền kế theo, bên tả công-kích, bên hữu đối lại, kể này vỗ tay, kể kia huýt còi, một chốc thành ồn-ào như cái chợ, ông nghị-trưởng ngồi trên rung chuông liên-thanh, không làm cho im tiếng người được. Sau phải hét to lên : « Nếu các ngài cứ làm rầm như thế mãi, tôi phải bãi hội-đồng hôm nay.» Được một chốc rồi mới im tiếng dần. Bấy giờ quan Thủ-tướng mới nói tiếp, ngài nói có ý gắt : « Các ngài hỏi tôi, phải để cho tôi trả lời, muốn trả lời cho có đầu-đuôi, phải nói cho có thứ - tự, việc trước nói trước, việc sau nói sau, tôi không phải là trăm nghìn miệng mà nói cả một lúc được.» Bấy giờ nghe có mấy ông nghị-viên nói : « Được lắm ! Phải lắm ! » Nhưng đảng bên tả vẫn hăng-hăng không chịu. Có mấy ông nghị-

viên bên tả xem ra ý muốn công-kích riêng quan POINCARÉ, hơn là công-kích cái chánh-sách của ngài. Bấy giờ trông thấy ngài đứng thẳng người lên, trông về bên tả, trả lời một cách rất mạnh-bạo rằng: « Ai công-kích riêng tôi, công-kích tôi là POINCARÉ thôi tôi đây không chấp, nhưng mà nếu phạm đến pháp-luật, mà pháp-luật ở trong tay tôi thì tôi sẽ cứ thẳng tay tôi làm. » Nghe mấy lời quả-quyết như thế, hầu hết cả nghị-viện đều vỗ tay, duy có mấy ghế về bên cực-tả thì không thấy động-dậy. Sau ra bỏ vé quyết-nghị, thời phần đa-số vẫn về với Chính-phủ.

Ấy cái cảnh-tượng Hạ - nghị-viện những ngày tranh-biện kịch-liệt như thế. Trông thấy cái cảnh-tượng ấy, khách du-lịch cảm-tưởng thế nào? Người xét nông-nổi thời cho rằng trong một nước mà phân ra nhiều đảng tranh-danh nhau như thế là một sự không hay. Nhưng mà xét cho đến nguồn-gốc sự-lý mới biết rằng phạm mưu việc chính-trị tất phải có cạnh-tranh, đã có cạnh-tranh tất sinh đảng-phái. đã có đảng-phái, những lúc gặp nhau tất phải có sung-đốt, đó là một lẽ tự-nhiên. Người ta không phải là sống bằng cái lý-tưởng suông được, đã có một cái lý-tưởng gì, tất muốn đem nó ra mà thực-hành, và thực-hành thế nào cho được thập-phần lợi-ích. Nhưng phải thực-hành thế nào? Cả cái vấn-đề là ở đó, cả sự khó-khăn là ở đó. Nếu ai cũng là bậc thánh-nhân cả, có cái trí rất sáng-suốt, có cái tài rất kiêm-bị, trông thấy sự lợi-ích, biết được ngay phương-pháp mà làm, thời không việc gì có cạnh-tranh cả. Nhưng người đời không phải là thánh-nhân cả, và đâu có ông thánh-nhân ở đời, người đời cũng không biết. Đã thế thời trừ phi là nhà thuần, tư-tưởng không nói chi, đã muốn ra hành-động với đời tất phải quyết theo một bề nào mình cho

là phải hơn cả, đã quyết rồi thời hình như phải nhắm mắt mà theo cho đến cùng, nếu không thời không làm trọn nên công-cán gì cả. Nhưng cái bề mình cho là phải, kẻ khác lại cho là không phải, cái phương-diện của mình không phải là phương-diện của người, muốn cho người phải theo phương-diện mình thời phải ra cạnh-tranh với người, đã cạnh-tranh thời ai mạnh là người ấy được. Nói rút lại muốn sự ở đời, đều phải lấy sức mạnh mà giải-quyết hết; công-lý công-nghĩa chẳng qua là những tiếng khẩu-đầu. Cứ xem ngay ở nghị-viện nước Pháp thời đủ biết: kia trong nghị-viện có đến năm-trăm người, mỗi người do một địa-phương phái đến, tư-chất tinh-tinh không có một tí gì là giống nhau. Bấy nhiêu người phải họp nhau lại để bàn việc nước, chắc rằng người nào đã được cái danh-dự ra đại-biêu cho quốc-dân thời ai cũng có cái chí muốn mưu việc ích-lợi cho dân cho nước. Nhưng đến lúc phải bàn với nhau nên dùng những phương-kế gì để thực-hành sự lợi-ích ấy, thời không ai đồng-ý với ai, vì mỗi người có một ý riêng, mà đã e hắc ý ai là hơn ý ai? Người thuộc về đảng bên hữu thời nghĩ rằng muốn cho xã-hội tiến-hóa, quốc-gia phú-cường thời phải duy-trì bảo-thủ lấy những nền-nếp cũ trong nước, phải giữ lấy trật-tự cho nghiêm, phòng sự rối-loạn cho kỹ; — người thuộc về đảng bên tả thời nghĩ rằng muốn sự khốn-nạn trong xã-hội, muốn sự cực-khò của người ta, là bởi cái thể-chế xã-hội như bây giờ, chia ra một bọn có tiền có quyền, một bọn nhọc-nhắn nô-lệ, bọn kia cưỡi cò, bọn này phải chịu, thế là trái lẽ công-bằng, thế là không thể dung được; vậy bây giờ phải phá-hoại cái xã-hội kia đi mà gây dựng ra một xã-hội mới hợp với nhân-đạo hơn; — người thuộc về đảng trung-ương thời nghĩ rằng không nên

thủ-cự mà cũng không nên cấp-tiến, phải nên chám-chước cả hai bề là hơn. Người bên tả chê người bên hữu là hủ-lậu chuyên-chế; người bên hữu chê người bên tả là bạo-dộng gây loạn; cả tả hữu đều chê người trung-ương là do-dự nhu-nhuộc, không có chủ-nghĩa, không có đảm-lực. Giữa đám phân-tranh như thế, ai là người bình-tĩnh có thể dám quyết bên nào phải, bên nào trái? Tất phải đem ra chỗ công-trường, cho mà ra sức tranh-biện với nhau; bên nào nhiều người là bên ấy được. Nhiều người há chẳng phải là sức mạnh dư? Như thế thì công-lý ở đâu? Hay là công-lý với cường-quyền cũng một?

Hoặc-giả nói: Nếu như thế thì làm việc chính-trị chẳng là chán lắm dư? Và nơi nghị-trường chẳng là giống như chợ hàng rau dư? Nếu như thế thì các ông nghị ta mỗi năm về Hà-nội chơi mấy ngày, xin Chánh-phủ cho đi xem hát chèo chóp bóng, há lại chẳng có tư-cách hơn các ông nghị tây kia cứ ngày ngày đem nhau ra chỗ công-dồng mà cãi nhau như mổ bò dư? Người yếm-thế hoặc có cái bi-quan như thế. Nhưng mà kẻ thức-giả biết rằng ở đời phải có cạnh-tranh, có cạnh-tranh mới có sinh-hoạt, không cạnh-tranh thì có cũng như không, sống cũng như chết. Đã có nghị - viện phải có chính-đảng, đã có chính-đảng tất có cạnh-tranh, có cạnh-tranh mới hoạt-động; cái phép tiến-hóa của các dân-tộc như thế. Dân-tộc mình còn chưa tới trình-độ đó, ta nên đáng mừng hay là đáng tiếc? Điều đó xin chất-vấn ở quốc-dân.

Ở Hạ - nghị - viện thường vẫn hay hăng-hái hơn là Thượng-nghị-viện, nhưng không phải buổi nào cũng kịch-liệt như thế đâu. Thường thường những khi không có chuyện gì quan-trọng thì không những người đến xem ít mà các ông nghị-viên cũng nhiều ông vắng mặt. Một hôm tôi đến xem thấy đương bàn

về giá lúa cao hạ, quan Nông-bộ đương đối đáp với ông nghị-viên nào đó; nghị-trường vắng tanh, số các ông nghị có mặt phỏng được ba bốn chục ông, mà người đến xem thì lác-đác giảm ba kẻ mà thôi.

Thượng-nghị-viện tôi cũng được vào xem một vài lượt. Các ông nghị ở đây phần nhiều là người có tuổi cả, cho nên cách nghị-luận không mạnh-bạo lắm như ở Hạ-nghị-viện. Nhưng cũng có nhiều khi kịch-liệt, và phần nhiều là do các ông bên tả-đảng phản - đối chính-phủ hay là công-kịch bên hữu-đảng. Hôm tôi đến xem thì có một ông nghị-viên về đảng xã-hội đương chất-vấn quan Binh-bộ về việc trong khi chiến-tranh quan binh có kết-áa làm mấy người lính đem xử-tử vì tội tháo lui trước quân giặc, sau xét ra mới biết rằng án ấy oan và mấy người lính kia vô-tội. Ông nghị-viên hết sức công-kích bọn quan binh vì vô-đoán mà đã làm chết oan mấy mạng người, công-kích Chính phủ đã dung-túng những cách vô-đoán như thế. Ông nói rất là hùng-hồn cảm-dộng; có một lúc ông đập tay xuống bàn mà nói to lên rằng: «Ừ, nào có phải thiệt oan mất mấy mạng người mà thôi đâu, còn đề cái khổ cái nhục cho người sống nữa! Các ngài có nghĩ đến cái tình-cảnh những cha mẹ, những vợ con mấy người chết oan ấy không? Các ngài có nghĩ đến cái đau-dớn, cái tủi-nhục vô-cùng của lũ con trẻ kia, trong khi các trẻ con khác trong làng có cha anh đi trận về, nào là mền-đay, nào là bội-tình, nghềh-ngang vang-vẻ trong làng xóm, mà mình hễ thò mặt ra đầu ngõ thì người ta vạch mặt gọi tên, nói rằng: «Thằng này là con thằng phản-quốc đây. Cha nó ngày trước đã bị xử-tử.» Các ngài có nghĩ đến những nông-nõi đắng-cay chua-xót ấy trong lòng một kẻ hải-nhi không? Kẻ hải-nhi ấy sau này là dân nước đấy, là linh nước đấy! v. v.»

Quan Binh-bộ là quan MAGINOT, người cao-lớn, giọng đổng-dã, rõ ra cái thái-độ một quan Thượng-thư Binh, lên diển-đàn đáp lại, đại-khái nói rằng : « Chánh-phủ cũng biết rằng án đó là lầm, tội đó là oan. Nhưng mà đương buổi chiến-tranh bối-rối, những sự oan-uổng ấy làm sao mà tránh cho khỏi được ? Vả lại, dù thế nào nữa, việc đã dĩ-nhiên rồi, bây giờ nói sao cũng không thể khôi-phục được mệnh người nữa. Như vậy thì dở-dối ra làm chi, cho thêm nỗi đau lòng. Thôi thời bây giờ Chính-phủ đã nhận lỗi, sẽ ra sức giúp đỡ cho cha mẹ vợ con những người ấy, ban tiền đưỡng-lão, tiền tuất-có tuất-quả cho người ta được yên thân. Vả trong buổi binh-hỏa dị-kỳ, những người chết oan chết khổ biết là bao nhiêu, biết mấy mươi nghìn vạn mà kể : tổng-chi cũng là chết vì nước cái v.v. » — Quan Binh-bộ hết sức biện-bạch, mấy ông nghị về đảng xã-hội nhất định không nghe, xin phải tra cho ra lỗi tự ai và làm tội những viên tướng-tá đã kết cái án oan ấy.

Các Ngài xét mấy câu chuyện tôi thuật đó thời biết cái thái-độ các ông nghị-viên bên qui-quốc thế nào. Còn cái cảnh-trạng trong nghị-trường thời như trên kia tôi đã nói, có khi bình-tĩnh mà cũng nhiều lúc phong-ba, nhưng dù những khi rất kịch-liệt, đến nói nặng lời nhau cũng là vì lòng nhiệt-thành về việc công cả, cho nên lòng công-phần ấy đâu quá-đáng cũng khả-nguyên.

Từ trên đến giờ là tôi mới thuật chuyện các ngài nghe những sự du-lich của tôi ở phần thành Paris thuộc về tả-ngạn sông Seine, có thể gọi là phần Paris cổ. Nay trước khi qua sang bên bờ sông kia là phần Paris kim-thời, nghĩa là phần phồn-hoa náo-nhiệt nhất, hãy xin nói qua các ngài nghe về cái tháp sắt *Eiffel*, chắc các ngài

đã biết tiếng cả. Tháp này thật là một cái kỳ-công có một trong nghề kiến-chúc bằng sắt. Kề về bề cao thời suốt trong thế-giới không có cái nhà lầu cột-tháp nào cao bằng: tháp *Woolworth Building* ở New-york cao 229 thước, cột đá ở Washington cao 160 thước; Kim-tự-tháp *Khéops* ở Ai-cập cao 137 thước, mà tháp *Eiffel* này cao những 300 thước; kể về cách kiến-thiết cũng là huỷng-tráng li-kỳ: khởi dựng ngày 28 tháng giêng năm 1887, đến ngày 31 tháng 3 năm 1889 mới thành-công, nặng cả thảy là 7 trăm vạn cân tây, trong có một vạn hai nghìn mảnh sắt nối lại với nhau bằng 250 vạn cái đinh sắt nặng cả thảy là 45 vạn cân. Dưới chân có bốn cái bệ bằng đá móng mỗi cái rộng là 26 thước vuông và chôn sâu xuống đất đến 14, 15 thước. Nghĩ kiểu và đốc-công là ông kỹ-sư *EIFFEL*, cho nên lấy tên mà đặt tháp. Tuy các ngài đã biết cái khung-khò nó to lớn là thế, song có lẽ chưa tưởng-tượng biết ở trên thế nào. Tháp *Eiffel* đó tức là một cái thành-phố nhỏ ở trên không-trung vậy. Tháp chia làm ba tầng đi lên bằng thang máy (*ascenseur*), tầng dưới nhất cách đất 57 thước, tầng giữa 115 thước, tầng trên 275 thước, càng lên càng nhỏ, trên tuyệt-dỉnh có một cái nhà lầu nay dùng làm sở giầy-thép gió (vô-tuyến-điện); ở tầng dưới và tầng giữa đi chung quanh rộng như đường phố. Có hàng cơm, hàng rượu, hàng bán các đồ du-lich kỷ-niệm, lại có nhà kèn, nhà nhảy - dầm nữa. Đứng trên tầng thứ nhất mà trông xuống cái vườn hoa ở dưới đất không khác gì như một tấm gấm Lào, mảnh vuông mảnh tròn sắc-sỡ; lại trông những xe ô-tô chạy dưới đường như con mối bò trên trần vậy. Đứng đấy mà chiếu ống viễn-kính thời thu-quát được cả hình-thể thành Paris, trông cứ xanh um như một rừng

Những công-trình khéo của mĩ-thuật nước Pháp

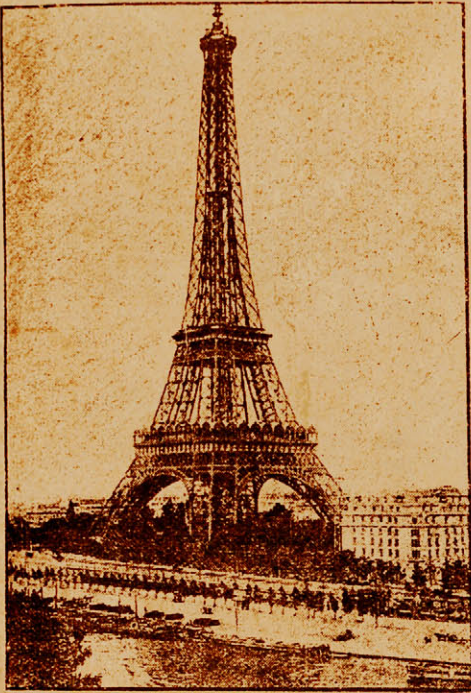
Tượng đá « Người Tư-tưởng » của ông RODIN (1840-1912)



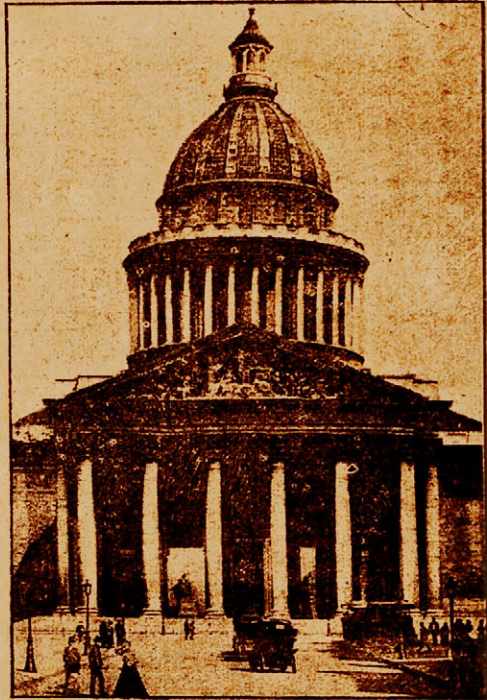
« Hoạc-giả nói : « Ừ thì người Thái-Tây trọng người, cái gì cũng tưởng-tượng ra hình người, đã đành rồi, nhưng mà cứ làm sao lại cứ hình-tượng ra người trần-trưởng cả, thế là nghĩa-lý gì ? » Có xem kỹ những bức tranh, những pho tượng trong các nhà bảo-tàng, bình-tĩnh mà xét, bỏ cái thiên-kiến của người mình cứ cho phàm khóa-thân là có ý dâm-dăng hết cả, thời mới biết rằng có nghĩa-lý lắm. Xét như một pho tượng đá của ông RODIN đề là « Người Tư-tưởng » (*le Penseur*), cả thế-giới công-nhận là một nền kiệt-tác trong nghề điêu-khắc đời nay : pho tượng ấy hình một người lực-sĩ khóa-thân, ngồi trên phiến đá, tay tựa dưới cằm, mặt dăm-dăm, hình gò-gắm, nhìn kỹ như trông thấy bao nhiêu giầy gân bắp thịt trong người thu-rút cả về cái đầu, hình như dể cổ nặn trong óc cho nó bật ra một cái tư-tưởng gì ; trông cái tượng đó sừng-sực trước mặt, tôi tưởng dẫu một người rất quê mùa không quen biết mĩ-thuật của Thái-Tây, cũng không hề nghĩ đến sự khóa-thân là số-sàng mà tự-nhiên phải cảm-động vì cái ý-nghĩa cao-thâm ngụ ở trong phiến đá đó. Nay thử làm lại pho tượng ấy mà hình ra một người mặc bộ áo *redingote* hay bộ áo *jaquette*, râu mày nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao, thời tượng này cũng giống như ông khách qua đường kia, không còn nghĩa lý gì nữa . . . »

(Lời diễn-thuyết của ông PHẠM QUỲNH.)

Những cảnh đẹp ở Paris



Tháp sắt cao 300 thước
(*Tour Eiffel*. — Xem trang 264-265)



Đền kỷ-niệm các danh-nhân
(*Le Panthéon*. — Xem trang 257-258)



Cửa « Bắc-dầu-khải-hoàn-môn »
(*Arc de triomphe de l'Etoile*. — Xem trang 268)

cây rậm. Từ khi chiến-tranh đến giờ tháp này mới dùng làm sở vô-tuyến-điện, chớ trước kia chẳng qua là một cái đồ chơi lạ để thêm trang-sức cho chốn Kinh-đô mà thôi. Nhưng mà nghĩ cái khi-tượng người Tây cũng hùng thay! chơi mà nghĩ làm ra một cái tháp sắt cao ba trăm thước thời cũng kỳ thật. Chẳng bì với cái khi-tượng của người nước ta chỉ ra chơi những núi-non bệ với cây uốn cành, thu giang-sơn vào một góc nhà, lấy ba thước sán làm một cái tiêu-thiên-địa, thế mà cũng tiêu-đạo tự-tại, lấy làm thú đượ. Hai cái tinh-thần thật là cách xa nhau quá, cách xa nhau mà có lẽ cũng hơn kém nhau vì đó.

Bây giờ xin mời các Ngài đi sang ngang với tôi. Nói thế chắc các ngài lấy làm ngại, nhưng không khó gì, vì đi qua sông đây không đầy hai phút đồng-hồ. Sông đã nhỏ hẹp, — sông Seine nước chảy lừ-dừ, có đâu cuốn-cuộn những cát cùng bùn như sông Nhị-hà của ta, — lại đi bên này sang bên kia sông, trong một thành Paris có đến 24, 25 cái cầu, cái nào cũng rộng như đường cái, hai bên tượng đá bao-lơn cả.

Ở xóm tôi mà đi sang bên hữu-ngạn tiện lắm, vì có một đường *autobus* chạy ngay đầu phố, — đường *autobus* hiệu chữ A đi từ sở *Gobelins* đến nhà thờ *Notre Dame de Lorrette*; — nói đến những tên này lại càng thêm nhớ cảnh cũ, vì đường này là lối đi về bấy lâu!

Đường *autobus* đi qua cầu *Carrousel*, lại chạy qua sân cung *Le Louvre*. Nhà đầu mà to lớn lạ nhường! Nội các cung-điện của các bậc đế-vương trong các nước trong thế-giới từ đời xưa đến đời nay, có lẽ không có nơi nào qui-mô hoành-vĩ bằng nơi này. Nghe nói cung *Vatican* của đức Giáo-Hoàng ở La-mã (Rome) đã là to, mà cung này còn lớn hơn gấp ba, diện-tích tới 19 vạn 7 nghìn thước vuông. Các đời vua kế-nghiệp nhau trong bảy tám trăm

năm ở đất kinh-thành Paris đều ra công xây - dựng, sửa-sang, sắp - đặt, chỉnh-dốn một chốn này cả. Từ vua PHILIPPE-AUGUSTE năm 1204 trùng-tu lại cái lâu-thành cổ nguyên có ở đấy trước; đến vua FRANÇOIS thứ 1 năm 1541 sai ông kiến-chúc-kỹ-sư PIERRE LESCOT vẽ kiêu làm ra một nơi cung-điện mới; đến vua LOUIS thứ 14 giao cho hai ông LOUIS LE VAU và CLAUDE PERRAULT mở rộng thêm ra; cho đến vua NAPOLEÓN thứ 1 và NAPOLEÓN thứ ba từ năm 1803 đến năm 1852 dựng thêm hai dãy nhà lầu mới nữa, do tay những ông PERCIER, FONTAINE, LEFUEL, VISCONTI vẽ kiêu và đốc-công; mãi đến năm 1857 mới thật là hoàn-thành như kiêu-cách ngày nay. Một cái cung-điện làm trong bảy trăm năm, do những bậc đế-vương hiền-hách trong lịch-sử chủ - trương giám-đốc, những tay thợ khéo đệ-nhất trong một nước ra công giúp sức, trách gì mà không to không đẹp. Một ông văn-sĩ Tây bình-phẩm đền Đế-thiên Đế-thích (*Angkor*) của Cao-miên có nói rằng: «Chốn này không phải là một nơi cung-điện, chính là một bài thơ trường-thiên, một bài anh-hùng-ca viết bằng đá» (*Ce n'est pas un monument, c'est un poème, c'est une épopée en pierre*), là có ý cực-tán cái vẻ hùng-vĩ ly-kỳ. Khách du-lịch đứng trước cung *Le Louvre* ở Paris cũng có thể nói rằng: «Chốn này không phải là một nơi cung-điện; chính là một áng văn-chương-đại-đoạn, mà là lối văn-chương biền-ngẫu, viết bằng đá, có cái khí-vị hùng-cường mà hoành-hã, mỹ-lệ mà trang-nghiêm như một bài văn của «Tứ-kiệt» về đời Thịnh-Đường vậy.»

Bữa trước tôi có gặp một ông bạn hỏi về chuyện đi Tây, ông nói: «Ông xét cái văn-minh của họ thế nào? Tôi tưởng họ mới văn-minh phú-cường độ giảm sáu chục năm nay, di chinh Đông phạt Tây, cướp lấy thuộc-địa, vơ-vét của tứ-phương đem về nước mới

được giàu mạnh như thế; chớ họ làm gì có cái văn-hoá cổ như Đông-phương mình.»—Tôi bèn kể những lâu-đài cung-điện cổ ở Paris, như cung *Le Louvre*, như nhà Đại-Giáo-đường *Notre-Dame*, cho ông nghe, ông mới tỉnh-ngộ, hiểu rằng tuy cái vật-chất-văn-minh của Âu-Tây mới thịnh trong khoảng nửa thế-kỷ này, mà cái tinh-thần-văn-minh của người ta vốn có cũng đã lâu đời vậy.

Ấy cái hình-thể bề ngoài của cung *Le Louvre* như thế, ngang dọc liền giáp với mấy đường phố lớn, mặt tiền trông ra phố, bề dài là 167 thước, cao 27 thước, có 52 cái cột đá dựng song-song, trông thật là có oai-nghi lắm. Mặt sau có cái sân rộng mênh-mang, xưa làm trường đấu ngựa, nay đầy những tấm hoa, chiếu cỏ, cửa khải, tượng đồng, lại liền với một cái đại-công-viên tức là vườn ngự-uyển ngày xưa, gọi là vườn *Tuileries*, qui-mô thể-thế có phần lại to-tát đẹp-đẽ hơn là vườn *Luxembourg* tôi đã nói.

Bề ngoài đã thế mà vào trong mới lại đẹp nữa. Ngày nay bao nhiêu những cung-điện của Đế-vương cũ, Chính-phủ Dân-quốc dùng làm quán bác-vật, viện bảo-tàng cả. Cung *Le Louvre* nay chính là một cái mỹ-thuật-bảo-tàng-viện lớn nhất trong thế-giới. Bao nhiêu những của báu vật lạ, những kiệt-tác kỳ-công của cái tài-trí người ta đã sáng-nghĩ tô-tạo ra được ở khắp các nơi trong thiên-hạ từ đời xưa đến đời nay, đều sru-la trần-liệt cả ở đây, để làm cái di-tích vẻ-vang của người đời trước, cái mẫu-mực khôn - khéo cho người đời sau. Cứ nghĩ trong một cái nhà này có những bức tranh, có những pho tượng có một trong thiên-hạ, xuất đến mấy ức vạn triệu không thể mua được, mà những tranh những tượng ấy số có mấy trăm mấy nghìn cái, thời đủ biết bao nhiêu của báu họp lại ở chốn này. Gọi tổng-danh là viện bảo - tàng *Le Louvre*, nhưng mà trong chia ra nhiều

viện khác nhau, mỗi viện chiếm mấy cái nhà liền : có viện hội-họa (*musée de peinture*) liệt những bức danh-họa cổ-kim, trong lại chia ra đồ họa của nước Pháp, nước Ý, nước Hà-lan, nước Tây-ban-nha, nước Đức, nước Anh, v.v.; — có viện điêu-khắc (*musée de sculpture*), bày những tượng đá thuộc về Cổ-dại, về đời Trung-cổ, đời Phục-hưng và về Cận-dại; — viện đồ cổ của các nước, trong chia ra đồ cổ của Á-châu, của Đông-phương, của Ai-cập, của Phi-châu, những đồ-tích thuộc về đạo Thiên-chúa, những đồ nung, đồ sứ, đồ đồng, đồ vàng, đồ ngà ngọc về các đời trước. Nhưng đẹp nhất, quý nhất, giàu nhất không đâu bằng, là viện hội-họa và viện điêu-khắc, những tranh những tượng bày ra đấy, đi qua một lượt đến mấy ngày không hết. Tôi đến đấy xem những bức tranh cổ, pho tượng cổ, ngắm-nghĩa giờ lâu, mới hiểu được cái ý-nghĩa sâu của mỹ-thuật Thái-Tây. Trước đọc sách tây thấy tán-dương những tượng đá nữ-thần đảo *Milo*, bức họa mỹ-nhân *La Joconde*, cũng biết vậy mà thôi, chớ không có cảm gì, và xin thú thật rằng trong bụng vẫn không ưa cái mỹ-thuật thật-thà thô-lỗ của người Tây, vẫn tự nghĩ rằng : «Mỹ-thuật gì mà tượng nào tranh nào cũng chỉ hình người trần-trường cả, chẳng qua là cách ghiêu-dâm, còn có nghĩa-lý gì nữa.» Một bức tranh tả-chân của Tây với một bức tranh phá-bút của Tàu, mình vẫn ưa bức tranh thủy-mạc Tàu hơn, vì bức tranh Tàu nó có cái phong-vị thanh-thú êm-dềm, cái khí-sắc mung lung phiêu-diêu, như gần như xa, như không như có, khiến cho mình mơ-màng như trong giấc mộng. Nay được mục-kích những nền kiệt-tác của mỹ-thuật Thái-Tây, — thuộc về đời cổ thời ở trong viện *Le Louvre* này, thuộc về cận-dại và kim-thời thời ở viện *Luxembourg* và viện *Petit-Palais*, — mới giải được rõ cái tinh-thần của mỹ-thuật ấy

thế nào. Cái tinh-thần ấy thật là khác với tinh-thần mỹ-thuật Đông-phương ta. Người Tây cho người là trung-tâm của vũ-trụ, không những có sức thăng-đoạt được cả vũ-trụ, mà lại có tài hình-dung được hết vũ-trụ. Cho nên phạm-tượng-tượng cái gì cũng là tượng-tượng ra hình người cả. Tự-do, Công-lý, Lý-tượng, Ái-tình, phạm những cái tư-tượng siêu-hình ở trong trí người ta nghĩ ra, đều tượng ra hình người cả, mà phần nhiều ra hình người đàn bà cả. Trên con «tem» vẽ người đàn-bà giương tay như dáng khiêu-vũ, thế là hình nước Pháp nhẹ-nhàng bay-bồng; trên con dấu, trên đồng bạc khắc người đàn-bà dựa cột, thế là hình Pháp-luật phòng-phạm uy-nghiêm. Người Tây cho thân-thể người là diễn-tả ra cái gì cũng được: như tả cái suối nước thời vẽ ra hình người đàn-bà trần, tóc bỏ dài xuống dưới lưng, có vẻ thanh-tân yếu-diệu mà lại hình như lướt-mướt mới ở dưới suối tắm lên. Những cái không có hình-ảnh gì, tượng không thể sao tượng ra được, thế mà cũng lấy nét mặt dáng người hình ra được cả: như lòng kỹ-niệm, như sự nhớ thương thời hình ra một người đàn-bà mặt râu-rầu, ngồi tựa bên phiến đá mà ngửng lên nhìn cái gì; trên đầu có một vị thần-nữ có cánh bay qua. Người Tây lại yêu sự thực, mến sự thực, ham sự thực, mê sự thực, cho phạm sự-thực là có mỹ-thuật hết cả, nhà mỹ-thuật có tài là biết tả-chân một cái phương-diện trong sự-vật một cách thâm-thiết trước-mình thế nào cho phát-biểu được cái ý-nghĩa sâu-xa. Như vẽ một người con gái hái nho, mặt tươi-cười hơn-hở, thế là tả cái vui-thú điền-viên; lại như vẽ người đàn-bà mót lúa, bóng đã về chiều, người còn cúi rạp, ở giữa khoảng đồng rộng mênh-mông, thế là tả cái khốn-khổ của người dân nghèo ở chốn nhà quê. Cứ xem cái nét mặt của người

con gái kia với cái nét mặt của người đàn-bà nọ là đủ biết cái tinh-thần hai bức tranh.—Hoặc-giả nói: «Ừ thì người Thái-Tây trọng người, cái gì cũng tượng-tượng ra hình người, đã đành rồi, nhưng mà có làm sao lại cứ hình-tượng ra người trần-trưởng cả, thế là nghĩa-lý gì?» Có xem kỹ những bức tranh, những pho tượng trong các nhà bảo-tàng, bình-tĩnh mà xét, hỏ cái thiên-kiến của người mình cứ cho phạm khóa-thân là có ý dâm-dăng hết cả, thời mới biết rằng có nghĩa-lý lắm. Xét như một pho tượng đá của ông RODIN đề là «Người Tư-tượng» (*le Penseur*), cả thế-giới công-nhận là một nền kiệt-tác trong nghề điêu-khắc đời nay: pho tượng ấy hình một người lực-sĩ khóa-thân, ngồi trên phiến đá, tay tựa dưới cằm, mặt dăm-dăm, hình gò-găm, nhìn kỹ như trông thấy bao nhiêu giây gân bắp thịt trong người thu-rút cả về cái đầu, hình như để cố nặn trong óc cho nó bật ra một cái tư-tượng gì; trông cái tượng đó sừng-sực trước mặt, tôi tưởng dẫu một người rất quê-mùa không quen biết mỹ-thuật của Thái-Tây, cũng không hề nghĩ đến sự khóa-thân là sô-sàng mà tự-nhiên phải cảm-động vì cái ý-nghĩa cao-thâm ngụ ở trong phiến đá đó. Nay thử làm lại pho tượng ấy mà hình ra một người mặc bộ áo *redingote* hay bộ áo *jaquette*, râu mày nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao, thời tượng này cũng giống như ông khách qua đường kia, không còn nghĩa-lý gì nữa.

Ấy nhờ đi xem các quán bác-vật, viện bảo-tàng ở Paris mà tôi hiểu rõ được cái tinh-thần trong mỹ-thuật Thái-Tây. Tôi tưởng những nhà mỹ-thuật ở nước ta cũng nên đề tâm nghiên-cứu.

Ở cung *Le Louvre* đi ra, dạo chơi vườn *Tuileries*, rồi đến một nơi công-trường lớn, gọi là *Cộng-hòa-trường*

(*Place de la Concorde*). Kề các nơi công-trường trong thế-giới thì nơi này là to đẹp hơn nhất. Qui-mô như bây giờ là sửa tự năm 1854. Trước ở giữa có đặt cái tượng Vua Louis thứ 15, sau bị bỏ đi ; đến đời Đại-Cách-mệnh năm 1793, vua Louis thứ 16, bà Hoàng-Hậu MARIE ANTOINETTE và ngót 3 nghìn người thuộc về đảng nhà vua và đảng phản-đối với Chính-phủ cách mệnh bị chết chém ở đấy. Trường thăm-kịch lưu-huyết này mà đời sau đặt tên cho là Cộng-hoà-trường, thực cũng là một sự nực-cười của lịch-sử và là một cái gương bề-dâu cho kẻ thế-nhân nông-nổi. Bây giờ ở giữa nơi công-trường dựng một cái cột đá Ai-cập cao 23 thước, nặng 5 vạn cân, nguyên là bia đá ở một cái cổ-miếu thành *Thèbes* nước Ai-cập, vua nước Ai-cập MÉHÉMET-ALIN năm 1831 tặng vua LOUIS-PHILIPPE nước Pháp. Cột vuông, bốn mặt đều có chữ cổ Ai-cập tán-dương công-đức vua RAMSÈS thứ II trị-vi nước Ai-cập tự 1300 năm trước Gia-tô giáng-sinh. Cột đá này hồi bấy giờ chở được từ bên Ai-cập sang Paris, rồi dựng lên ở nơi này, tưởng cũng ngiên-khê lắm. Chung-quanh nơi công-trường có dựng tám cái đĩnh nhỏ bằng đá, mỗi cái đặt một pho tượng hình một nơi đô-thành lớn ở nước Pháp : Lyon, Marseille, Bordeaux, Nantes, Rouen, Brest, Lille và Strasbourg ; là lấy cái ý rằng tất cả nước Pháp hội-hợp lại ở chốn kinh-đô này để biểu cái nghĩa Cộng-hoà. Tối đến đèn thấp như sao sa, coi rất là ngoạn-mục.

Ở Cộng-hoà-trường đi rẽ ra có một con đường lớn nhất, hai bên cây-cối um-tùm. Chính là đường thông - cù *Champs-Élysées*, là một đường đẹp nhất ở Paris và có lẽ trong khắp thế-giới nữa. Mấy bữa sắp dời thành Paris, ông Vĩnh với tôi không chiều nào là không chạy xe trên đường này, nói rằng trước khi từ-biệt chốn danh-đô muốn in lấy cái cảnh-tượng trang-nghiêm tráng-lệ

này vào con mắt. Mà thật không có cảnh nào trang-nghiêm bằng cảnh con đường thông-cù này lúc trời tây đỏ ủa, bóng cây đã hiu-bắt gió chiều, cái xe bon-bon chạy giữa cùng với trăm nghìn cái xe khác nữa chạy thi, ngoảnh lưng lại thấy cái cột đá Ai-cập đột-ngột giữa khoảng không, nhìn trước mặt thời thấy sừng-sực một cái cửa đá như một toà thành cao ngất trời. Đó là cửa Bắc-đầu-khải-hoàn-môn (*Arc de Triomphe de l'Etoile*). Cửa này là cửa Khải-hoàn lớn nhất và đẹp nhất trong thế-giới.— Nói đến những kỳ-công thắng-cảnh ở Paris không thể không dùng đến những chữ : « lớn nhất đẹp nhất trong thế-giới », dùng lắm tựa-hồ như thành nhâm, song chính thật như thế, không phải là một câu khẩu-đầu như ở bên mình phạm tiệc gì hội g: cũng là « rất trọng-thê » hết cả !—Cửa này khởi-công tự năm 1806 để kỷ-niệm các chiến-công hiển-hách của nước Pháp, bỏ dở một độ, đến năm 1825 mới làm nốt, tổng-phi cả thấy là hơn 9 trăm vạn quan. Bề cao 45 thước rưỡi, bề rộng hơn 40 thước, lòng cửa từ mặt đất lên đến cuốn cao là ngót 30 thước, năm mới rồi đã có một cái tàu bay chui lọt qua được. Chung quanh cửa có chạm những tích về trận-mạc, mấy bức chạm ấy trưng-truyền là tinh-xảo vô-cùng. Hiện nay ở dưới cuốn cửa có chôn di-hải người lính vô-danh đem ở trận-tiền về năm 1920, trên đây bằng một cái tảng đá khắc mấy chữ kỷ-niệm : « *Ici repose un soldat inconnu mort pour la Patrie* » (Đây là di-hải một người lính vô-danh đã vì nước quyền mình). Từ đấy, chỗ này thành một chỗ viếng thăm, cả ngày lũ-lượt những khách du-lịch tứ-phương đến ngả mũ chấp tay kính viếng vong-linh người vô-danh-anh-hùng, một mình nằm đây để thay vì cho hơn trăm vạn anh em đã bỏ thân nơi chiến-địa.

Châu đầu lại ở giữa nơi công-trường

cửa Khải-hoàn này, có 12 con đường lớn chạy thẳng băng ra khắp mọi bề, như tia sáng ở một ngôi sao ra, cho nên cửa Khải-hoàn đặt tên là « Bắc-đầu-khải-hoàn-môn. » Một con đường đó, cây cối ùm-tùm, đi thẳng vào nơi gọi là rừng *Boulogne*, là một chỗ đi chơi mát lịch-sự và phong-thú nhất ở Paris. Gọi là rừng, không phải là rừng xanh nước biếc gì ; tức là một cái trại cây lớn, một cái đại - công - viên, nhưng diện-tích rộng tới 900 mẫu tây mà cây-cối rậm-rạp, như thể một cái rừng thật. Trong có đào hồ, xẻ đường cái chạy ngang chạy dọc cho xe hơi xe ngựa đi, những đường nhỏ dưới bóng cây cho khách bộ-hành và người đi xe đạp. Lại có những phạn-diếm, tửu-lâu, vũ-dài, ca-quán, cho những khách sang đến ưu-du tiêu-khiển ; tối đến đèn điện thấp sáng choang, trông xa như những lâu thủy-tinh nổi lên ở giữa đám rừng rậm. Cách ăn chơi ở đây cực-kỳ xa-xỉ, người thường không thể đến được, nhưng mà buổi chiều mùa hạ, chạy xe máy vòng trong rừng trước hay sau khi ăn cơm, là một sự du-khoái ai cũng có thể thưởng được.

Ở Paris mà không đi dạo chơi các đường - phố lớn cũng là người quê. « Đường - phố lớn » ở đây gọi là *les grands boulevards*, là mấy nơi cực-kỳ phồn-hoa náo-nhiệt. Mấy đường-phố bên trong ở về gần giữa thành-phố, như đường *Opéra*, đường *Capucines*; đường *Ialiens*, đường *Haussmann*, đường *Malherbes*, đường *La Fayette*, là những nơi buôn bán to, cửa hàng lớn, cả ngày xe ngựa người đi như nước chảy. Đi dạo chơi các phố-phường này hay là vào xem những cửa hàng lớn, thật là ngốt người lên : mỗi một nhà hàng như một cái thành-phố nhỏ, mà trong lúc nào cũng đông như chợ ; vào đấy nào đường nọ nào, ngõ kia, từng trên từng dưới, lại từng dưới đất đi ngầm qua

phố này sang phố khác, thật là mê-li, không thể sao khỏi lạc đường được. Còn những đồ đẹp của báu, thời biết bao nhiêu mà kể. Vào đến đây chỉ tiếc mình không phải là một đại-phủ-ông nào để mua đồ cho thỏa chí. Nhưng kẻ hàn-sĩ, lấy tiền đâu mà sắm-sửa được như người. Nghe đâu có đức Hoàng-đế ta chuyển ngư-du Âu - châu này, sắm được nhiều đồ quý vật lạ lẫm, và thứ nhất là các « trang-sức-phẩm » ở Paris. Có ông Tây đã nói với tôi rằng : « Vua anh giàu thật ! » Tôi nghĩ bụng : « Rõ ông này lại khen phò-mã tốt áo ! »

Còn một dãy đường-phố bên ngoài, gọi là *les boulevards extérieurs*, thời là chỗ ăn-chơi : đường *Batignolles*, đường *Clichy*, đường *Rochechouart*, toàn những cao-lâu, khách-sạn, ca-quán, vũ-trường cả. Đây là đã thuộc về địa-phận *Montmartre* rồi, là xóm Bình-khang của Paris đây. Thời, ăn-chơi đến đây là tuyệt - phẩm. Nhưng phải có bạc vạn tiền nghìn mới được. Nào là những vương-tôn qui-khách, nào là những cự-phách làng chơi của các nước đều là tụ-hợp ở đây. Và có lẽ người các nước lại nhiều hơn người Pháp. Cho nên nếu cứ lấy đây mà xét người Paris thời không khỏi oan cho người Paris quá.

Khi tôi ở Paris cũng có đi xem hát, xem diễn-kịch nhiều. Xem đủ các hạng, những nhà hát lớn như *Opéra*, *Comédie française*, *Odéon*, những nhà hát nhỏ như *Théâtre des Capucines*, *Théâtre du Grand Guignol*, v. v. Nghe nói rằng về lối tân-kịch hay nhất là nhà hát *Vieux Colombier*, nhưng tôi chưa kịp đi xem đã đóng cửa nghỉ hè. Tôi cũng lấy làm tiếc không được nghe bà SARAH-BERNHARDT là một vai đào có tài lắm đã nổi tiếng trong thế-giới từ mấy chục năm đến giờ ; năm nay bà đã già, đến 80 tuổi, mà vẫn còn sức mạnh, vẫn thường ra trò. Tôi có ý xét cách diễn-

kịch bên qui - quốc xem có điều gì bổ-ích cho nghề diễn-kịch ở nước ta đương lúc giao-thời này không. Ở *Comédie française*, một bữa tôi có xem diễn bài « Trường-giả học làm sang », tôi tưởng cũng không lấy gì làm tài lắm, sánh với các tay tài-tử của Hội Khái-tri diễn đầu năm nay, tưởng cũng là một mười một bảy mà thôi. Có lẽ là bài cổ-kịch nên người ta không dụng-công lắm. Song các nhà hát lớn như *Opéra*, như *Comédie française* thì ta không thể bắt-chước được. Tôi xem như ở rạp *Grand-Guignol* có một lối kịch ta có thể chắm-chước mà phỏng theo, là lối « kịch bằng cảnh » (*pièce en tableaux*), lấy cảnh mà giúp thêm cho lời nói. Bữa tôi xem, người ta có diễn một bài bi-kịch về lối ấy, đề là « Một đêm ở thành Londres », rút ở trong thuyết-bộ của nhà văn-sĩ nước Anh DICKENS. Chuyện một người đàn bà già có con phạm-tội phải xử-tử thật cổ, sớm mai hành-bình, đêm đến tìm một ông thầy thuốc danh-sư nọ, kêu van ông ngày mai đúng giờ ấy đến nhà bà cứu cho một người sắp chết, nhưng không nói rõ vì cớ gì; hôm sau ông đến, xác mới khiêng về, nhưng đã chết rồi không thể cứu được nữa. Bấy giờ ông mới hiểu là người tội-nhân mới xử-tử; nhưng người mẹ trông thấy xác con như phát điên lên, cứ ôm lấy mà than khóc kể-lẽ một cách rất thảm-thiết, một mực van ông cứu cho, nói rằng con chưa chết. Ông thầy thuốc bấy giờ trong lòng cảm-thương bi-đát vô-cùng, vẫn biết rằng kẻ phạm-tội với xã-hội thời xã-hội có quyền trừng-trị, thế là lẽ công-bằng, nhưng mà trị kẻ có tội mà đề thương đề xót đề đau, đề khổ cho người không tội, há phải là lẽ công-bằng sao? Song cái công-lý của người đời chỉ có thô-lược như thế mà thôi; người ta ăn ở với nhau không thể lấy một công-lý mà xử được, phải có lòng từ-bi bác-ái mới được, vì trông

thấy cái cảnh đau-khổ của người đàn-bà này, ai là người cảm-lòng cảm-động? — Diễn khéo quá, cảm-kích người ta đến cử-tọa đều lưu-thế; có bà đầm ngồi bên tôi nước-nở khóc đến mười-lăm phút đồng-hồ. Trong bài kịch, lời nói không có mấy, mà những lúc không nói lại là chỗ hay nhất.

Tôi thiết-tưởng văn diễn-kịch phải là văn cứng-cát lắm mới được; văn quốc-ngữ ta bây giờ còn non-nớt, dùng vào diễn-kịch không khỏi khuyết-hám. Vậy nếu bây giờ có một lối kịch như lối « kịch bằng cảnh » đó, lấy cảnh mà giúp sức cho lời văn, thời hợp với cái trình-độ của ta lắm. Và lại lối này là lối đoan-kịch, chỉ một vài hồi mà thôi, và diễn không đầy một giờ đồng-hồ, tưởng bắt-chước cũng không khó. Cái đặc-sắc của nhà *Grand-Guignol* ở Paris là mỗi buổi diễn ba bốn bài, hết bi-kịch đến hi-kịch gián-tiếp nhau, bao giờ bài sáu cùng cũng là một bài buồn cười, cho người xem lúc đứng lên có cái cảm-tưởng vui-vẻ.

Bốn năm bữa trước khi dời thành Paris, tôi đi xem các nhà thờ. Nhà thờ ở Paris thời lớn nhỏ kể hàng trăm cái, có mấy cái thiệt to thiệt đẹp, thật là những công-trình vĩ-đại của nghề kiến-chúc đời xưa. Tôi có xem nhà thờ *Notre-Dame* là nhà-thờ lớn nhất ở Paris và có lẽ ở cả Âu-châu nữa, chắc các ngài cũng đã biết tiếng; nhà thờ *Madeleine*, làm theo kiểu các thần-tự Hi-lạp đời xưa, trông có bề-thể uy-nghiêm lắm; nhà thờ *Sainte-Chapelle*, ở khuất vào trong sân Tòa Án, tuy nhỏ mà trang-truyền là một nền kiệt-tác trong kiểu kiến-chúc « gô-tích » (*gothique*), trong có bộ tượng 12 ông thánh tôn-đồ và những kính ngũ-sắc tuyệt đẹp về thế-kỷ thứ 13; nhà thờ *Saint-Sulpice*, qui-mô hoành-vĩ, làm ghé theo kiểu Hi-lạp, dựng từ thế-kỷ thứ 16-17, có lẽ là nơi giáo-đường to rộng nhất ở Paris; nhà thờ *Sacré-Cœur* ở trên đống cao

xóm *Montmartre*, dựng theo kiểu *roman* và kiểu *byzantin* tự năm 1878, kinh-phí mất hơn 30 triệu quan, có một quả chuông nặng 2 vạn 6 ngàn cân; nghe nói năm trước có một bọn phú-hào nước Mĩ muốn xuất tiền ra mua cái nhà thờ đó mà không được;—đó là mấy nơi nhà thờ lớn và có tiếng nhất; còn nhiều nơi khác nữa nhỏ hơn nhưng cổ lắm, các nhà sử-học, nhà khảo-cổ lại lấy làm quý và đẹp hơn các nơi lớn kia, như nhà thờ *Saint-Germain des Prés*, *Saint-Germain l'Auxerrois*, *Saint-Séverin*, v. v., tôi đều đi xem gần hết cả. Đến những nơi nhà thờ cổ ấy cùng vào xem những cổ-vật-quán như *Musée de Cluny*, mới biết rằng cái văn-hóa cũ của nước Pháp đã sở-đắc ở đạo Gia-tô nhiều lắm. Tự đời Đại-Cách-mệnh trở về trước, trong khoảng một nghìn năm, các nghệ-thuật ở nước Pháp, đều chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo, hình như tâm-nhiệm cái tinh-thần của tôn-giáo cả; bao nhiêu những đồ-vật cổ ở các viện bảo-tàng toàn là những đồ tế-tự ở nhà thờ cả, và bao nhiêu những công-trình kiến-chúc lớn về đời trước toàn là nhà thờ hết. Ngày nay cái phong-trào tự-trưởng tự-do mỗi ngày một thịnh, song người Pháp cũng không nên quên cái công to của Giáo-hội đã giúp cho văn-hóa trong nước bấy lâu nay.

Những nơi danh-thắng ở Paris còn nhiều lắm, tôi chưa từng xem hết được, và trong những nơi đã từng xem qua cũng không thể kể hết trong một bài diễn-thuyết được. Nay tôi đã lược-thuật những sự kiến-văn cảm-tưởng, xin cũng nói qua mấy câu về sự hành-vi của tôi trong mấy tháng ở Paris. Như tôi đã nói, chủ-ý tôi đi Tây là định đề quan-sát cái văn-minh của quí-quốc. Song công-nhiệm là đi về việc Đấu-xảo, cho nên cũng phải họp mặt trong một vài buổi hội tiệc ở Marseille, như hôm khánh-thành trường Đấu-xảo, hôm đón quan Thượng-thư SARRAUT, đón quan

Giám-quốc MILLERAND. Nhưng xong việc rồi, tôi lên Paris ngay. Đến nơi có mấy trường học hội học mời tôi diễn-thuyết, tôi cũng muốn nhân dịp nói cho người quí-quốc biết nước Việt-Nam, người Việt-Nam thế nào. Tôi diễn-thuyết cả thảy năm lần, không kể những khi làm-thời thù-ứng phải nói giảm ba câu không có quan-hệ gì: lần thứ nhất ở Trường dạy tiếng Đông-phương nói, về sự tiến-hóa tiếng An-nam ta, kể rõ tiếng An-nam vốn quan-hệ với chữ nho thế nào và ngày nay chịu ảnh-hưởng của chữ Pháp vẫn Pháp thế nào;—lần thứ nhì ở trường Thuộc-địa, là nơi dạy các quan cai-trị sang làm việc bên này; bài này là dài hơn và quan-hệ hơn cả, nói về cái tâm-lý của người Việt-Nam mình từ khi có Qui-Bảo-hộ đến giờ; đại-khái nói rằng hồi đầu vị không hiểu cho nên đã phản-đối, song sự phản-đối đó cũng là lẽ tự-nhiên, sau biết rằng người mình còn thiếu-thốn nhiều lắm, nên nay hết lòng trông cậy ở quí-quốc ra sức khai-hóa cho có ngày mở mày mở mặt được với thế-giới; các quí-quan sang đây từ xưa đến nay, ngài nào cũng giảng cái chủ-nghĩa Pháp-Việt-đề-huê, nhưng muốn cho hai nước đề-huê phải cho ích-lợi quân-chiếm, nay về phần chúng tôi đã đem cái quyền tự-chủ trong nước, đem những sản-vật thiên-nhiên cùng nhân-công lao-động mà phó-mặc cho quí-quốc lợi-dụng sai khiến, quí-quốc nên nghĩ lại thi-thố thế nào cho khỏi phụ cái lòng mong-mỏi của cả một dân-tộc; nhưng dù thế nào chúng tôi cũng một lòng tin cậy, vì đã biết rằng quí-quốc là một văn-minh-đại-cường-quốc trong thế-giới, xưa kia đã từng đi giải-phóng cho các dân-tộc khác bị lao-lung cũng đã nhiều, có lẽ đâu đối với thuộc-quốc của mình lại không ra tay tế-độ;—lần thứ ba ở Hội « Đông-phương-Ái-hữu-hội » là một hội những thân-sĩ ở Paris có lòng yêu-mến cái cổ-văn-hóa của các nước

Đông-phương, lần này nói về thi-ca Việt-Nam, dịch những câu ca-dao hay của ta và giảng về truyện Kiều, kết-luận rằng tiếng An-nam cũng là một thứ tiếng hay, chứ không phải là một cái thô - âm man - mọi gì, và trong các trường của Qui-Chính-phủ đặt ra để dạy học người An-nam không hề lấy tiếng An-nam mà dạy cũng là một sự khả-quái ; — lần thứ tư, dự tiệc ở Hội Địa-dư-học Paris, nói về cái chủ-nghĩa của Hội Khai-tri-tiến-đức ; — lần sau cùng, nói tại Hội Hàn-lâm, ban luân-lý và chính-trị-học.

Lần này thực là một sự may-mắn lạ thường, và cũng là một sự vinh-hạnh cho tôi quá. Tôi có dấu dấm mong được vào nói ở một nơi tôn-nghiêm như Hội Hàn-lâm. Nguyên tôi có quen thân một ông văn-sĩ ở Paris, thường cùng ông đàm-luận về những vấn-đề quan-hệ cho nước ta ngày nay. Ông có quen biết nhiều ở viện Hàn-lâm. Ông khuyên tôi rằng : « Ông nên ra nói ở Hội Hàn-lâm, ban luân-lý-chính-trị-học. Nói ở đây có ảnh-hưởng và có giá-trị hơn chỗ khác nhiều. » Tôi nói rằng tôi cũng biết vậy, nhưng tôi tuổi trẻ, không có danh-giá gì, ở Paris không ai biết, thế sao mà vào diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm được. Ông bảo không hề gì, để ông thân-hành giới-thiệu cho ông vĩnh-viễn-thư-ký Hội Hàn-lâm, tức là người chủ-nhiệm các công việc trong hội. Ông vĩnh-viễn-thư-ký ban luân-lý-chính-trị chính là quan Giáo LYON-CAEN dạy Pháp-luật ở trường Đại-học Paris. Ngài tiếp-đãi tử-tế lắm ; nói chuyện hồi lâu, rồi ông văn-sĩ quen tôi mới ngỏ ý riêng cho ngài hay. Ngài ngần-ngại mà nói rằng : « Hội Hàn-lâm còn có một kỳ hội-đồng cuối tuần-lễ này nữa thời giải-tán để nghỉ hè, mà kỳ hội-đồng này nhiều việc quá. Vả, trừ các thông-tin hội-viên của hội ở các nơi, còn người ngoài vào, nội ở đây cũng ít. Người Đông-phương thời năm trước có một ông bác-sĩ người An-đô,

nhưng ông thuộc tiếng Anh hơn tiếng Pháp, nói khó nghe lắm. Tôi xem ông đây nói tiếng Pháp được, song xin để tôi nghĩ và thu-xếp xem có đủ thi-giờ để ông nói không. » Cách hai ngày thì tôi nhận được thư của ngài trả-lời rằng đến ngày thứ bảy 22 Juillet đúng 2 giờ được phép lại Hội Hàn-lâm để diễn-thuyết, và thời-hạn nói chỉ được mười-lăm phút mà thôi. Bữa ấy là chiều thứ tư. Được thư tôi lấy làm mừng lắm, vội-vàng nghĩ một cái đề để thảo bài diễn-văn. Tôi nghĩ trong các vấn-đề thiết-yếu cho người mình bây giờ không gì bằng vấn-đề giáo-dục. Tôi bèn thảo một bài tả rõ cái tình-trạng sự giáo-dục ở nước ta, phân-trần những điều lợi-hại, những sự khó-khăn và hỏi ý tòa Hàn-lâm nên giải-quyết thế nào cho hợp lẽ. Tôi nói rằng nước Việt-Nam là một nước cổ, vốn đã có một cái văn-hóa cũ, nhưng cái văn-hóa cũ ấy ngày nay không thích-hợp với thời-thế nữa, cần phải có cái văn-hóa mới đời nay thì mới có thể sinh-tồn được trong thế-giới bây giờ. Cái văn-hóa mới ấy, dân chúng ta nhờ Qui Đại-Pháp truyền-bá cho. Hồi đầu qui-chánh-phủ dạy người An-nam chẳng qua là dạy lấy ít tiếng tây để sai-khiến các công việc cho dễ, chưa phải là truyền-bá văn-minh học-thuật gì. Gần đây mới gọi là bắt-đầu ban-bố một cái học cao hơn trước một chút. Nhưng trong sự truyền-bá cái học mới ấy, có nhiều nông-nổi khó-khăn, qui-chánh-phủ vẫn chưa giải-quyết được ổn-thỏa. Nếu dân Việt-nam là một dân mới có, chưa có nền-nếp, chưa có lịch-sử gì, thì qui-quốc cứ việc hóa theo tây cả, dạy cho học chữ tây hết cả, đồng-hóa được đến đâu hay đến đó. Nhưng ngài thay, dân Việt-Nam không phải là một tờ giấy trắng muốn vẽ gì vào cũng được ; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi, nếu bây giờ viết đè một thứ chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất. Cho nên bây

giờ dạy khắp chữ tây cho người An-nam từ tuổi nhỏ đến tuổi lớn, như ở các trường Pháp-Việt ngày nay, kết-quả chỉ đủ làm cho người An-nam mất giống An-nam mà chưa chắc đã hóa được theo tây hẳn, thành ra một giống lửng-lợ, thật là nguy-hiêm. Muốn tránh sự nguy-hiêm ấy chỉ có một cách : là dạy cho con trẻ An-nam bằng tiếng An-nam cho hết bậc tiểu-học, lấy cái phổ-thông-giáo-dục bằng quốc-văn làm gốc cho nền giáo-dục trong nước, như thế vừa tiện mà vừa mau, vì không mất thì giờ học một tiếng nước ngoài dở-dang không đến nơi và không dùng được việc gì. Học trò đã được bằng tốt-nghiệp tiểu-học bằng tiếng An-nam rồi, bấy giờ mới kén chọn người nào có sức học được lên các bậc trên nữa, như trung-học đại-học, thời cho vào một trường dự-bị chỉ chuyên học tiếng Pháp, nhưng học theo cách tấn-tốc, như người Pháp học tiếng Anh tiếng Đức, nghĩa là học như học tiếng ngoại-quốc vậy. Học thế chỉ vài năm có thể thông chữ Pháp đủ theo được các lớp trung-học như bây giờ. Như thế mới khỏi được cái nguy-hiêm thành một hạng người dở-dang, tốt-nghiệp ở trường tiểu-học ra chữ tây không đủ dùng được việc gì, mà cái phổ-thông thường-thức học bằng chữ tây cũng còn mập-mờ chưa lĩnh - hội được hết, còn tiếng của nước nhà thì hầu như quên cả, v. v. —

Ấy đại-khái những ý-kiến tôi đã phân-trần trong bài diễn-văn ở Hội Hàn-lâm như thế, toàn là những ý-kiến tôi vẫn từng bàn-luận trong báo *Nam-Phong* bấy lâu nay. Nhưng có dịp mà trình-bày cái vấn-đề giáo-dục bên nước ta cho những bậc danh-sĩ bên qui-quốc biết, tưởng cũng là một việc hay.

Tôi được cái dịp may-mắn như thế, thực là nhờ ông văn-sĩ đã giới-thiệu cho tôi, và được quen biết ông lại là một sự may-mắn trong cuộc du-lịch

của tôi. Ông là người túc-học đạo-đức, đãi tôi một cách rất ân-cần trọng-hậu, coi như người bạn phương xa; còn về phần tôi thời kính trọng ông như một ông thầy, vì ông tuổi đã cao mà lại có cái tư-cách cao-thượng rất đáng phục. Trong khi lữ-thứ phương xa, được gặp một người có cảm-tình chân-thật như thế, thật là một sự đáng kỷ-niệm một đời.

Thưa các Ngài,

Bài diễn-thuyết này đã dài lắm rồi. Kể nói chuyện đi Tây của tôi thì nói đến suốt đêm cũng chưa hết. Nay hãy xin dừng lại đây, và nhân tiện tóm-tắt mấy câu về sự du-lịch này có ảnh-hưởng gì cho phần tư-tưởng riêng của tôi.

Mấy bữa sắp rời Paris, các anh em về Marseille cả, còn ở lại duy có ông NGUYỄN VĂN-VĨNH với tôi. Hai người cùng ở một trọ, đêm khuya ngồi buồn, thường bày ra pha nước, uống nước trà, bàn chuyện nước. Nói đến cái nông-nõi, cái thói quen cùng cái tính-chất của người mình, nhiều khi không thể không thở dài mà hốt-nhiên nóng lòng sốt ruột. Chợt hai người cùng nói, thật là tư-tưởng không hẹn mà gặp nhau : « Lạ quá! Chúng mình sang đây, hồi-tưởng đến công-việc ở nhà, sao mà nó xa-lắc xa lơ như thế. Nhiều việc mình thường lấy làm quan-hệ, ngồi đây mà xét, sao mà nó bần-tiêu nhỗ-nhen quá thế! Người mình chỉ nhọc-nhẫn tri-trục những sự chẳng đâu đâu, nào là tranh ấu, tranh nói, tranh đứng tranh ngồi, tranh ngôi, tranh vị, tranh lấy cái tiếng cái miếng hảo-huyền! Không biết rằng đồng-thị là một giống yếu hèn, dẫu hơn nhau được một thước một bước, đã lấy gì mà đủ tự-khoái tự-cao. Người Tây họ nói phải thật : ở Paris này, hình như cái óc mình nó rộng thêm ra, cái tư-tưởng mình nó

cao hơn lên ; có thể thật. Nhưng mà biết đến khi về nhà có còn giữ được như thế không ? Chứa đảm chắc ! » — Nói đến đấy hai anh em đều bật cười.

Từ khi tôi về đến nay, các ngài quen biết nhiều ông có bụng yêu ân-cần hỏi : « Chuyển này đi Tây về, có được gì không ? » Tôi hỏi : « Được gì ? » — « Được Bội-tinh, được thăng-thưởng chớ gì ! » — Nghe câu hỏi mà tôi riêng lấy làm thẹn, xét mình có công-cán gì mà được những sự vinh-dự đặc-biệt như thế. Không ! chuyển này đi Tây tôi cũng có cái sở-đắc, nhưng không phải sở-đắc như thế, sở-đắc được một điều : là được sáng mắt thêm ra, biết cái chân-tinh-thế trong thiên-hạ, biết cái chân-giá-trị của người ta, biết cái

gì là cao, cái gì là sang, cái gì là trọng, cái gì là quý, và những cái mình thường lấy làm quý, chưa chắc đã là quý, cái mình thường lấy làm trọng, có lẽ chưa đáng trọng, cái mình thường cho là sang, vị-tất đã là sang, mà cái mình thường lấy làm cao, chưa ắt hẳn là cao. Không, chuyển này đi Tây tôi cũng có cái sở-đắc, nhưng sở-đắc là được sáng mắt ra như thế, chớ không phải sở-đắc cái hư-vinh gì để huênh-diệu bà con. Vì không được cái gì nữa, mà chỉ được có thể thôi, trông cũng bỏ công mấy buổi lu-đừ say sóng ở trên bề Ấn-độ-dương nọ !

Hà-nội, tháng mười năm 1922

PHẠM QUỲNH

Lập Ấu-trĩ-viên ích lợi như thế nào ?

Trong một dân-tộc kẻ có mấy mươi triệu người cùng sinh-tụ ở một quốc-thổ Việt-Nam này mà không có một hợp-quần đại công-ti, không có một tế-bần đại công-xưởng, không có một cuộc từ-thiện cứu-tế đại-cơ-quan, chỉ là nhà nào ấm no riêng nhà ấy, nghề nào kiếm ăn riêng nghề ấy, không lập ra một đại đoàn-thể để bảo-trợ lẫn cho nhau, phụ-trì lẫn cho nhau, thì quốc-dân sao hay cùng được hưởng cái hạnh-phúc chung, sao hay tránh được những nỗi lưu-ly bần-khốn. Vậy cái vấn-đề thiết-yếu bây giờ không gì cần-thiết bằng cái vấn-đề cứu-bần trợ-cấp, mà cứu-bần trợ-cấp thì trước nhất phải thể-sát đến tình-trạng ở chốn lu-diêm, mà tình-trạng chốn lu-diêm thì thâm-thương nhất là đàn ấu-trĩ. Bảo-dục đàn ấu-trĩ ấy không phải chỉ trông về một cá-nhân, một tiêu-cục được, phải trông nhờ về một đại-đoàn thể quốc-dân, trên n.ờ có Chánh-phủ Bảo-hộ tìm phương cứu-tế cho mới

được. Hội Khai-tri tiến-đức là một hội đoàn-thể lớn của quốc-dân, tức là một cơ-quan lớn để vị quốc-dân mưu những việc công-lợi, trừ những việc công-ích. Trong các hội-viên kẻ biết bao những bậc cao-quan hiền-hoạn, những nhà kỹ-nghệ nông-thương, đã có thừa thế-lực, và có dư tiền-tài, nếu để tâm vào việc từ-thiện để cứu giúp, cho xã-hội, thì lo gì không trông thấy thành-hiệu. Mới rồi hội-đồng quản-trị đã khởi-phát lập ra « Ấu - trĩ - viên » ở các miền hương-thôn, ấy chính là cái vấn-đề quan-hệ đến sự vệ-sinh cho lũ thơ-ấu, lại chính là cái vấn-đề quan-hệ đến sự giáo-dục cho lũ nhi-đồng, mà lại chính là cái công-cuộc cứu-bần tế-cấp cho các hương-thôn, thực là một sự-nghiệp từ-thiện có công-quả lớn-lao bổ-ích cho xã-hội.

Trước nhất ta hãy nói về « Ấu-trĩ-viên » có ảnh-hưởng bổ-ích về sự vệ-sinh như thế nào ? Xem ngay như

các trẻ con ở chốn thôn-quê, cách nuôi nấng nhiều nổi cực-khổ nên thương nên tủi, phỏng như trong một xóm một làng chừng độ trăm nóc nhà, thời chỉ độ mười nhà giàu có khá-giả, vài mươi nhà thời lẫn-hồi kiếm đủ bát ăn, còn thời đến sáu bảy mươi nhà gặp cảnh nghèo khó, ăn bữa nay lo bữa mai, ấy cái số nhà nghèo, thuộc về phần nhiều như thế, còn số nhà giàu thì được là bao. Gặp cảnh bần-cùng như vậy, thì lấy gì giữ gìn vệ-sinh cho con trẻ, cha mẹ đưa trẻ suốt ngày hoặc đi cấy mướn cày thuê, hoặc đi mò cua bắt ốc, đem cái thân lao-lực đi làm thuê làm mướn, đôi mờ-hối lấy bát cơm, còn lúc nào là lúc chăn con dắt trẻ; con trẻ ở nhà thời hoặc anh công em, em theo chị, dầu đình xá chợ, trước ngõ bờ ao, bồng bế nhếch-nhác, quần-áo lồi-thôi, chơi bần chơi thiếu, bỏ lê bỏ quàng, ăn bậy uống bạ, đau bụng tháo dạ, rồi sinh ra những bệnh bụng ỏng đít beo, mắt toét tai thối, nghĩ đến sinh-mệnh những đứa trẻ con ấy ai là chẳng thương đau! Ấy cũng vì cách vệ-sinh cho những đứa trẻ con nhà nghèo ấy cơm đã không đủ ăn, chỉ lót dạ bằng bữa ngô khoai, áo đã không đủ mặc, chỉ lót mình bằng manh áo rách, mà lại không có người trông nom chăn dắt, chỉ phó mặc đứa trẻ ấy vào cái cảnh trời sinh trời dưỡng, nào ai là kẻ đoái hoài. Đó là phải cái cảnh nghèo-nản nó bó buộc mà con trẻ phải khiếm-khuyết về cách vệ-sinh đã đành. Còn như các con trẻ nhà giàu, thời nhiều nhà nuôi nấng cũng không hợp cách vệ-sinh, ăn thì không thiếu gì của ngon vật lạ, mỹ-vị cao-lương, bạ lúc nào cho ăn lúc ấy, không còn có thì-giờ chừng-mực nào cả; mặc thì không thiếu gì áo gấm áo vóc, áo dạ áo bông, quần vào cho đầy mình, làm cho không thể thư-thái được thân-thể; lại còn lắm người nâng-niu ôm-ấp con trẻ quá, giữ mãi ở trong màn the buông kín, kiêng nắng kiêng gió, sợ vĩa sợ van, không dám cho trẻ được lúc nào ra ngoài vận-động để hô-hấp

lấy những không-khi trong sạch, ấy cái cách vệ-sinh cho trẻ con nhà giàu tuy không khiếm-khuyết về đường ăn mặc, nhưng lại vì ăn mặc quá-độ, mà làm hại vệ-sinh. Nói tóm lại thì cách bảo-dục trẻ con ở nước ta nhà nghèo nhà giàu đều không hợp vệ-sinh cả, nhà giàu thời còn khá, chớ như nhà nghèo, thời vệ-sinh khiếm-khuyết cả trăm điều; kinh Thi rằng: « Khả-hĩ phú-nhân, ai thử quỳnh-độc » nghĩa là nhà giàu thì còn kha khá, không đến nỗi nào, chớ như kẻ cô-độc nghèo khổ bơ-vơ, thì rất là thương-thảm. Ấy cái sinh-mệnh của lũ con nhà nghèo, thật là một số phần nhiều thiếu mất cách vệ-sinh.

Mục-dịch « Ấu-trì-viên » chính trọng nhất là vấn-đề vệ-sinh cho lũ đồng-ấu, chọn một nơi cao-ráo sạch-sẽ, mở một vườn rộng rãi thênh-thang, có cây cỏ-thụ, có vườn hoa thơm, có không-khi trong-sạch, có gió mát thanh thoi, sáng sớm nhà nào gửi trẻ con vào thì đã có người bảo-mẫu tắm rửa cho sạch-sẽ, trông nom cho chơi bời, có quần áo cho thay, có cây đu cho nhón; trưa đến, có quả lành, cơm giẻo cho ăn, có giường êm chóng mát cho ngủ; đứa nào ghé lở, thì đã có thuốc bôi thuốc rửa, đứa nào ho sốt, thì đã có thuốc bột thuốc viên, đứa nào đau mắt chốc dầu, thì đã có bông có thuốc để rửa dịt cho, bệnh nào thì đã có thuốc ấy chữa ngay đi cho tiết nọc; đến như trình-hạn cho ăn cho uống, cho nghỉ cho chơi thì lại rất có điều-độ, đúng giờ mới cho ăn, đúng giờ mới cho ngủ, đúng giờ mới cho chơi. Trẻ con ở trong vườn Ấu-trì tập-quán lâu mãi thành ra tự-nhiên, thời đứa nào cũng ăn có chừng ngủ có độ, khi chơi thì tập đi tập chạy, tập đứng tập ngồi, lúc thời đánh quần để cho khuấy-khỏa, lúc thời tập hát để cho du-giương, lại còn những lúc chơi thể-thao để cho luyện-tập thân-thể, vận-động khí-huyết cho lưu-

thông khỏe mạnh, ấy cái cách vệ-sinh cho trẻ con ở trong vườn Ấu-trĩ như thế, cho nên trẻ con mà đã nhờ được Ấu-trĩ-viên bảo-dục cho, thì thân-thể càng ngày càng phòng-pháp, khi-lực càng ngày càng mạnh-mẽ, không những là giúp cho nhà nghèo trong khi hằng ngày phải bỏ con đi làm thuê làm mướn; mà lại giúp cả cho con nhà giàu về sự vệ-sinh có tiết-độ, thể-thao có phương-pháp, thế thì vấn-đề Ấu-trĩ-viên có ảnh-hưởng bổ-ích về đường vệ-sinh biết là chừng nào !

Sau đây ta lại nói đến Ấu-trĩ-viên có ảnh-hưởng về sự giáo-dục nhi-đồng như thế nào? Trẻ con đương lúc mới lên ba lên bốn, cũng như là nước ở nguồn mới chảy ra, chưa có bùn đen vẩn đục; hoa ở cây mới nhú nụ, chưa có ong bướm bươm bươm, tri-thức nó đương lúc còn non nớt, thời khi chơi đùa, khi trò-chuyện, cần nhất là phải gọi cái ý-trí cho nó theo về đường ngay thẳng, hiểu cái vật-lý cho nó biết mọi lẽ thông-thường, thì mới dễ uốn-nắn nên cái tính hay nết tốt, « dạy con từ thừa còn thơ », chính là câu yếu-quyết về phương dạy trẻ con của tiên-bối ta để lại; nếu bé chẳng vin cả gãy ngành, đứa bé con đã mất cái cơ-sở giáo-dục từ thừa còn thơ, thời không khác gì tấm lụa trắng kia đã nhuộm đen, cũng khó lòng mà nhuộm nên vẻ; hòn đất giẻo kia đã rắc các, cũng khó lòng mà nặn nên đồ vậy.

Nay xét đến cái phương-pháp gia-đình giáo-dục ở nước ta về cách dạy trẻ từ lúc còn thơ-ấu, thì thực là không có qui-tắc gì cả: nói dối dọa có ngáo-ộp, thời làm cho ý-trí nó khiếp về sự hư-huyền; nặng-nụ những khi bỡn dỗi, thời làm cho tính nết nó quen về thói lũng-hùng; cái nết xấu nó tham ăn tham uống, cũng bởi vì hay lấy miếng ăn dư cho nó gọi lòng tham; cái thói hư nó xin sỏ hèn mặt, cũng bởi vì

hay lấy tiền bạc dư cho nó manh lòng lợi. Lại còn những nhà hiêm-hoi thì cha mẹ lại quá nuông quá dưỡng, những nhà giàu sang thì chỉ phó mặc cho người vú ẵm đi ngồi lê, dạy cho nói nhảm mà thôi, ấy cái cách bảo-dục con trẻ của nước ta phần nhiều làm hư nết trẻ con như vậy, không kể sao cho xiết được. Huống chi những con nhà cùng-đình hạ-hộ, những trẻ nhà lao-lực khổ-công, khi cha còn ở xưởng thợ chưa tan buổi làm, mẹ còn ở buổi chợ chưa đi về kịp, thời những lũ ngây-ngô măng sữa ấy ai là kẻ chăn nuôi, hoặc buộc ở chân giường dành cho khóc nhếch khóc nhác; hoặc phóng ra ngoài ngõ, mặc cho chơi quàng chơi xiên; thôi thì lũ năm lũ ba, nghịch tinh nghịch quái, những cái thói chứng nó chơi đùa với nhau, nào là mày tao chỉ tớ, biết gì là nghĩa thân yêu; xưng ông xưng cha, biết gì là tình bè bạn; nói tục nói nhảm, nào ai bẻ bắt cho biết lời ăn tiếng nói; văng quéo văng muôm, nào ai răn bảo cho chừa thói xấu lời thô; tập-dữ tinh-thành lớn lên thì uốn sao cho được; ấy cái nhân-cách trẻ con Việt-Nam ta từ lúc u-ơ mới học nói học thưa, đến lúc lững-thững đã biết đi biết chạy, không có một chút giáo-dục gì là chút gia-đình giáo-dục cả, như thế thì sao cho thành nhân-cách được, có phải là nó bầm-sinh ra đã hư đại thể đâu, chẳng qua là chỉ vì cái nghèo làm cho nó thất-giáo từ khi thơ-ấu, thế mà cái câu: « con nhà mất dạy », xưa nay chỉ đổ tội riêng cho lũ nhi-đồng, thực là oan lẫm thay ! thực là đáng thương lẫm thay !

Mục-dịch Ấu-trĩ-viên chính là trách-trọng về sự giáo-dục cho lũ con trẻ, những đứa trẻ lên ba lên bảy, đều tùy theo tuổi nhiều ít mà chia làm ba ban, mà cách dạy giản-dị thường phân ra có ba khoa: hoặc

là bày những đồ phẩm-vật cho chơi, hoặc là phỏ những thức mỹ-miền cho xem cho nhận, hoặc là gọi mọi đường trí-thức cho biết cho hay. Lại còn chia các khoa-mục : 1^o là du-hí, nghĩa là cho chơi đùa cốt để cho hoạt-động thân-thể, khoái-lạc tâm-tinh, trong cách chơi mà cũng ngụ có ý giáo-dục, đại-khái chia ra hai cách : một là cách cộng-đồng du-hí là để cho một đàn trẻ cùng chơi trong một vườn rộng, hoặc cùng tập đi, hoặc cùng tập hát, hoặc cùng đi lại chuyện trò với nhau, để cho nó biết cuộc giao-tế là một thú vui chung, lễ hợp-quần là một đoàn-thể lớn ; rồi tự khắc nó biết cái lễ cùng sinh-hoạt với nhau trong một xã-hội, thời nó tự sinh ra lòng ái-quần ; chớ không như trước kia con nhà nào ở riêng nhà nấy, chỉ cục-hạn riêng một gia-đình mà sinh ra lòng ghen ghét tranh đánh lẫn nhau. Hai là cách tùy-ý du-hí, là tùy-ý cho lũ trẻ đưa nào muốn chơi thức gì thì chơi, hoặc đưa thì bày những miếng gỗ thất-xảo ⁽¹⁾ để làm ra hình bút hình nghiên ; hoặc đưa thì cắt những miếng giấy ngũ-sắc để làm ra cái thuyền cái chóng ; hoặc ru đưa bé con bằng bông, hoặc ấm con mèo nhỏ bằng cúi, tùy-ý mỗi đưa chơi một cách, tuy chơi đó mà cũng là gọi cái hứng-thú cho nó biết yêu người yêu vật, mà cũng là khái cái trí-thức nó cho biết nghĩ biết suy về mọi cách chế-tạo vật-hình. 2^o là đàm-hoại, nghĩa là nói chuyện cho trẻ nghe những câu chuyện có thú-vị có sự thực, hoặc nhân cái cảnh-vật thiên-nhiên mà tả ra cho biết, hoặc lấy cái phẩm-vật công-xảo mà vẽ ra cho hay, thuần là những câu chuyện có ích để hàm-dưỡng đức-tính, khai-thông trí-thức cho trẻ con, như là dẫn những chuyện ngụ-ngôn : gà mái nuôi con,

quạ con mớm mẹ, thỏ rửa thì chạy, ong kiến họp đàn, vân vân, để cho nó hiểu biết vật-tình ; lại thường nói những chuyện luân-lý đồng-hoại như là chuyện : Khổng Dung nhường lê, Hoàng Hương ấm chiếu ; thiếu-niên anh-hùng như là chuyện : Cờ lau ông Đinh Bộ-Lĩnh, ngựa sắt ông Đông Thiên-vương, ấy cái cách nói chuyện như thế thì không những là làm cho trẻ con vừa vui vừa thích, mà lại nuôi được lòng khi-khái, giảng được nghĩa luân-thường. 3^o là xướng-ca, nghĩa là cho trẻ tập hát những câu ca-dao bình-dị để cho di-dưỡng tinh-tinh, và để luyện-tập cái giọng phát-thanh cho nó rõ-ràng trong trẻo, như hát những câu : « Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau, người trong một họ phải thương nhau cùng, » thời trong lũ tiểu-nhi tự-nhiên sinh ra lòng thân-ái ; hoặc con trai thời hát : « dùi mài kinh sử để chớ kịp khoa, » con gái thời hát : « khi vào canh cử khi ra thêu thùa, » cho nó hát những câu bình-dị như thế, trước là để cho nó hiểu những âm-điệu ca-từ, và biết cái phận-sự con trai con gái ; sau nữa là uốn nắn cái thanh-âm cho nó được hòa-nhã êm-dềm. 4^o là thủ-kỹ, nghĩa là cho trẻ học làm những nghề thủ-công giản-dị, hoặc cầm cái bút chì xanh đỏ để học vạch những nét ngang nét sổ vẽ ra những hình con thú con cầm ; hoặc tập xe sợi chỉ xanh đỏ để xâu những hạt chai hạt cườm, mà tết ra những vòng chữ a chữ h. Ấy những cách dạy như thế cốt là cho trẻ tập những sự dễ dàng, hát những câu thiên-cận, chớ không nên bắt làm cưỡng-bách và không nên để cho làm quá-độ ; chỉ cốt khiến cho tâm-thần đưa trẻ tập quen những nét lương-thiện và càng ngày càng phát-dục kiện-toàn thêm ra,

(1) Thất-xảo là 7 miếng gỗ, miếng thì vuông, miếng thì chéo, miếng thì chữ nhật, để bày ra các hình.

thứ nhất là phải chú-ý về tâm-linh và sự hành-dộng của đứa trẻ phải thường sửa bảo luôn luôn, tinh trẻ nhất là hay mô - phỏng bắt chước, thời phải lấy những lời hay nét tốt để làm phép tắc cho những trẻ con.

Nói tóm lại những khóa-trình bảo-dục trong hàng ngày đại-lược như sau này : 1^o hội - tập, là họp sắp thành hàng hai hàng ba để cho tập đi; 2^o tu-thần-hoại, là nói những chuyện luân-lý thông-thường để cho học sửa mình; 3^o thứ - vật - hoại, là nói những chuyện sự-vật ngu-ngôn có lý-thú; 4^o bày những miếng gỗ vuông hoặc chéo chồng lên làm cái đình cái chùa; 5^o bày những miếng ván vuông ngũ-sắc có điểm hoa mà ghép lại cho liền hoa như viên gạch lát hoa vậy; 6^o tập cắm dũa lên cái ván có lỗ thủng sẵn thành ra hàng năm hàng ba hình như bát-quái; 7^o chồng những cái vòng sắt hoặc toàn vòng hoặc nửa vòng để làm cái bình nhà hoặc mọi hình-thức; 8^o sắp những hội đậu ngũ-sắc dán liền lại làm thành hình hoa; 9^o xâu những hạt chai hạt cườm các mùi gián-sắc nhau rồi tết lại thành ra hình chữ; 10^o đan những giấy lễ ngũ-sắc làm thành một bức văn vẽ; 11^o xếp giấy lại làm thành cái thuyền cái hoa; 12^o lấy kim châm vào giấy làm thành ra các kiểu hoa đẹp; 13^o tập khâu tập tết; 14^o cắt quần áo giấy; 15^o tập vẽ đơn sơ; 16^o tập đếm con số; 17^o tập đọc tập nói những lời lễ-phép; 18^o tập viết những chữ giản-dị; 19^o tập xướng-ca; 20^o tập du-hí.

Ấy cái khoán-trình trên này cả thầy có hai mươi mục, cứ trong một tuần-lễ, hoặc cho chơi một vài thứ, hoặc cho tập một nghề, thay đổi luôn luôn để cho trẻ con khỏi chán; mà khi chơi khi tập phải có trình-hạn chia ra từng giờ. Đại-khái qui-thức bảo-dục cho trẻ con ở trong Ấu-trĩ-viên như thế, thời đứa trẻ con đã được nhờ có cái cơ-sở

giáo-dục gây nên từ bé, từ lúc lên ba đến lên bảy, trong ba bốn năm trời, hẳn là nó tiêm-nhiễm được nét hay, uốn nắn được tính tốt, đến khi lớn lên đem vào trường học, thời ông thầy cũng dễ dạy cho chóng nên được tư-cách con người, như thế thì Ấu-trĩ-viên chẳng là cái ảnh-hưởng về sự giáo-dục lắm ru!

Ấy Ấu-trĩ-viên là có bổ-ích về sự vệ-sinh như thế, có ảnh-hưởng về sự giáo-dục như thế, thời cần nhất là phải tuyển lấy các bảo-mẫu cho có tư-cách. Song tư-cách bảo-mẫu mà cầu cho được hoàn-toàn, thời trước nhất là phải có phổ-thông giáo-dục, phải có biết cách bảo-dục, phải có biết cách vệ-sinh, mà thứ nhất là phải có lòng từ-thiện, tinh cần-mẫn. Nước Nhật khi mới lập Ấu-trĩ-viên có đặt riêng ra một khoa để luyện-tập bảo-mẫu, tuyển đàn bà từ ba mươi, bốn mươi tuổi trở xuống, có tính nét tốt, thể-chất mạnh cho học qua những phương-pháp bảo-dục khẩn-yếu trong một năm; rồi bỏ đi làm bảo-mẫu các Ấu-trĩ-viên. Về sau tuy bãi khoa luyện-tập bảo-mẫu ấy đi, nhưng trong các ban nữ-tử sư-phạm khi sắp tốt-nghiệp, thời đều dạy cho phép bảo-dục ấu-trĩ cả. Vì thế nên năm Minh-trị thứ 39, đã lập được 360 Ấu-trĩ-viên, có đến 979 người bảo-mẫu, nuôi được 32,791 trẻ con, đến bây giờ thời thiết-lập ra khắp cả mọi nơi, không biết đâu mà kể.

Một nước mà nhiều Ấu-trĩ-viên, thời cần nhất là phải có nhiều bảo-mẫu, mỗi một người bảo-mẫu chỉ hạn-định bảo-dục được 40 đứa trẻ con, mà mỗi một Ấu-trĩ-viên chỉ hạn-định dung được 100 đứa, vườn nào rộng lắm có cái trường-sở đặc-biệt thời mới dung được đến một trăm rưỡi đứa là cùng.

Đàn bà nước ta xưa nay vẫn sẵn lòng thương yêu con trẻ, tuy về việc

bảo-dục không có học - thức phổ-thông, nhưng vẫn sẵn có cái lòng từ-thiện, nếu các bà thượng-lưu đề tâm xướng-suất lên cho, để làm gương cho kẻ khác, thời sau này luyện-tập bảo-mẫu cũng không thiếu gì người.

Ấy công-cuộc Ấu-trĩ-viên là một sự-nghiệp từ-thiện có công-quả lớn-lao bổ-ích cho xã-hội như thế, tuy rằng nhất-sơ sáng - lập có nhiều sự khó-khăn, và cũng chưa có thể làm ngay cho hoàn-bị mọi điều như đã kể ở trên được. Nhưng trước nhất là phải trừ-khoản cho có tiền thường - chi, cốt là phải trông về những nhà từ-thiện có hăng-tâm hăng - sản ; các nhà từ-thiện nước ta xưa nay vẫn sẵn lòng tán-thành cho mọi việc công-ích, há lại chẳng nghĩ đến sự công-ích lớn lao này là sự tạo-thành quả-phúc cho lũ trẻ thơ cùng trong một nòi một giống ; tạo-phúc như thế mới thực là tạo-phúc trông thấy nhần-tiền, mà lại có thể di-phúc về mai-hậu ; còn hơn là lập đàn chúng-sinh, đúc chuông làm phước, chỉ là cầu phúc ở cõi u-minh ; mà những đàn Ấu-trĩ kia nheo-nhóc ở trước mắt mình, ý-oi ở bên tai mình, trông thấy cái tình-cảnh nghèo-khổ như thế lại không bỏ ra ít nhiều để giúp đỡ cho thành công-quả, nhà từ-thiện không lẽ nào lại nhần - tâm như thế bao giờ. Ai chẳng biết thừa tiền thừa của, thì để cho con cháu mình về sau, cái thương-tình yêu con ai là chẳng thế. Nhưng phải biết rằng nếu chỉ khư-khư giữ của cho con cháu mà không biết lưu-tâm về đường vệ-

sinh giáo-dục cho con cháu, để đến nỗi con cháu mình hư thân mất nết đi từ thừa bé, thời dẫu để cho bao nhiêu tiền cũng chỉ làm thêm cái hư cho cậu ấm cô chiêu ; xưa nay những con nhà thất-giáo, vị-tất đã trường-hưởng được cái gia-sản của tổ-phụ di-lai. Gì bằng ta coi con cháu làng xóm, con cháu họ-hàng, con cháu anh em chú bác cũng như là con cháu mình, nếu mình để của cho con mà gặp phải con hư đi nữa, thời mình cũng còn bớt được ít của để giúp đỡ cho con cháu anh em chú bác, hoặc con cháu trong họ ngoài làng ở trong Ấu-trĩ-viên, tạo-phúc cho Ấu-trĩ-viên tức là để phúc-trạch cho con cháu mình về sau đó. Ước-ao rằng những nhà quau sang mà có dư tiền thừa-thế muốn mong để phúc-ấm cho con, thời nên lưu-tâm đến Ấu-trĩ-viên ; những nhà tư-bản, mà có dư tiền thừa thóc, muốn mong để cơ-nghiệp cho con, cũng nên giúp sức vào Ấu-trĩ-viên, hoặc giúp tiền sáng-lập, hoặc bỏ tiền quyên-trợ, để làm cơ-sở lập ra Ấu-trĩ-viên ; hoặc may quần áo, hoặc mua đồ chơi, để làm ân-vật mà tặng cho Ấu-trĩ-viên. Ấu-trĩ-viên mà được thiết-lập khắp ra cả mọi nơi, thời đàn ấu-trĩ cùng trong nòi Hồng Lạc ta, sẽ được nhờ về cách vệ-sinh, nhờ về đường giáo-dục, mà thành nên được một dân-tộc mạnh-mẽ, một xã-hội hoàn-toàn, há chẳng phải là một sự-nghiệp từ-thiện lớn lao bổ-ích cho chúng-tộc nước nhà lắm ru !

Đông châu
NGUYỄN HỮU-TIẾN

KHẢO-LUẬN VỀ CÁCH HÀI-VĂN

Hài là gì ? Hài là những lời hí-hước. Kinh Thi có nói : « *Thiện hí-hước hề, bất vi ngược hề* », Nghĩa là trong cuộc công-chúng, đàm-luận về lúc vui chơi, nên dùng một cách hài-hước để mua vui ; nhưng mà trong khi hài-hước, phải nên nhã-nhận, phải nên khéo khôn ; chớ khiến cho trái mắt lẽ thường, mà xâm vào cách thô-bỉ.

Thế thời thánh-nhân có hí-hước không ? Thưa rằng có.

Khi xưa đức Khổng phu-tử ngài có qua chơi ấp Vũ-thành ; ông quan cai-trị ấp đó, tức là người môn-đệ ngài là thầy Ngôn-Yên ; ấp đó nguyên là cái ấp tầm-thường nhỏ-nhất, không quan-hệ và không giá-trị gì ; mà dân-phong đó lại là dân-phong vũ-dũng cường-lương ; tự lệ-thường mà coi ra, thì đối với địa-phương ấy và dân-phong ấy, chẳng qua dùng một cái thủ-doạn nghiêm-mãnh, khiến cho dân đó biết được pháp-luật, tránh khỏi tội lỗi, thế là trách-nhiệm đủ.

Nhưng thầy Ngôn-Yên lại không thế, bắt đầu đến cai-trị đất Vũ-thành, chấn-hung ngay sự học ; khiến cho trai dẫu trộm đuôi cướp xưa nay, ném những đồ giao-gấm quả-đấm ấy đi, mà đọc lên văn Đại-nhã Tiểu-nhã ; gái trốn chùa lộn chổng đây đó, bỏ những thói ăn-xổi ở-thi ấy lại, mà hát lên thơ Chunam Thiệu-nam ; nào là những khúc « *U-minh-lộc thực dã chi bình, ngã hữu gia-lân, cổ sắt xuy sinh*, » vang lừng ở nơi ngõ hẻm ; nào là những câu : « *Quần-quan thư-cưu, tại hà chi châu, yếu-diệu thực-nữ, quân-tử hảo cầu*, » réo-rất ở chốn hang cùng ; nào những lúc tiếng đàn chen tiếng học, nào những khi tiếng giảng lẫn tiếng ca ; thế-giới Đạo Trích, biến ra thế-giới Đường, Ngu ;

địa-phương vũ-biên, chuyển ra địa-phương văn-học.

Khi ngài qua đến đất đó, ngài nghe thấy những tiếng huyền-ca ; ngài đã biết hẳn cho rằng chính-sách thầy Ngôn-Yên, là cái chính-sách cao-thượng sáu-xa ; mà sau này cái hiệu-quả ở Vũ-thành chắc cũng thu được cái hiệu-quả to-tát đẹp-đẽ ; song ngài lại cả cười mà ngài nói bỡn thầy Ngôn-Yên rằng : « *Cắt tiết con gà kia, cứ chi phải dùng đến con dao mổ trâu nọ*, » là ý ngài cố hí-hước mà phản-thuyết lại thế, để cho cái tâm-lý của thầy Ngôn-Yên đối với dân Vũ-thành thế nào, tự-nhiên khích-động mà phải bật ra.

Cũng như trông thấy cô mỹ-nhân khi bước ra khỏi cửa, dù mưa dù tạnh, dù nắng dù mát trời thế nào, cũng cứ tất là phải nón-thúng và quai-thao dịu-dàng ; kẻ thức - giả đã biết hẳn cho rằng phàm đàn bà con gái khi ra ngoài đường phải có cái nón để che đầu, cũng như cái mũ của người đầm để trở-quang, khiến cho bóng mặt có nửa tối nửa sáng, cho khỏi trơn-trên, đó là thuộc về cách nữ-dung ; lại phòng khi lỡ ra phải chen vào đám đông, nhờ có cái nón làm thành làm một đê để che mình, cho những giặc bướm ong nó khỏi xâm - phạm đến thân-danh ngà ngọc vậy ; nhưng hằng nói bỡn cô mỹ-nhân ấy rằng : *Thì buổi tự-do thế này, cứ chi cô phải giữ mãi lấy lẽ khuê-các vậy ;* thời cái tâm-lý của cô mỹ-nhân ấy đối với thân-thế thế nào, cũng phải tự-nhiên khích-động mà nói ra.

Lại như trông thấy ông vũ-trưởng khi nhẩy lên mình ngựa đi diễu vòng quán, cũng cứ tất là phải có thanh trảng-kiếm cài ngang lưng ; kẻ thức-giả cũng đã biết hẳn cho rằng phàm

làm tướng, phải chính-bị vũ-sự ở lúc bình-thời; thiên-hạ tuy rằng thái-bình nhưng không dám cậy là thái-bình; thiên-hạ tuy rằng không có giặc, nhưng không dám coi là không có giặc; nếu cờ đến tay mới phất, nước đến chân mới nhẩy; thời kịp được sao; nhưng hằng nói bốn ông vũ-tướng ấy rằng: Thiên-hạ thái-bình vô-sự thế này, cơ chi ông phải cần mãi những đồ vũ-trang vậy; thời cái tâm-lý của ông vũ-tướng ấy đối với thiên-hạ thế nào, cũng phải tự-nhiên khích động mà diễn ra.

Đó là một cách hí-hước tề khêu-gọi lấy tâm-lý ra; ông-thầy dạy học-trò thường có khi dùng mẹo ấy để mà xét xem cái đề-uần của người học-trò ấy thế nào, thực là một cách thí-nghiệm khéo-khôn ở trong giáo-giới vậy.

Sau ông Ngón-Yên quả-nhiên thưa lại rằng: « Xưa kia thầy vẫn dạy rằng: « Kẻ làm trên học được đạo, thì biết trách-nhiệm mà yêu người, kẻ làm dưới học được đạo, thì biết nghĩa-vụ mà dễ sai bảo; ngày nay con bắt dân Vũ-thành phải học đạo, chính là con nghe lời thầy dạy ».

Rồi ngài nói rằng: « Yên kia, mi nói phải! cái lời ta nói ban nãy, là cốt lời ta hí-hước mi đó mà thôi ».

Phàm những lời không nói chính-ngón, mà nói phản-thuyết để hí-hước, đều thuộc về thể hài-dâm; nhưng đó đều là cái lời thầy trò thí-nghiệm tâm-lý với nhau mà thôi, chưa thành ra bộ-phận hài-hước văn-chương, chưa có ảnh-hưởng gì đến xã-hội cả.

Đến đời Tây-Hán, về khoảng kỹ-nguyên-liên năm sáu mươi năm, có ông Đông-Phương Sóc ra đời, ông sao khôi-hải mới thật sáng lòa mọc lên ở cõi Á-đông; ông là con nhà văn-học, thuộc về phái nhà nho; ông thường bàn: « Trò đời, nâng lên thì ở mây xanh, nén xuống thì ở vực sâu, dùng ra thì là hùm, không dùng thì là chuột; tuy vậy, con người ta há lại chả nên

tu lấy thân, ví như con chim tích-linh, cứ việc mà phi và minh; truyện có câu rằng: « Trời kia chẳng vì người ta ngại rét mà bỏ mất lệnh đông, đất kia chẳng vì người ta ngại xa mà bỏ mất thể rộng, người quân-tử chẳng vì đũa tiểu-nhân nó nhao-nhao mà bỏ mất tiết-hạnh. » Khi ông tri-ngộ với vua Hán Vũ-đế, ông liền thượng-thư bày ra hai cái chính-sách lực-nông và lực-chiến để làm giàu làm mạnh cho nước.

Xem vậy, thì ông là con nhà thánh hiền, con nhà kinh-tế, không phải là con nhà khôi-hải; mà lạ thay! cái anh-khí thừa binh-sinh ông phát-hiện ra, lại chuyên về mặt khôi-hải, ông nhất-sinh tao-tế vì nghề khôi-hải, thiên cổ danh - dự cũng vì nghề khôi-hải; ông thực là một ông tị-tổ khôi-hải, từ đó về sau, muốn cầu lấy một tay đệ-nhị Đông-Phương Sóc nữa mà còn chữa thấy ai,

Ông thờ vua Vũ-đế, vua Vũ-đế là người đa-dục, nào chinh-phạt, nào thổ-mộc, nào thần-tiên, nào vu-thuật, nào tướng-thuật, những sự vô-ích và có hại cho quốc-dân, đều là sự vua ham mển cả; các quan bấy giờ đem lòng trung-ái, cứ lấy lễ thẳng mà can vua, thì vua thường ít nghe; ông Đông-Phương Sóc thì chuyên về lối khôi-hải, thường có sự không phải can vua, mà tự-nhiên vua nghe; như một sự ông biện bác về tướng-thuật, thì cũng nực cười lắm thay! mà cũng đến lẽ lắm thay!

Vua Vũ-đế bấy giờ mê tướng-thuật, những người tướng-sĩ nó don-hót dở hay; các quan trong triều không khỏi vì tướng-thuật mà sinh ra hơn kém; một hôm đang buổi tại triều, có anh thầy tướng nói với vua rằng: « Người nào nhân-trung dài được một tấc, thì sống lâu được một trăm tuổi ». Vua xét nhân-trung các quan ở trong triều không ai đủ được một tấc; mà vua cũng tự

xét nhân-trung vua, và tự than rằng không biết có sống lâu được trăm tuổi hay không. Khi đó, ông Đông-Phương Sóc lấy tay bưng miệng mà vỗ xuống chiếu, cười sảng-sắc mãi, vua càng hỏi ông lại càng cười, vua và các quan ai cũng lấy làm ngạc-nhiên ; sau lĩnh cái cơn cười ấy rồi, ông mới đứng dậy tâu vua rằng : « Chúng tôi không dám cười bệ-hạ, chỉ cười ông Bành-tổ mặt dài đầy thoi ! » Là ý cười rằng ông Bành-tổ khi xưa sống lâu tám trăm năm, thì chắc là nhân-trung ông Bành-tổ phải đến tám tấc ; người mà nhân-trung đã đến tám tấc, thì cái mặt dài đến dường nào ! đó là một cái quái-vật, không phải hình người, đáng nực cười vậy ». Ông tâu xong, vua cùng các quan cùng cười âm cả lên, từ đó các thầy tướng mắt nho-nhoe ; cái cách ông dùng mẹo khôi-hài để ông can vua và biện-bác những sự vô-lý đại-loại như vậy.

Khi ông làm ra văn-chương, bề trong thì nghĩa-lý, bề ngoài thì khôi-hài, tự-nhiên khiến cho người ta thích xem và thích đọc, từ đó thiên-hạ mới biết văn-chương khôi-hài là có ích, mà văn-chương khôi-hài mới dần-dần có giá-trị.

Về sau như ông Vương Bột đời Đường, ông Tô Đông-Pha đời Tống, ông Lưu Cơ đời Minh, các nhà danh-sĩ, cũng muốn tiếp theo cái hậu-trần, đề mà cổ-xúy lên ba-lăng ; khiến cho trong làng văn mở ra được cái địa-diện hi-tiểu nô-mạ, dựng lên được cái lá cờ quang-quái lục-li ; song lại bị cái phái đạo-học họ chuyên - chủ nghĩa-lý, họ bài-bác tóa-chiết đi, hoặc mắng là văn-chương bài-ưu, hoặc chê là văn-chương hi-tiểu ; cho nên trải qua nhà Đường nhà Tống nhà Nguyên nhà Minh khoảng hơn một nghìn năm, cái giống quí hài-văn tuy rằng có manh-nha ra đó, nhưng cũng không phát-đạt lên được.

Đến đời Thanh-mạt, từ hồi Quang-tự năm Giáp-ngọ mới rồi trở về sau, gặt được cái thời-hội đông tây kích-

thích, Âu Á giao-thông, cái tư-tưởng mới của Thái-tây tràn vào, cái nghĩa-lý cũ của người Tàu mấy nghìn năm xưa mới lỏng-lẻo ra ; dân Tàu bấy giờ, miệng nói văn-minh nhưng cũng chưa biết nhận-chân thế nào là văn minh ; miệng nói hủ-bại, nhưng cũng chưa biết đích - xác thế nào là hủ-bại ; người thì rằng duy - tân, người thì rầy g thủ-cự ; tư-tưởng và học-thuyết của dân Tàu bấy giờ, thực là láo-pháo như cháo với cơm ; những phái cấp quyền sách cũ, tự-nhận mình là thánh-thần, coi người ngoài là mọi-rợ, thì ra ếch ngồi đáy giếng ; lại những phái quyết chí duy-tân, thâu-thái lấy văn-minh của thế-giới, mà văn-minh thời nam - mác lắm, cũng chưa biết thế nào mà thâu - thái cho phải đường, thời ra chim - chích vào rừng ; lại những phái chỉ hấp được cái văn-minh bình - thức mà thôi, như ăn-vận cách mới, nhà-cửa cách sang, nam-nữ tự-do, đua nhau nói tiếng ngoại-quốc vân vân, mà hỏi đến văn-minh tinh-thần như chính-thuật, học-thuật, công-quyền, công-lệ, công-lý, công-dức, thì thật là ù-li, lại vườn cũ nhỡn-nhờ ta đây là phái văn-minh, thì ra con dĩ đánh bông ; lại những phái cho luân-lý phương đông khi xưa là cũ-kỹ bất-hợp-thời, muốn bỏ cả đi, nhưng mà đời chữ hiếu-đễ, chữ từ-ái, chữ trung-tin, chữ liêm-sĩ, chữ xướng-tùy ra, thì lấy gì mà kết-cấu cho xã-hội, giáo-dục cho gia-đình, thì ra sầm mất gậy ; bấy giờ thói hay trong dân-gian, ứng-thời mà sinh-sản vô-lương ; mà thói-xấu trong xã-hội, cũng ứng-thời mà suất-lộ vô-cùng ; hài-văn tuy rằng chữa xuất-hiện, nhưng cái tài-liệu hài-văn, đã có một cái kho thiên-nhiên phong-phú ở đó cả rồi.

Bấy giờ các nhà văn-sĩ nhà Thanh, đem tâm ưu-thời mãn-thế, mới lợi-dụng lấy cách hài-văn, lập riêng ra một thể-tài ở trong văn-xã, gọi là thể thời-hài ; nghĩa là hài-hước về tinh-

trạng phong-tục ở hiện-thời, để mong đạt cái mục-đích khuôn-giống-thời, mà tỏ ra cái khổ-tâm cứu-thế, trong rừng hoạt-kê lại bày ra có lắm giống, nào là thi-phú, nào là truyện-ký, nào là luận-thuyết, nào là thư-trát, nào là từ-điệu, nào là vấn-đáp, nào là khế-ước, nào là chương-trình vân vân, ước có đến vài ba mươi giống; bút-thái cực-kỳ ly-kỳ, bút-tinh cực-kỳ hùng-khoái; vận-văn biên-văn và tản-văn, đều điễm-nhiệm có cách khôi-hài cả.

Lại mới lạ nhất là một giống xuyết-cổ hài-văn, xuyết nghĩa là điễm-xuyết chứ không phải là xuyết-thập: đem những bài cổ-văn, bất-luận vận-văn biên-văn hay là tản-văn, bài nào nào-nùng kỳ-tuyệt, trong dân-gian đã thường đọc quen miệng quen tai xưa nay; và hoặc những lời thánh-kinh hiền-truyện, đã từng phổ-thông ở trong danh-giáo bấy lâu; cổ-văn thời trich ra lấy từng bài, kinh-truyện thời trich ra lấy từng chương từng tiết, rồi đem tư-tượng mới giồi vào, hoặc trong một bài đổi đi rầm ba câu, hoặc trong một câu đổi đi một vài chữ, thể-chế và cách-điệu thì vượn y-nhiên là cổ-ngữ là cổ-văn mà mi-mục và tinh-thần thì lại sản-nhiên là kim-văn là thời-vụ; khiến cho người, ai nấy đều quái-ngạc và bật cười cái thú-vị cũ và cái thú-vị mới, hai cái thú-vị giao nhau, rõ thật là ngô-nghe, mà thật là lý-thú tài-tinh; song, cách xuyết-cổ có phần khó hơn cách tân-tài một chút; bởi vì cách tân-tài, thì lời chẳng qua tô điễm cho ý, mà cách xuyết-cổ, thì ý lại thêu-khảm vào lời; trong khi thêu-khảm đó phải dùng một cách biến-hóa khéo-khôn, đừng để cho có ngấn-tích; cho nên cách xuyết-cổ hài-văn, chớ lấy khắc-hoạch hơn cổ làm hay, mà lấy hoạt-động ra kim làm khéo.

Cái lịch-sử hài-văn và cái thể-cách hài-văn, tôi xin xét qua như vậy; nay

tôi lại xin nói qua về cái tinh-chất hài-văn:

Hài-văn nghĩa là cái văn-chương tả ra những sự buồn cười, nhưng không phải là sự buồn cười đâu, chính là sự khóc đấy, người quân-tử đã đem lòng yêu-mến loài người, yêu-mến xã-hội, cái sự vui-vẻ của quân-tử, không phải là cái sự vui-vẻ riêng của quân-tử đâu, là cái sự vui-vẻ chung của loài người vậy; cái sự buồn rầu của quân-tử, không phải là cái sự buồn rầu riêng của quân-tử đâu, là cái sự buồn rầu chung của xã-hội vậy; người quân-tử khi trông thấy cái tình-trạng xấu-xa cái cơ-mẫu hư hỏng ở trong cõi đời, đáng lo đáng sợ, đáng xót đáng thương, bề dòng bao nhiêu nước, thì giọt lệ của người quân-tử đã từng chan-chứa bấy nhiêu, cứ lấy lời-nghiêm nghĩa-chính mà nói ra, thì khác nào như người trực-hữu người nghiêm-sư, xã-hội tuy có lòng kính-mến, nhưng cũng ít có người số-sĩ mà thân-yêu, cho nên bất-đắc-dĩ cũng phải góp lấy một vai hề, gạt nước mắt, bước lên vũ-đài, than-văn mấy câu, cười ha-hả, khiến cho người xem nhân khi vỗ tay mỉm miệng mà có cảm-tình, cho mới biết người quân-tử khi thảo ra bài hài-văn thực là có khổ-tâm lắm đấy; kẻ tầm-thường thì không thế, thấy người ta có sự xấu, chỉ biết khúc-khích mà cười, thậm-chí thấy người ta có sự tốt hẳn-hoi, lại đem lòng ghen-ghét, bôi lông tìm vết ra mà cười.

Than ôi! cùng là một sự cười, quân-tử cười, kẻ tầm-thường cũng cười; duy kẻ tầm-thường chỉ biết cười là cười, biết chi cười là khóc; quân-tử thì cười ở trong trận khóc, khóc ở trong trận cười; khi thảo ra hài-văn thực là hòa mấy hàng-lệ, viết ra mấy hàng chữ; kỳ thú mong cho người ta cùng cười, kỳ thú mong cho người ta cùng khóc, lại kỳ-chung mong cho

người ta đòi xấu làm tốt, đòi dở làm hay, đòi đại làm khôn, đòi dữ làm lành; chứ không như những thói tầm-thường cốt để tiểu-mạ người, mà để thân ra làm khách-vị ở ngoài xã-hội vậy.

Cho nên trong tính-chất hài-văn, dễ phạm nhất là có mấy cái tật xấu; kẻ làm hài-văn, thực cũng nên hiểu trước mà tránh xa.

Một là cái tật thô-bỉ; phạm văn-chương đại-phương, dễ đúc được về thanh-tao; văn-chương tiểu-thừa, dễ xâm vào cách thô-bỉ; nhưng phải biết rằng, tính-chất hài-văn khác với tính-chất tiểu-lâm; tiểu-lâm mục-dịch ở về giải-buồn, hài-văn mục-dịch ở về phùng-thể; văn-chương tuy thuộc về thể khôi-hài, nhưng cũng phải giữ-gìn câu văn cho có giá-trị.

Hai là cái tật xô-xiên; phạm ở đời, có cái nết hư thói xấu gì là cái nết hư thói xấu công-chúng cùng mắng, công-chúng cùng chê, thì sẽ mắng sẽ chê; cái chê cái mắng đó, tức là đại-biêu cho công-chúng mà mắng mà chê; thị-phi phải cho xác-đáng, thiện-ác phải cho phân-minh, chứ không nên thấy người thò ra có sự gì thì bất-luận thị-phi, bất-vấn thiện-ác, đã ngứa miệng ngứa nghề, ngâm - nga nghi - ngoáy, dễ diễu-cợt và xô-xiên chơi; khiến cho cái mầm vi-thiện có thể vi đó mà thui đi; đó là con người có tội-ác với xã-hội, mà cũng là con người đê-tiện đáng bỉ đáng khinh.

Ba là cái tật dụng-ý làm cho đau-đớn riêng một người; phạm quân-tử khi làm ra hài-văn, cốt cầm lấy lòng tru-ái, lấy lẽ công-bằng, để ảnh-hưởng cho nghĩa cứu-thế; vậy không nên như thói nhỏ-nhen, nguyên là bình-nhật có ghét riêng một người, khi thảo ra hài-văn, tuy rằng không nói rõ họ rõ tên người ấy, nhưng mà lại hóa ra câu-văn tả-chân cái lịch-sử xấu-xa của người ấy; mà so-sánh với công-đạo công-lý ở trong nhân - quần xã-hội, thì cũng

không có ý-vị gì thì thật là vô-ích.

Bốn là cái tật xâm-phạm đến chính-lý; tuy rằng hài-văn đó, nhưng cũng phải theo trong khuôn chính-lý, mà tả ra cái tinh-trạng đáng thương đáng khóc đáng nực cười, chứ không nên thị-tài lộng-bút, điên-đảo cho thị-phi, ba-dăng cho tâm - hồn, mà xâm-phạm đến mọi đường luân-lý mọi nghĩa tôn-giáo của thế-gian.

Năm là cái tật không có thể-tài; hài-văn tuy rằng có đứng riêng ra một bộ-phận ở trong văn-giới, nhưng cũng không có phép được lộng-bóng mà thoát-li ra ngoài thể - cách ở trong văn-đàn; thể - cách ở trong văn-đàn thể nào tôi đã kể qua như trên; thể lớn thời như truyện - ký, như luận-thuyết, như vấn-đáp, như thi-phú, như từ-khúc; thể nhỏ thời như đối-liên, như thư-trát, như lời minh, như lời tự, như lời nuy, như lời văn, như khế-ước, như chương - trình văn vân; xã-hội thông-hành có giống văn-chương nào, thì tức là hài-văn có giống ấy, văn-chương khôi-hài chẳng qua là lẫn bóng ở trong văn-chương chính-thức mà thành; nếu cây là hài-văn, gặp đầu viết dấy, thoát-li ra ngoài thể-cách trong văn-đàn, thời khác nào như người có bệnh điên-cuồng, lia cửa lia nhà, xé quần xé áo, chạy quàng chạy xiên, nói lẩn nói thần, thì lại càng dở lắm, cho nên phép làm hài-văn, cái tài-liệu hài-hước phải nên phong-phú và li-kỳ, mà cái thể-cách ở trong văn-đàn, khi mượn ra mà dùng về lối hài-hước, lại phải nên rất là tinh-nghiêm, như vậy thời bài hài-văn viết ra, mới có thể-tài, mới có giá-trị.

Ví bằng chỉ cốp-nhặt lấy những bã-cặn ở trong tiểu-lâm, để cung những sự hi-tiểu cho những người hạ-lưu ở trong xã-hội; hay hoặc vơ-vào lấy những sự tùm-mủn ở ngoài ngõ ngoài đường, đem về chấp nối lại lấy giãm ba câu hài-dàm mà xem ra thì không

thành thiên-bức gì cả, như vậy thời sao đủ gọi là hài-văn; song những hạng đó là những hạng tầm-thường, không có tư-tưởng, không có văn-chương, đành vô-túc-luận; còn thời gián-hoặc cũng có những người hơi có tư - tưởng, hơi có văn - chương, trông thấy cái tình-trạng trong xã-hội đáng khóc đáng cười, cũng chịu khó tìm-tốt mấy câu hài-văn, để phô bày ra tấm nhiệt-huyết; nhưng mà chỉ vì một nỗi không biết chú-ý về thể - tài, rồi thành ra văn-cục thì lôi-thôi, văn-khí thì yếu-ớt, văn-tinh thì nhạt-nhẽo, văn-thể thì dỏ-dang, không đủ cái tinh-chất hài-văn, khiến cho người đọc không có cảm-động và hứng-thú gì cả; như vậy mà cũng gọi là hài - văn, thì khác nào như trở đồng ra làm con voi, nhận người bò-nhìn làm ông tướng vậy.

Cho nên phải biết rằng cách văn-chương khôi-hài, ngắn tự bốn câu thơ trở lên, dài tự năm mươi trang truyện-ký hoặc luận-thuyết trở xuống, đều là theo trong khuôn văn-chương chính-thức mà chế ra thiên-bức và biến ra thể-tài.

Lại phải biết rằng cách văn-chương khôi-hài, thực là có quan-hệ về một cái tài đặc-biệt, cũng như cách làm thơ; bởi vì cách văn-chương khôi-hài là một cách văn-chương mảnh-khỏe, văn - chương bóng-bẩy, so với văn-chương chính-thức, thực khác nhau xa; tuy vậy, cái cách mảnh - khỏe, cái cách bóng-bẩy cũng không khó gì, chỉ khó về trong chốn mảnh-khỏe lại có tâm-huyết, trong chốn bóng-bẩy lại có đạo-đức mà thôi; kẻ làm hài-văn, lại phải nên chú-ý về đường học-vấn

về đường quan-sát lăm lăm, chứ không nên cậy tài.

Than ôi! văn-chương chính-thức mà có giá-trị, ít thấy và đáng quý đã đành; văn-chương khôi-hài mà có giá-trị, lại thực là ít thấy và đáng quý lắm thay! rừng văn quốc-ngữ ở nước ta ngày nay, đã manh-nha ra giống hoạt-kê rồi đấy, các bạn hùng-văn ở trong văn-giới, có lưu-ý cho nhân-tâm phong-tục thì xin cố đi.

Hoặc có người bàn rằng: Văn-chương quốc-ngữ ngày nay, hiện còn đương thuộc về thời-kỳ ấu-trĩ chưa có định-thể. Tôi trộm nghĩ rằng chưa có định-thể là chưa có định-thể với những kẻ lông-bóng bất-học mà thôi; còn như những người uyên-nguyên về Hán-học, hay hoặc thâm-thúy về Âu-văn, lại chẳng nên tham-chước lấy kiểu-mẫu đông-tây, để chế-tạo ra nền quốc-văn cho được xứng-đáng hay sao, nếu cứ lấy nề là quốc-văn chưa có định-thể, mà phó-mặc cho những thói lông-bóng; để cho những người cầm cái bút chưa nổi, đã tự nhận mình là văn-sĩ; cất lên tiếng còn ngọng, đã tự-nhận mình là răng-ngón; tôi chắc rằng quốc-văn một ngày một hư-hỏng mãi đi, biết bao giờ mong được đến tuổi thành-lập; tiện đây tôi bàn về cách văn-chương khôi-hài, tôi tại sực nghĩ đến toàn-thể văn-chương chính-thức trong cõi quốc-văn, mà tôi bàn thêm ra một đoạn này, bằng dường như đôi-dóa vậy; song cũng là một tấm nhiệt-thành của tôi đối với văn-chương quốc-ngữ ngày nay, xin các bạn quân-tử trong làng văn xét cho.

Tùng-Vân đạo-nhân
NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

VIII

CHƯƠNG THỨ XI Thời-kỳ tăng tiến

TIỆT THỨ 67

Các nhà cổ-văn đời Thanh. — Đương giữa đời Kiền-long có nhà cổ-văn đại-gia là : Diêu Cơ-Truyền 姚姬傳 khởi lên, văn-phái nhà Thanh từ bấy giờ mới thành - lập. Cơ - Truyền tên là Nại 鼐, người ở đất Đồng-thành. Khi nhỏ theo học ông thế-phụ, lại học văn-pháp ở ông Lưu Hải-Phong và ông Chu Mai-Nhai là người cùng làng, nên giọng văn cao-thượng mà giản-cổ, kể ra từ-điều hay hơn Vọng-Khê, mà văn-lý thâm hơn Hải-Phong, đời bấy giờ gọi là *văn-phái Đồng-thành*. Nguyên đồng-thời với Hải-Phong có Tiền Lỗ-Tứ học theo văn Hải-Phong, thường đem những lời thầy dạy nói chuyện với hai người bạn là : Hồn-Kinh, Trương Huệ-Ngôn, hai người bèn bỏ không học văn biên-ngẫu nữa mà học lối cổ-văn, thời bấy giờ gọi là *văn-phái Dương-hồ*. Nối theo sau lại có Tân Doanh, Lục Kế-Lộ, nên văn-phái Đồng-thành lại càng truyền rộng thêm mãi ra. Học trò Cơ-Truyền thời có Trần Dụng-Quang, Mai Tăng-Lượng, Quán Đồng, Lưu Khai, Phương Đông-Thụ, Ngô Đức-Toàn, Diêu Xuân, Mao Nhạc-Sinh, Diêu Oánh đều là trứ-danh về cổ-văn ; nhưng tựu-trung chỉ có văn Bá Ngôn là nối theo được di - hường văn Tích-Bảo, mà truyền-bá lại rộng khắp ra cả mọi nơi, như ở Tích - giang thời có Thiệu Ý-Thời, Tô-châu thời có Lỗ Nhất-Đông. An-huy thời có Ngô Gia-Tân, Hồ-nam thời có Tôn Đỉnh-Thần, Quảng-dông thời có Chu-Kỳ,

Bành Giục-Nghiêu, Long Khải-Thụy, Vương Tích-Chấn ; nguyên từ Diêu Cơ-Truyền trở về sau này ai cũng bảo là văn-chương trong thiên-hạ đều ở cả phái Đồng-thành. Song về mặt-lưu-nhiều người bắt-chước lối văn ấy lại thành ra sơ-sai quá. Từ năm Đạo-quang, Hàm-phong trở về sau này lại có Tăng Quốc-Phiên, Ngô Mâu-Thụ khởi lên chấn-chỉnh văn-phong. Văn Ngô Mâu-Thụ thời không theo một sư-thuyết nào, cho nên sở-đặc cũng giống như văn họ Diêu ; Tăng Quốc-Phiên thời tự bảo rằng bởi họ Diêu khởi-phát ra nên mình mới hơi biết được văn-chương, song xét ra thì cũng không có đạo-lập chút gì. Văn họ Diêu thời từ-ý uyên-nã, nhưng kém cái khi-thể hùng-hồn mại-trực. Tăng Quốc-Phiên thời muốn theo nghĩa huấn-hỗ mà làm ra văn-chương như văn họ Tả họ Ban, có phần lại tinh-tiến hơn. Học-trò họ Tăng thời có Trương Liêm - Khanh, Lê Thứ-Xương, Ngô Nhữ-luân là trứ-danh hơn cả. Lê Thứ-Xương có nói rằng : « Văn-chương bản-triều (Thanh), thể-cách sáng-thủy ra tự Vọng-khê ; đến Diêu Cơ-Truyền thời văn-từ mới thực nhã-khiết, Tăng Quốc-Phiên mới biến-hóa làm cho rộng rãi thêm ra ». Lời nói trên đó thực là xác-đáng không phải là a-dua vậy.

TIỆT THỨ 68

Thề-văn biên-ngẫu tăng-tiến. — Trong khoảng năm Kiền-long, Gia-khánh có Thiệu Tề-Đào làm ra thề-văn muốn giữ lấy những qui-chế thanh-cương giản-chất, nên thời ấy cũng biến theo cả ; như là biên-văn của Vương Thái-Nhạc

(1) Dịch theo quyển Trung-quốc văn-học-sử của ông Vương Mộng-Hoa. Xem Nam-Phong từ số 56.

thời giản-khiết lão-luyện, Lưu Tinh-Vĩ thời thanh-cao hoa-diệu, Ngô Tích-Kỳ thời uyển-chưng-khiết, đó đều là theo chính-quĩ thể-văn. Sau ở Khúc-phụ có Khổng Quảng-Xâm, Dương-hồ có Tôn Tinh-Diên, Hồng Lượng-Cát, Nam-thành có Tăng Úc khởi lên thời thể hiên-văn ấy lại càng xướng-phát. Tân-Cốc luận văn có nói rằng : « Thể cổ-văn mà làm mất thực thời lại kém thể hiên-văn, thể hiên-văn mà làm thoát-tục thời cũng tức là cổ-văn ». Ngô Nai thường tóm cả đời Thanh có tám nhà hiên-văn đại-gia là : Viên, Thiệu, Lưu, Ngô, Khổng, Tôn, Hồng, Tăng. Ngoài tám nhà ấy lại còn có Lưu Tự-Quán ở Dương-hồ, Nhạc Quân ở Lâm-xuyên, Bành Triệu-Tôn ở Trấn-dương, Lưu-khai ở Đồng-thành, Mai Tăng-Lượng ở Thượng-nguyên, Đồng Cơ-Thành, Hựu Thành ở Dương-hồ, Phương Lý-Tiền ở Đại-hung, Phó Đồng ở Tứ-châu, Chu Thọ-Xương ở Trường-sa, Triệu Minh ở Tú-thủy, Vương Khải-Vân ở Trương-dâm, Lý Từ-Minh ở Cối-kê, đó đều là những nhà hậu-tiến mà sở-trường về thể hiên-văn cả. Sau lại có mười nhà sở-trường về thể cổ-văn nữa, thể-văn đều thanh-khiết chuộng theo lối văn đời Hán đời Đường, kể ra từ đời Kiên-long, Gia-khánh trở về sau, thể-cách hiên-văn đời Thanh mới thực là chính-đáng, mà các nhà tác-giả mới thực là thịnh vậy.

TIẾT THỨ 69

Các nhà sử-học. — Từ đời Kiên-long trở về sau, cái thói học khảo-cứu mới thịnh lên, các nhà sử-học bèn cải-chính lại những sách cựu-sử. Thâm Bich-Trấn có làm ra sách Tân-cựu Đường-thư-hợp-sao, sách này là chiết-trung hai bộ sử mà thẩm-định lại, như là về cái biểu thể-hệ các quan Tề-tướng thì sửa lại những chỗ sai-lầm; về cái biểu các nước phiêu-trấn thì bổ thêm những điều tiết-mục. Lại còn

như sách Nguyên - sử tân - biên của Ngụy - Nguyên, sách chú Ngũ-dại-sử của Bàn Nguyên-Thụy, sách Tấn-lược của Chu-Tế, những sách ấy đều tinh-vi thiết - đáng hơn những bộ nguyên-trước. Lại như những lời tự-luận trong sách Tấn-lược, đều làm theo thể biên-lệ cả, đó cũng là một thể-chế khác thời ấy. Bộ sử biên-niên cải-chính lại sử cũ mà là thiện-bạn hơn cả thời có bộ lục Tư-trị-thông-giám của Tất Nguyên và Vương Minh - Thịnh, Tiền Đại-Hân, Thiệu Tấn-Hâm sửa lại, đó là nhân bản của họ Từ chép mà sửa lại bắt đầu từ đời Tống đến đời Nguyên thành 220 quyển, đến bây giờ vẫn theo bản ấy làm nhất-định. Trần Hạc có soạn ra bộ Thông-giám Minh-kỷ, bút chép cũng rất là cẩn-nghiêm. Lại còn như khảo-định sử cũ thời có bộ Thập-thất-sử thương-xác của Vương Minh-Thịnh, Chấp-nhị sử khảo-dị của Tiền Đại Hân; bổ-tập sử trước thời có bộ Liêu-sử thập-dị của Lê Ngạc, và bộ Địa-chí bổ các sử của Hồng Lượng-Cát, bộ bổ-chứng dịch Nguyên-sử của Hồng-Quân; đại-loại những bộ sử như thế nhiều lắm, không thể kể xiết được, đều là muốn khảo-cứu những điều sở-đắc để cải-chính lại sử cũ cho được hoàn-thiện vậy.

TIẾT THỨ 70

Các thi-gia đời Thanh. — Trong khoảng năm Kiên-long, Gia-khánh, những nhà thi-sĩ trong nước rất nhiều, nhưng tiêu-biểu rõ tôn-chỉ dựng ra thi-đàn đề Iranh-hùng thời ấy thời có ba nhà là họ Viên, họ Thâm, họ Ông. Viên Mai thời có tập thơ Tùy-viên, cốt chủ tinh-linh, tân-kỳ phóng-khoáng, không có theo qui-cử người trước, song thi-phẩm lại rất kém, mà ở thời ấy lại thịnh-danh hơn cả. Tề-danh với họ Viên thời có Trương Sĩ-Thuyên, Triệu Dực, thơ hai người này thời chân-phương, suất-trực, tuy rằng Viên Mai

vẫn coi khinh, nhưng các nhà nghị-luận vẫn khen khi-phách thể-tài thơ hai người trên đó còn hơn họ Mai. Ông Phương-Cương (hiệu Đàm-khê) lo cải phái thơ Tân-thành lưu-tệ thành ra điệu không-hư cả, bèn làm cho niêm-sát chân-lý, là muốn lấy thực-lý mà bỏ-cứu hư-vấn. Song lời thơ đều chừng thực cả, cũng không phải là chính pháp phái thi-gia, cho nên thời ấy phải tôn Thâm Qui-Ngu làm bậc đại-tôn trong thi-giới. Nguyên từ khoảng năm Khang-hi có Diệp Nhiếp hiệu là Hoànb-sơn ghét các nhà thi-nhân cứ hay mô-phỏng thơ họ Phạm họ Lục, bèn làm ra bài « *Nguyên-thi nội-ngoại thiên* » nói về cách làm thơ thì phải theo như thơ ông Đỗ-Phủ, mà cái tôn-chỉ thơ thì phải làm cho thiết-đáo tinh - cảnh và đáng lý. Qui-Ngu khi nhỏ theo học thi-pháp ở Hoànb-sơn, cho nên thơ cổ-thể của ông tôn theo thể-cách thơ đời Hán đời Ngụy; mà thơ cận-thể thì theo như thơ đời Thịnh-Đường; nhất là thơ Đỗ - Phủ, ông lại càng khâm-phục lắm. Ông có soạn ra bộ *cổ-thi-nguyên*. *Đường-thi biệt-tài*, *Minh-thi biệt-tài*, *Thanh-thi biệt tài*, để tiêu-biểu cái tôn-chỉ làm thơ, các người thi-sĩ ở Ngô-hạ đều hướng theo cả. Những học-trò thụ-nghiệp ông mà trứ-danh nhất là : Thịnh-Cầm, Chu-Chuần, Trần-Khôi, Cố Di-Lộc ; ở Ngô-trung lại có bảy người học-trò danh-thi nữa là : Vương Minh-Thịnh, Vương Xưởng, Tiền Đại-Hân, Tào Nhân-Hồ, Hoàng Văn-Liên, Triệu Văn-Triết, Ngô Thái-Lai, thời ấy gọi là *Ngô-trung thất-tử*. Sau học-trò ông Qui-Ngu lại có Trử Đình-Chương, Trương Hi-Thuần, Tất-Nguyên kế-nghiệp khởi lên lại truyền cho học-trò sau nữa là Hoàng Cảnh-Nhân ; học trò tư-thục thời có Chu-Bành ; kể trong khoảng năm Kiền-long, Gia-khánh các nhà thi-gia mà truyền-

thụ được rộng, chưa có ai bằng Qui-Ngu. Qui-Ngu tên là Đức-liêm 德潛, tự là Xác-Sĩ 確士, người Trường-châu, Qui-Ngu là tên biệt-hiệu. Sau Qui-Ngu mà có tiếng hay thơ thời có Thư-Vị ở Đại-hung, Vương-Đàm ở Tú-thủy, Tôn Nguyên - Trương ở Chiêu - văn ; đương-thời khen ba thi-nhân ấy là *tam-quân*, nghĩa là ba vua. Ở Lĩnh-nam lại có *tam-tử* là : Phùng-Mẫn-Xương, Hồ Diệc - Thường, Trương-Cầm-Phương. Cầm-Phương mà sánh với Hoàng Đan-Thư, Lê Giản, Lã Kiên thời thành ra *Lĩnh-nam tứ-gia*, nghĩa là bốn nhà hay thơ ở đất Lĩnh nam ; đều là học theo lối Đường-thi cả ; tuy rằng không có cập-môn học Qui-Ngu, nhưng cũng là chịu cái ảnh-hưởng của Qui-Ngu cả.

TIẾT THỨ 71

Các nhà ca từ đời Thanh. — Trong khoảng năm Kiền-long, Gia - khánh, các nhà làm ca-từ cực nhiều mà ít có nhà nào hay, Trương Sĩ-Thuyên thời học lối ca-từ của Già-lãng mà lại càng thô-liệt lắm ; Triệu Văn-Triết thời học lối ca-từ của Trúc-Xá mà rườm rà quá; Ngô Tích-Kỳ thời học theo Phan Tạ mà lời ca-từ non nớt lắm ; còn nhiều nhà làm ca-từ nữa, nhưng cũng không có giai-tác gì cả. Đến sau ở Dơng-hồ có anh em Trương Cao-văn khởi lên thời mới chấn-hưng được lối văn ca-từ, có phần hơn phái ca-từ của họ Chu họ Trần (1) đời Thanh-sơ. Cao-văn tên là Huệ-Ngôn 惠言 thấy lối ca-từ của họ Chu họ Trần về mặt-lưu này thành ra tiêm-xảo thô-lệ, bèn siêng-minh cái tôn-chỉ ca-từ phải làm cho ngụ-ý ở trong mà bóng-ra ngoài lời nói. Thường cùng với em là Trương Kỳ tuyền lấy 166 bài từ của bốn mươi tư nhà ca-từ đời Đường đời Tống, gọi là một bộ

(1) Chu, Trần là Trần Hoàng-Môn, Chu Di-Tôn là hai nhà sở-trường về ca từ xuất-hiện tự đầu đời nhà Thanh.

Từ-tuyền, từ bấy giờ mới khởi lên thành ra một phái ca-từ Thường-châu; mà ca-từ của hai anh em họ Trương thời thực là trầm-uất sừng-khoái, uyển - chuyển chiền - miên. Lại còn những người bạn - hữu với hai họ Trương là: Hồn Kinh, Tiền Qui-Trọng, Đinh Lý-Hằng, Lục Kế-Lộ, Tả Phụ, Lý Triệu - Lạc, Hoàng Cảnh - Nhân, Trịnh Thiện-Trường đều sở-trường về ca-từ cả; mà trụ-trung ca-từ của Tả Phụ thời dật-tĩnh bát-ngát có cái ý-vị vô-cùng ở ngoài câu ca. Ca-từ của Hồn Kinh thời ý-viên tinh-thâm; ca-từ của Lý Triệu-Lạc thời thâm-trầm mát mẻ; ca-từ của Trịnh Thiện - Trường thời khắc-khở thâm-tư; lại còn người trác-trứ hơn nữa là Kim Ứng-Thành, Kim Thúc-Ngọc đều là học Trương Cao-Văn mà có sở-đắc cả. Đồng Sĩ-Tích thời là cháu (sanh) Cao-Văn mà hay truyền được sở-học vậy. Chu Tế là bạn với Sĩ-Tích có bàn cái tôn-chỉ ca-từ bảo rằng: « Làm ca-từ mà không ngụ ý ký-thác thời không vào bài, mà chuyên lời ký-thác thì không ra ý ». Lời nói ấy thực là suy-minh được tôn-chỉ ca-từ của họ Trương mà nói cho rộng thêm ra; cho nên ca-từ của Chu Tế cũng tinh-mật thuần-chính lắm. Từ đó về sau căn-cơ phái ca-từ Thường-châu lại càng vững bền lắm. Những người bắt chước ca-từ phái Thường-châu là Cung Cửng-Tộ, Dương Truyền-Đệ, Trang Vực, Đàm Đình-Hiến, Trần Đình-Xước. Lại còn những người tuy không phải là phái ca-từ Thường-châu mà thanh-khí vẫn tương-thông với nhau, cũng nhiều người sở-trường về ca-từ lắm. Đàm Phục-Đường thường họp cả Cáo-Văn, Bảo-Tự, Định-Am, Liên-Sinh, Hải-Thu, Lộc-Dàm, Kiểm-Nhân bảy nhà sở-trường về ca-từ gọi là *hậu thất-gia*; lại họp thêm Hàn-

Phong, Mai-Bá, Thiệu-Hạc ba người nữa là mười gọi là *hậu thập-gia*.

TIẾT THỨ 72

Kết-luận. — Tự Khuất Nguyên, Tống Ngọc khai-đoan ra lối văn từ-phủ, truyền mãi đến hơn nghìn năm; lại tự Hàn Dũ, Liễu Tôn-Nguyên khai-đoan ra lối cổ-văn, truyền mãi cũng đến hơn nghìn năm; kịp đến đời Thanh, luận đến cổ-văn thời có Diêu Cơ-Truyền, Tăng Quốc-Phiên; biên-văn thời có Khổng Quảng-Xâm, Tăng Úc; luận đến thơ thời có Thâm Qui-Ngu, Vương Minh - Thịnh, luận đến từ thời có Trương Cao-Văn, Chu Tế; đó đều là những nhà sở-trường về văn-học, phép-tác rất là chính-đáng, tư-vấn hãy còn đương hưng-thịnh vô-cùng. Chỉ từ khi Âu-hóa tràn sang bên phương đông này, học-giả phải kiêm học đến hai ba khoa học, tâm vi đó phân ra mà không chuyên-nhất, nghiệp vi đó bác-tạp mà không tinh-vi, bởi thế cái nền văn-học cố-hữu của nước Tàu, mới thành ra mỗi ngày một suy kém vậy. Song cũng là tại học-giả bỏ xao-nhãng quá đi đó thôi. Chẳng xem như nước kia ở vô thi tròn, ở ống thi vuông, nếu học-giả mà biết nghiên-cứu thêm ra, thời đương cái buổi thời-cực tân-ký này học-thức càng rộng, lẽ nào cái nền văn-học cũ của nước Tàu lại chẳng mở rộng đường nghị-luận, lập ra từng thề-tài, khiến cho cái trình-độ văn-học càng ngày càng tăng-tiến. Cái câu bảo rằng: « Thế-giới càng tiến-hóa, thời văn-học càng thoái-hóa », thiết-tưởng không có lẽ thế bao giờ, học-giả xin cứ cố gắng đi.

Hết

ĐÔNG-CHÂU dịch

Bộ sách mới, ông Nghè mới

Ông Nghè mới là ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG, con quan Tổng - đốc sung Thượng-thâm-viện TRẦN VĂN-THÔNG, mới thi đỗ Luật-khoa-tiến-sĩ ở Pháp đầu năm nay. Bộ sách mới là sách « Bàn về cái tinh-lý của Pháp - luật nước Tàu và nước Nam » (1), tức là bài luận - văn thi tiến-sĩ của ông ở trường Đại-học Paris, bài này đã được quan trường xét trúng - cách và phê cho chữ « Ưu » (*mention Très bien*).

Quốc-dân ta được tin mới có một ông Nghè tân-học, văn thi xuất-sắc như thế, chắc ai cũng lấy làm mừng, vì sự thành-công này không phải là cái danh-dự riêng của một người, của một nhà, mà thật là cái danh-dự chung cho cả nước. Học-sinh ta sang du-học bên qui-quốc trước sau kẻ cũng đã nhiều, nhưng mà học thật thành-tài, đỗ đến đại-khoa, vẫn còn ít lắm. Nay ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG, tuổi hãy còn trẻ mà thi đỗ được cao như thế, thật đã đáng công đèn sách và không phụ lòng kỳ-vọng của quốc-dân.

Vậy trước khi bình-phẩm bộ sách của ông, ky-giả hãy xin trước là thay mặt cả quốc-dân, sau là về phần riêng mình, có lời mừng ông, mừng quan Tổng-dốc Trần đại-nhân, và mừng cả quan Học-Bộ Thượng-thư ở Huế Thân đại-nhân nữa, vì ông Nghè mới đây chính là con rể của ngài.

Một bài luận - văn đã được quan trường phê « Ưu » chắc là bài có giá-trị lắm. Bài này đã in ra thành sách hơn hai trăm trang, ky-giả dụng công đọc rất kỹ-càng từ đầu chí cuối, thấy lời văn đùng-dẫn, nghị-luận phân-minh, lập-luận có phương-pháp, pho-diễn

có thứ-tự, thật là hợp với cách hành-văn lý-luận của Âu-Tây. Ky-giả cũng thường có dịp đọc những bài luận-văn thi tiến-sĩ về Luật-khoa của người Tây nhiều, không bàn về nội-dung các bài ấy, nói cái thể-tài mà thôi, thật ít bài thấy sắp-đặt được đúng lẽ-lối như bài này. Bởi thế nên tuy là một bài luận chuyên-khoa, mà đọc cũng có hứng-thú.

Theo như tên sách, sách này là « bàn về tinh-lý của pháp-luật nước Tàu và nước Nam »; tổng-luận về tinh-lý của pháp - luật, chứ không phải nghiên-cứu về văn-lý các điều luật, hai cách khác nhau lắm. Thường các nhà luật học là đem bộ luật ra, nghiên - ngẫm so-sánh các điều các mục, rồi phê - bình biện - bác cho vô lẽ, và kết-luận theo một cái chủ-ý hay một cái phương-diện nào đã định trước. Đó là học về văn-lý của luật, kẻ học-giả cần phải tra-cứu cho kỹ - càng, giải nghĩa cho dich-đang, không được sót một điều, không được sai một mục, dấu tí-mỉ cũng không nê, dấu phiến-tỏa cũng không ngại, cốt cho tinh-trường xác-tạc. Cách ấy là cách học thông-thường về pháp-luật, hợp với phép nghiên-cứu của khoa-học đời nay, vì chỉ trọng cái điều-luật trước mắt, cái sự-thực hiện-nhiên, không hề nghị-luận đến những nghĩa-lý sâu-xa. Nói tóm lại, cách học này cũng giống như phép tả-thực về nghề vẽ. Nhưng ngoài phép tả-thực, còn có phép phác-bút nữa: ngoài cách học khảo-cứu tỉ-mỉ, còn cách học suy-luận nghĩa-lý nữa. Ngoài cách học về văn-lý của luật, còn cách học về tinh-nghĩa của luật nữa. Cách sau này thì thuộc về triết-

(1) *Essai sur l'Esprit du Droit sino-annamite*. — Paris, Librairie générale de Droit et de Jurisprudence, 1922. — 224 trang.

học nhiều hơn là thuộc về luật-học ; cho nên đã có tên riêng gọi là « triết-học về pháp-luật » (*la philosophie du droit*). Bài luận-văn của ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG tức là một bài khái-luận về cái triết-lý, cái tinh-nghĩa của pháp-luật nước Tàu và nước Nam, không phải là một bài nghiên-cứu tinh-tuông về các điều luật của ta và của Tàu vậy. Phải nên biết rõ cái chủ-ý ông lập-luận như thế, thời xét sách ông mới khỏi sai-lầm được.

Nghiên-cứu cần phải tỉ-mỉ bao nhiêu thời nghị-luận lại cần phải rộng-rãi bấy nhiêu. Tác-giả đã không chủ-ý nghiên-cứu về các điều-luật, thời không thể trách-bị những điều nhỏ-nhặt phiến-toái được. Tác-giả muốn phát-minh cái tinh-lý của luật ta và luật tàu ngày xưa, vậy ta nên xét xem cách nghị-luận chứng-giải có đủ phát-minh được cái tinh-lý ấy không.

Pháp-luật-pháp chế-độ của một dân một nước, đã thành-lập được lâu năm, đã thi-hành thành nền-nếp, tất tự-trung phải có một cái ý-nghĩa sâu-xa ; ý-nghĩa ấy tức gọi là cái tinh-thần hay là cái tinh-lý của pháp-chế. Cái tinh-thần của pháp-chế nước ta và nước Tàu ngày xưa thế nào ? Những bậc đế-vương bên Tàu và bên ta đời xưa đặt ra luật-pháp là có cái chủ-ý gì ?

Sách *Luận-ngữ*, thiên *Vi-chính*, có câu rằng : « Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ ; đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách. 道之以政。齊之以刑。民免而無恥。道之以德。齊之以禮。有恥且格。 Nghĩa là : « Lấy pháp-chính mà đưa dân, lấy hình-luật mà sửa dân, thời dân không làm xấu, nhưng không biết xấu-hỗ ; lấy đạo-đức mà đưa dân, lấy lễ-chế mà sửa dân, thời dân biết xấu-hỗ mà lại có cái bụng làm điều thiện. »

Coi đó thời biết cái chủ-ý của tiên-vương phạm trị dân là muốn dạy dân

cả, nhưng dạy dân có hai đường, một là lấy *đức*, lấy *lễ* mà dạy dân thời dân biết lấy làm xấu là xấu-hỗ, và trong lòng tự-nhiên hướng về điều thiện ; hai là lấy *hình* lấy *chính* mà dạy dân thời dân tuy sợ phép không dám làm xấu mà cái bụng xấu vẫn có, vì chưa biết lấy làm xấu là xấu-hỗ. Nhưng thuộc về những đời tục thuần dân pháp thời trị dân lấy *đức* lấy *lễ* mới được ; về sau có người thuần, nhưng cũng có kẻ nghịch, có người ngay nhưng cũng có kẻ gian, thời *đức* với *lễ* không đủ làm cái đồ để trị dân nữa, tất phải đặt ra *hình* với *chính*.

Cho nên trong sách *Lịch-triều hiếu-chương* là sách tập những điển-chương cũ của nước Nam ta, đầu quyển « Hình-luật chí », có mấy lời bàn như sau này :

« Đồ dùng để trị dân, tất phải có hình-luật, là để trừng kẻ gian-nặc và nghiêm điều cấm-giới vậy. Cỗ-giả xử việc lấy lễ-chế, không làm ra hình-luật, là vì đời còn thuần, phép còn giản, có thể châm-chước tùy-nghi được ; nhưng xuống đến đời sau càng ngày càng văn-phiền, phải đặt ra hình-thu cho đủ, để định những điều cấm, điều nào là trọng là khinh, để phán những việc làm, việc nào là nên là chẳng ; tuy lập ra khoa-điều phiến-phức như thế, không khỏi trái với ý đời xưa, nhưng mà đặt ra để đề-phòng sự biến, biểu rõ điển-hình, đã gọi là có nước, cũng không thể khuyết được. »

Như thế thì các cỗ-đế-vương lập pháp chế hình chẳng qua là một sự bất-đắc-dĩ, để giúp cho sự giáo-hóa và bỏ cho cái phần giáo-hóa không kịp tới mà thôi. Kinh *Thu* đã có câu : « *Hình dĩ bất giáo* 刑以弼教 », nghĩa là : « Hình để giúp cho việc giáo-hóa. » Lại có câu : « *Hình kỳ vô hình ; tích dĩ chỉ tích* 刑期無刑。辟以止辟 » nghĩa là : « đặt ra hình là để mong không phải dùng đến hình ; đặt ra phép là để mong khỏi

có điều phạm phép.» Lại có câu: «*Khâm tai, khâm tai, duy hình chi tuất tai* 欽哉欽哉惟刑之恤哉» nghĩa là: «*Phải cần-thận, phải cần-thận, việc hình là việc đáng thương vậy.*»

Tiên-nho bàn về các lễ đó cũng đã tường lẫm. Nay trích dịch mấy lời bàn của ông Chu-tử như sau này, đủ biết các học-giả đời xưa xét về cái nguyên-lý của hình-phạt đã rạch-ròi đến nơi vậy:

«*Thánh-nhân chuyên-ý chỉ tại việc giáo-hóa, việc hình không lấy làm cấp. Thánh-nhân vốn lấy việc giáo-háo làm cấp, vì có kẻ nào phạm, mới lấy hình mà trị. Cái bụng đấng Thánh-nhân lúc chưa cảm vào vật ngoài, thể nó quảng-đại mà hư-minh, tuyệt không có một tí gì là thiên-ý; kịp đến khi cảm vào vật ngoài, thời những sự mừng, giận, buồn, vui mới phát ra, tùy sở-cảm mà ứng-phó, không một việc gì là không trúng-liết. Nay cứ lấy cái thể mà nói, thời như cái kính chưa có chiếu vật gì, hư-không cả; như cái cân chưa có đặt cái gì, bằng-phẳng cả; đến khi đem dùng ra thời dẫu hư-không mà xấu đẹp không thể ẩn được; dẫu bằng-phẳng mà nặng nhẹ không thể sai được. . . . Cứ thể mà xét thời biết đấng Thánh-nhân trị thiên-hạ, phạm thưởng-phạt không phải là không có lẽ vậy. . . . Tuy vậy, mừng mà thưởng ấy là thuộc về dương, lòng Thánh-nhân vốn muốn như thế; giận mà phạt ấy là thuộc về âm, lòng Thánh-nhân vốn không ưa thế. Cho nên dẫu nói rằng hư-không bằng-phẳng không có thiên-ý, mà trong hai sự thưởng phạt cái cách xử-tri không thể không có khác nhau ít nhiều. Bởi thế mà có câu nói rằng: Tội nghi cho làm nhẹ, công nghi cho làm trọng (*Tội nghi duy khinh, công nghi duy trọng*), đó là cái vi-ý của Thánh-nhân; nhưng đến khi ra việc tuy nói *hiếu-thưởng*, mà không thể thưởng cho kẻ vô-công được; tuy nói *ố-hình* mà không thể dung những*

kẻ có tội được. Dẫu thi-thố hai đàng có khác mà bụng Thánh-nhân bao giờ cũng như vậy. Bụng Thánh-nhân là gồm trong hai chữ *Khâm tuất* như trong kinh *Thư* đã nói, nghĩa là cần-thận và thương người vậy. Ấy cái thâm-ý của Thánh-nhân chế ra hình-pháp là thế.»

Đó là những lời trong sách cũ của các tiên-vương tiên-nho giải về cái nguyên-lý của hình-pháp như thế. Tuy lời văn cổ mà ý-nghĩa tường cũng rõ-ràng lẫm. Bài luận-văn của ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG, cũng là muốn phát-minh cái nguyên-lý ấy ra, nhưng ông nghị-luận theo lối Tây, ông lại khảo - cứu loạn bằng sách Tây cả, — tuy những sách tây ấy phần nhiều cũng là dịch-thuật ở sách tàu ra, nhưng sách dịch sao cho bằng nguyên-bản, và lại người Đông-phương bàn về nghĩa - lý của Đông-phương mà không trực - tiếp được những nghĩa-lý ấy ở trong các cổ-thư-tịch của xứ mình, lại phải xét qua cái óc của người Âu-Tây thì thể nào cho thấu-đáo được, — cho nên dẫu lời kết-luận của ông đại-khải cũng không sai cái bản-ý của cổ - nhân, nhưng cách ông biện-nạn chứng-giải cho tới được chỗ kết-luận đó không khỏi có ý khó-nhọc nghiêu-khé một đôi chút. Xem như lời lược-thuật về cái nội-dung sách ông như sau này thì đủ biết.

Sách ông chia làm hai phần; một phần thượng, một phần hạ, trên thêm một thiên Tự-luận, dưới một thiên Kết-luận.

Thiên Tự-luận xét về nguồn - gốc của luật-pháp tàu và ta, nguồn-gốc ấy là ở các hiến-chương điển-lệ của các triều-dinh, do một quyền vua đặt ra, quan tư-pháp chỉ biết tuân đó mà thi-hành, không có quyền tùy-nghị chám-chước. Nhân ông xét đến Ngũ-Kinh, nói rằng có nhà làm sách Tây cho Ngũ-

Kinh là nguồn-gốc của pháp-luật Tàu, ớng bác đi cho là không-phải.

Phần *thượng* chia làm hai chương : Chương thứ nhất xét về hình-thức luật An-Nam, nói rằng luật An-Nam loại-mục không được phân-minh bằng luật tây, và xét kỹ ra chẳng qua là một mớ những điều-không rời-rạc thuộc về từng việc một, không có đại-cương yếu-lĩnh gì, không thể lấy lý-luận (*dialectique*) mà suy-diễn được, như luật của nước Pháp hay của La-mã đời xưa ; nhân dân lời nói của ớng bác-sĩ VON IHERING rằng : « Người Tàu không tới được cái bậc tìm ra được một thứ mẫu-tự cho pháp-luật » (*Les Chinois n'ont pas su s'élever jusqu'à la découverte de l'alphabet du droit*) ; — Chương thứ nhì xét về những duyên-cớ sở-dĩ làm sao mà luật ta và luật tàu kèm luật tây không có trật-tự cương-lĩnh như thế, phân bác ý-kiến của ớng giáo FOURNIER-WAILLY nói rằng người An-Nam chỉ có cái trí phân-tích (*esprit d'analyse*), không có cái trí tổng-quát (*esprit de synthèse*), và ý-kiến của ớng bác-sĩ VON IHERING nói rằng luật La-mã sở-dĩ có cái nghĩa-lý quán-thông, trật-tự minh-giản như thế là vì người La-mã vốn được trời bẩm cho cái tư-chất riêng về đường chế-tác pháp-luật ; — kết rằng cái hình-thức của pháp-luật mỗi nước là duyên-do ở những cơ-hội riêng trong lịch-sử của nước ấy, chớ không lấy cái tâm-lý người dân hay cái tính-chất thiên-bẩm mà giải được ; như luật An-Nam và luật Tàu không thành thể-hệ nhất-trí như luật La-mã, không lấy phương-pháp lý-luận mà hội-giải được, là bởi vì nước Nam và nước Tàu ngày xưa quyền lập-pháp là ở vua, trong pháp-luật thiếu điều gì vua đặt ngay điều ấy, các quan tư-pháp không cần phải suy-luận biện-nạn để bỏ vào những chỗ khiếm-khuyết, thành ra không cho việc nghiên-cứu luật là một việc trọng, không đặt thành một

khoa-học riêng, nên điều luật phân-vân, không có thống-hệ gì ; ở La-mã thời không thế : quyền lập-pháp là ở cả toàn-dân, nhưng dân không phải mỗi lúc một họp cả lại được, cho nên sau khi đã đặt ra mấy điều luật trọng-yếu, còn thời để cho các quan tư-pháp có quyền suy-diễn và bổ - khuyết, thành ra các quan phải ra công nghiên-cứu luật, đặt thành một khoa - học chuyên-môn, bởi thế nên luật có kỷ-cương thống - hệ. — Cả chương này, tác-giả nghị-luận cứng và biện - bác giỏi lắm, đủ rõ là người học luật đã thâm và lý-luận có phương - pháp, tưởng trong phái tân-học ta cũng ít người có cái sức học đứng-dẫn như thế.

Phần *hạ* nói về mục-đích và phạm-vi luật An-Nam, cũng chia làm hai chương : Chương thứ nhất xét về các cách giáo-hóa (*moyens de moralisation*) trong xã-hội Tàu và An-Nam, chứng-giải rằng phép cai-trị của các đế-vương cũ là chỉ chủ giáo-hóa dân, giáo-hóa bằng gương đạo-đức, bằng sách luân-lý, thứ nhất là bằng *lễ* với *nhạc* ; sau cùng là bằng *hình* với *luật* ; như thế thì hình-luật chẳng qua cũng là một cách giáo-hóa mà thôi. Chương này có mấy tiết bàn về lễ-chế và cái ảnh-hưởng của lễ-chế trong văn-hóa nước Tàu thế nào, rõ-ràng và võ-vạc lắm. — Chương thứ nhì xét về sự thi-hành những cách giáo-hóa ấy đối với xã-hội quốc-gia, đối với gia-đình, đối với cá-nhân giao-tế với nhau. Đối với quốc-gia xã-hội thì chỉ dạy cho người dưới biết kính người trên, biết sợ quyền trên ; cả luân-lý pháp-luật đời xưa là gồm hết trong hai cái chủ-nghĩa : kính - thượng - chủ - nghĩa (*doctrine du respect*), và phục-tòng-chủ-nghĩa hay là thượng-quyền-chủ-nghĩa (*principe d'autorité*). Tác-giả cho hai cái chủ-nghĩa ấy là tuyệt hay, tuyệt đẹp, rất phải, rất tốt, « thần-thánh bất-khả xâm-phạm » ! Kỳ-giả thiết-tưởng tán-

đương như thế thời cũng khi quá, sẽ binh-phạm dưới này. Đối với gia-đình thời về đường luân-lý lấy sự hiếu-đễ và sự phụng-sự tồ-tiên làm gốc, về đường pháp-luật lấy quyền cha anh làm gốc, tức cũng là hai cái chủ-nghĩa kinh-thượng và phục-tòng. Đối với cá-nhân giao-tế với nhau, thời cá-nhân tuyệt-nhiên không có một chút quyền-lợi gì, cách giáo-hóa của các đế-vương ngày trước chỉ biết dạy dân thờ người trên mà thôi, không hề dạy cho dân biết tự mình có quyền-lợi gì không. Ấy luật ta khác hẳn luật tây là thế: luật tây thời phân rõ nghĩa-vụ và quyền-lợi, luật ta thời chỉ nói nghĩa-vụ không nói quyền-lợi. Tác-giả xem ý ra cho luật ta như thế là hay hơn luật tây; ký-giả đây không dám biểu đồng-tình.

Thiên kết-luận gồm các ý-kiến ở trên mà phát-biểu ra ba cái đặc-tính đặc-sắc của pháp-luật ta và tàu đối với pháp-luật các nước Âu-Tây. Ba cái đặc-tính ấy như sau này:

1° Pháp-luật lẫn với luân-lý (*confusion du droit et de la morale*), pháp-luật chẳng qua là luân-lý đem ứng-dụng ra hình-luật mà thôi. Các nước Âu-Tây thời phân-biệt rõ-ràng luân-lý với pháp-luật: luân-lý là thuộc về lương-tâm người ta, những việc lương-tâm bắt phải làm là thuộc về lương-tâm xử-đoán, pháp-luật không biết đến; như lương-tâm khuyên nên nhân-từ với kẻ khác, giúp-đỡ người khốn-khó, nhưng có kẻ không nhân-từ và không giúp đỡ ai, tuy trái với phép luân-lý, song miễn là không phạm đến quyền-lợi kẻ khác, pháp-luật không thể trách đến được. Như thế thì gốc pháp-luật là ở quyền-lợi của người ta, kẻ khác không xâm-phạm được; ai cũng có quyền tự-do, quyền tự-do của mỗi người chỉ lấy quyền-tự-do của người khác làm giới-hạn. Luật của ta thì trái hẳn, cho người ta là không có một tí quyền-lợi gì, chỉ có

cái nghĩa-vụ phải thờ phải kính người trên mà thôi, nếu sai cái nghĩa-vụ ấy thì roi trượng ở đây, cùm vồ ở đấy! Không trách dân ta đã có tiếng là một dân ngoan nhất trong thế-giới, ngoan đến mất hết cả cái tư-cách làm người!

2° Trong luật ta tuyệt-nhiên không có quan-niệm về quyền-lợi (*effacement de la notion du droit*). Theo cái chủ-nghĩa phục-tòng kinh-thượng như trên kia, thời cái tư-tưởng quyền-lợi còn mọc ra chỗ nào được, nghi-hồ không quan-niệm tới là phải lắm. Tác-giả cứ suy-diễn cái ý-kiến đó mà nói rằng: « Trong một cái luân-lý như thế thì nghĩa quyền-lợi là một nghĩa trái với đạo-đức, và sự tự-do là một cái yêu-quái, không thể có được. Trong pháp-luật của An-Nam và của Tàu, thời cái quyền-lợi của người dưới là người trên có cho phép mới được có; sự tự-do của người dưới là người trên có dung cho mới được có. » (*Dans une telle morale, le droit proprement dit est une conception immorale, la liberté une monstruosité. Dans la législation sino-annamite, le droit de l'inférieur ne saurait être qu'une permission du supérieur et sa liberté, une tolérance.* (Page 152).

3° Pháp-luật của An-Nam và của Tàu không có quan-thiệp gì đến thân-quyền, ở ngoài cả các tôn-giáo (*laïcité du droit sino-annamite*), khác với pháp-luật của La-mã do ở tôn-giáo mà ra. Cái đặc-tính này là đối với cái tư-tưởng về pháp-luật của Âu-Tây mà phát-minh ra, chớ đối với tư-tưởng người phương Đông ta thì vẫn là một sự cố-nhiên rồi.

Nói tóm lại thì trừ điều thứ ba là đối với người Tây mà phát-biểu ra, điều thứ nhì là kết-quả của điều thứ nhất, còn điều thứ nhất nói rằng pháp-luật ở nước ta và nước Tàu là lẫn với luân-lý, vì chẳng qua cũng coi như là một cách giáo-hóa mà thôi (*confusion du droit et de la morale, le droit com-*

me moyen de moralisation), thời điều đó các tiên-nho tiên-hiền phát-minh ra đã lâu rồi, cho là một lẽ cố-nhiên, không cần phải nghị-luận giảng-giải đến nữa. Pháp-luật lẫn với luân-lý, pháp-luật là một cách giáo-hóa, thời tức là cái nghĩa « *Hình dĩ bất giáo* » của các tiên-nho đã thuật trên kia vậy. Thành ra tác-giả phải cần nghị-luận trong hai trăm trang để chứng-giải một lẽ mà các học-giả đời trước đã phát-minh tự bao giờ rồi, tưởng cũng là khó-nhoc nghiêu-kê lắm vậy.

Song cũng phải biết cái mục-dịch của tác-giả là muốn phô bày cho người Tây biết cái hay cái đẹp trong các chế-độ cổ của nước ta, cho nên phải nghị-luận theo lối tây, chứng-giải theo lối tây và kết-luận ra phương-diện tây. Một nhà tân-học mà có bụng hoài-cổ như thế, muốn cố sức biểu-dương cái văn-hóa cổ của nước mình cho người ngoài phải cảm-phục, thật cũng đáng khen thay. Chẳng bì với nhiều ông tây-học khác cho ông cha loài giống mình là đã-man xét cả!

Song cái gì cũng không nên quá: Không nên hí-tân quá mà cũng không nên sùng-cổ quá. Trong cái lòng nhiệt-thành của ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG muốn biểu-dương những cái hay cái đẹp của các chế-độ cổ nước ta, không khỏi có ý hăm-hở một đôi chút, như nhà thám-hiềm kia mới phát-minh được một cõi tân-thế-giới vậy. Theo ý ông thời cái văn-hóa cổ của nước ta và nước Tàu tốt đẹp vô-cùng, và gốc văn-hóa ấy chính là cái chủ-nghĩa phục-tòng và kính-thượng như trên kia đã nói. Bởi người An-Nam và người Tàu được hơn người các nước khác là biết phục-tòng kính-trọng người trên, cả đời chỉ một lòng thờ kẻ trên, cho nên nước Tàu và nước ta mới có cái văn-minh sán-lan như thế. Đọc văn ông thời tưởng trong thế-giới này không có cái gì quý bằng hai cái chủ-nghĩa phục-tòng và chủ-

nghĩa kính-thượng đó, và dân ta biết trọng hai cái chủ-nghĩa ấy thật là một dân khôn-ngoan vô-cùng! Nhưng ngan-ngữ tây có câu rằng: « Cái mề-day nào cũng có mặt phải mặt trái. » Ông chỉ xét mặt phải trong cái mề-day mà ông không xét đến mặt trái, nghi-hờ ông cho là toàn tốt toàn đẹp cả phải lẫn. Hai cái chủ-nghĩa phục-tòng và kính-thượng kia không phải là hay hết cả, dở cũng nhiều, mà phần dở có lẽ lại nhiều hơn phần hay; hai cái chủ-nghĩa ấy không phải là chỉ có công với xã-hội ta, có tội cũng nhiều, biểu-dương công kia đã đành, cũng phải chỉ vạch tội này mới được, không thời thành ra nghị-luận không công-bằng.

Làm cho dân-tộc ta yếu-hèn, làm cho xã-hội ta đồi-bại, chính là tội bại cái chủ-nghĩa đó. Không những một nước ta, nước Tàu khốn-nạn như bây giờ cũng vì đó. Nói rằng phục-tòng, nói rằng kính - thượng, vẫn là hay lắm, nhưng hay về đời vua Nghiêu vua Thuấn kia, người trên toàn là bậc thánh-nhân cả, bất-đắc-dĩ phải đặt ra hình-luật để dạy dân, nhưng lại sợ nghiêm-khắc quá, phải lấy cái nghĩa « *khâm-tuất* » mà chế lại; về đời ấy thì phục-tòng là nên, kính-thượng là phải lắm. Nhưng đời Nghiêu Thuấn đã xa lắm rồi, các đời sau không hiểu cái nghĩa lớn « *Tùy-thời* », không biết lấy cái chủ-nghĩa tự-do, chủ-nghĩa bình-dẳng mà chế lại cái chủ - nghĩa kính-thượng, chủ-nghĩa phục-tòng, thành ra người trên đã không phải là bậc thánh-nhân như Nghiêu Thuấn nữa mà kẻ dưới vẫn phải thờ người trên như dân đời Nghiêu Thuấn; người trên được kẻ dưới nhắm mắt phục-tòng như thế, thấy không gì hạn-chế được mình, bấy giờ mới lạm-dụng quyền mình mà sinh ra lắm cái chính-sách chuyên-chế độc-ác; kẻ dưới tập quen cái thói nhắm mắt phục-tòng, biến thành cái căn-tính nô-lệ, cái tư-cách ngựa trâu, suốt đời chỉ để cho

kẻ trên cười cồ mà không dám nhắc đầu. Lúc quốc-gia thái-bình thời còn đo-khả, gặp khi ngoại-xâm nội-loạn, kẻ trên không đủ sức chống giữ, kẻ dưới thời có cũng như không, vì có hình người mà không có nhân-cách, chẳng qua là một lũ trâu ngựa, cái số phận chỉ đến «dịch-chủ tái-nô» là hết. Thương thay!

Không nói đầu xa, nói ngay một quan-trường. Theo cái lý-tưởng cũ, ông quan vẫn là cha mẹ dân; nghe ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG tán-dương cái đức-tính của ông quan, thời tưởng nội trong thế-giới không có nước nào có quan hay bằng nước Nam ta. Nhưng hăng gập sách lại mà thử nhìn ngay chung-quanh mình; dám đố ai kiếm đâu được giống quan như thế. Giống ấy có lẽ chỉ ở trong tưởng-tượng ông mà thôi; hay là phải sống lại về đời Nghiêu Thuấn họa may mới tìm được! Còn quanh mình thời bắt-nhẫn nói.

Không; những cái chủ-nghĩa về đời Đường Ngu Tam-dại ấy, không những

ngày nay không thích-dụng nữa, mà ngày xưa kia vì đã lạm-dụng quá nên mới đời-bại như bây giờ... Kia, như bên Tàu kia, vì đời xưa không quá tiêm-nhiễm cái chủ-nghĩa phục-tông, chủ-nghĩa kính-thượng, nếu biết tập cho có cái tư-cách một quốc-dân tự-do độc-lập, thì ngày nay nước Tàu làm chi mà đến nổi đảo-diên diên-đảo như thế. Không; những cái chủ-nghĩa quá cũ ấy không phải là chỉ có toàn lợi cho xã-hội ta; di-hại cho xã-hội ta cũng nhiều. Nói phần lợi mà không nói phần hại, thế là lập-luận có thiên vạy.

Ký-giả chỉ không biểu đồng-tình với ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG về một điều đó mà thôi, còn thời hết sức khen ông về bài luận-văn rất xứng-đáng của ông, lý-luận đã giỏi mà lời văn lại cứng, sánh với các bài văn thi tiến-sĩ luật thật có giá-trị của người Tây tưởng cũng không kém vạy.

THƯỢNG-CHI

VĂN-UYÊN

DỊCH THƠ TÀU

Vịnh giai-nhân (詠佳人)

(Ông Đỗ-Phủ đời Đường, hiệu là Thiều-lãng).

Có một cô đẹp ghê!
Ra vào ở khe núi.

絕代有佳人。
幽居在空谷。

Kê mình con nhà dòng,
Sa-sút phải túi-múi.

自云良家子。
零落依草木。

Quan-trung mới rời loạn,
Anh em đánh giặc chết.

關中昔喪亂。
兄弟遭殺戮。

Làm chi tiếng quan sang,
Bỏ liều đồng xương thịt.

高官何足論。
不得收骨肉。

Thế tình hay nói cù,
Đuốc lòe quăng vinh-nhục.

世情惡衰歇。
萬事如轉燭。

Thằng chồng chẳng ra gì,
Vợ mới đẹp như ngọc.

夫婿輕薄兒。
新人美如玉。

Hoa, thường đến đêm nở,
Chim, chẳng một con nằm.

合 昏 尚 知 辰。
鴛 鴦 不 獨 宿。

Thấy những kẻ cười nụ,
Hay đâu người khóc thầm.

但 見 新 人 笑。
那 聞 舊 人 哭，

Suối đành ở núi, trong,
Suối chảy ra sông, đục.

在 山 泉 水 清。
出 山 泉 水 濁。

Săn nghề bán hạt châu,
Cắt giành về giới nóc.

侍 婢 賣 珠 回。
牽 羅 補 葦 屋。

Hái hoa chẳng giắt đầu,
Chầy quả mong đầy vốc.

摘 花 不 插 鬢。
採 栢 動 盈 掬。

Thơ-thần buổi chiều hôm,
Khép áo nép bóng trúc.

天 寒 翠 袖 薄。
日 暮 倚 修 竹。

Lời giải

Thơ này là thơ tả ra một cái lịch-sử cay đắng của người giai-nhân, thuộc về mối đồng-diệu cảm-tình; đồng-diệu cảm-tình nghĩa là thương cho người, tiếc cho người, khóc cho người, mà lại thương cho mình, tiếc cho mình, khóc cho mình, tức là nghĩa quan Giang-châu tư-mã đối với kẻ Ti-bà-phụ vậy; thơ này kể ra một người đàn bà người đẹp, nhà dòng, đời loạn, chồng bỏ, ra vào túi-múi, nghề-nghiệp hèn-mọn, mà danh-tiết vườn thơm thơm sạch sạch, chẳng chút bụi trần; rõ-ràng in ra lịch-sử cụ Đồ-Phủ, mà thơ thì nghe ra cũng đau-đớn trăm-tuất!

Vịnh nàng Tây-Thi (西施詠)

(Ông Vương Duy đời Đường, hiệu là Ma-cật).

Người đẹp ai chả chước,
Cô Thi hẳn chắc cô.

艷 色 天 下 重。
西 施 寧 久 微。

Sớm ngày chi ả Việt,
Chiều tối vợ vua Ngô.

朝 爲 越 溪 女。
暮 作 吳 王 姬。

Ở nhà khác gì ai,
Khá lên danh-giá to.

賤 日 豈 殊 衆。
貴 來 方 悟 稀。

Ông-ọo phần sai đánh,
Dóng-dẫy áo mượn thay.

邀 人 傅 脂 粉。
不 自 著 羅 衣。

Vua yêu, lại càng đẹp,
Vua nê, gì chẳng hay.

君 寵 益 嬌 態。
君 憐 無 是 非。

Gặp bạn rệt sa cù,
Xe cô đi như bay.

當 辰 浣 紗 伴。
莫 得 同 車 歸。

Hỡi các chị nhãn nhó,
Đừng bắt chước gái này.

持 謝 隣 家 子。
效 嚙 安 可 希。

Lời giải

Thơ này là thơ tả ra cái lịch-sử hờn mình của nàng Tây-Thi, thuộc về mối phùng-thế; nghĩa là răn những người chọt được phú-quí không nên hờn-mình mà vội quên người bạn lúc bần-tiện; lại răn những người bần-tiện, không nên nhãn-nhó mà bắt chước cái bộ-dạng kẻ phú-quí; con người ta phải nên nghĩ rằng cô Tây-Thi lấy được vua Ngô thì

quí, về sau vua Ngô mất nước, thì cô Tây-Thi còn quí gì! Cô Tây-Thi cười thì đẹp, mà các ả ở phía Đông-lan cũng bắt chước cô Tây-Thi cười, thì càng tỏ nhân-nhố, chứ đẹp gì!

Ngày xuân rượu say ngủ dậy tỏ chí

春日醉起言志

(Ông Lý Thái-Bạch đời Đường, hiệu là Thanh-liên).

Ở đời, giấc mộng lớn,
Làm chi nhọc xác này.

處世若大夢。
胡爲勞其生。

Cho nên rượu cả ngày,
Ngả bên cột ngủ say.

所以終日醉。
頹然臥前楹。

Sực dậy trông trước sân,
Hoa cười chim hót hay.

覺來盼庭前。
一鳥花間鳴。

Mùa, phải xuân chẳng tá?
Lời oanh gửi gió bay.

借問此何日。
春風語流鶯。

Nghi bụng toan thở dài,
Hồ rượu lại cầm tay.

感之欲嘆息。
對酒還自傾。

Ngâm nga đợi trăng tỏ,
Thơ dứt ý quên ngay.

浩歌待明月。
曲盡已忘情。

Lời giải

Thơ này là thơ giải tỏ cái chí mình thuộc về mối yếm-thế; yếm-thế và cứu-thế, hai cái chủ-nghĩa ấy khác nhau, nhưng xét ra cũng không phải thật là khác nhau, mà có phương-hại với nhau; bởi vì con người ta lao-đạo tất-tả ở trong vòng vật-cạnh, trong hai mươi bốn

giờ, cái trí khôn nó thường bó-buộc; phải có một đôi khi nhờ cái lý-tưởng cao-siêu khoáng-đạt, cho con mắt trần bưng lên được sáng-sủa, để tìm mối gỡ dần mọi lẽ ở trong sự-vật ra; mà nuôi lấy cái óc cao-minh, để mà lại đem ra ứng-thế; đó là phép xem thơ ông Lý Thái-Bạch, nếu mà « Còn trời còn nước còn non, còn cô bán rượu, anh còn say-sưa », thì chẳng hóa ra còn người túy-mộng đó ru!

Tùng-Vân đạo-nhân

NGUYỄN ĐÓN-PHỤC

cần dịch

THƠ LAI - CẢO

Phổ-Hiến hoài-cổ

Tĩnh cũ còn trơ dấu cồ-thành,
Bề Gàn nay đã mọc dâu quanh.
Đền Vương-hậu nọ bia hưng-phế,
Lũy Phạm-công kia sử chiến-tranh.
Bóng tỏ Nguyệt-hồ chênh nửa mản!
Chầy kênh Chung-tự đóng năm canh
Phồn-hoa nếp cũ ghi truyền lại,
Phổ-Hiến lơ thơ mấy lớp tranh.

Giáo-thụ hưu-tri NGUYỄN ĐÌNH-GIÁ

Khuyến bạn hồng thi

Đeo đẳng làm chi mãi nợ đời,
Tang-bồng gánh nặng biết bao thôi?
Cho hay sự thế xui nên thế,
Đề khách giang-hồ giọt lệ rơi.
Bán phần mua son nào mấy kẻ?
Cầu danh chuốc lợi đã bao người?
Cờ đương dở cuộc đen hay đỏ?
Chẳng khỏi rồi ra lại khóc cười.

Tự-dề

Năm nay hai chục tuổi đầu rồi,
Còn cứ phong-trần mãi chưa thôi!!
Lời dọc đường ngang coi lóa mắt,
Sân Trình cửa Khổng vắng thăm hơi.
Hương danh khói lợi đã phai nhạt,
Về sách màu đèn đã hết tươi.
Bóng nguyệt lơ mờ khi buổi tối,
Hy Hoàng cảnh cũ hỏi ai chơi?

Liễu-dương-tử ĐẶNG TRẦN-PHÁT

Nhẹ tin nhà cháy

Cách trở quau-san mấ dậm trường,
 Nghe tin nhà cháy dạ tở vương !
 Còn đâu mái lá che mưa gió,
 Luống đê nền tro dãi nắng sương.
 Ngơ-ngần đau lòng chim mất tổ,
 Xa-xôi giờ mặt chuột không hang.
 Phũ-phàng con Tào trêu người thế,
 Bó buộc chi ta lằm đoạn-tràng !

Cảm-khái nhà cháy

I

Nhà gianh vách đất cảnh vui vắn,
 Ngọn lửa vô-tình nỡ phá tan.
 Sương nắng bấy nay nường bóng mát,
 Rèm phên bỗng chốc hóa tro tàn.
 Nơi lưng chút đỉnh trời co lại,
 Kiếm củi bao lâu lửa cháy tràn.
 Chú Lộc phen này chơi rồ ác,
 Làm cho vắn đỏ quá ra than.

II

Đâu hơn vương-khí chốn Long-thành,
 Hồi-lộc sao mà vắn quần quanh ?
 Gió thổi vi-vèo cơn lửa bốc,
 Trống khua rầm-rì lúc đêm thanh.
 Cửa nhà khắp đất phơi nền đỏ,
 Tàn khói tung trời lấp dạn xanh.
 Non nước xa trông miền cố-quốc,
 Tấm lòng thương nhớ cảnh nhà gianh.

TRẦN QUANG-HUYẾN (Vientiane)

Ở nhà lâu

Ví chẳng quan sang cũng phú hào,
 Bốn phương đều thấp một mình cao.
 Ba gian lợp ngói mưa nào giọt,
 Bốn mặt xây tường gió chẳng nao.
 Ngày hạ cung đàn khi gió mát,
 Đêm thu cuộc rượu lúc trăng cao.
 Xưa nay mấy kẻ danh cùng lợi,
 Đào-cúc phong-lưu thú bạc nào....!

Vịnh cảnh chùa

Đệ nhất thanh-cao ấy cảnh chùa,
 Một màu non nước thọ trời tô.
 Xanh um bình quế cây trăm thước,
 Đỏ ánh tòa sen sắc bốn mùa.
 Giọng kệ pha thêm hồi mõ nhỏ,
 Câu kinh họa lẫn tiếng chuông to.
 Trần ai mấy mặt tri-âm tá ?
 Biết thú mà chơi đấng đại-nho.

HOÀNG ĐÌNH-TIỆT (Thanh-hóa)

Anh dốt hay làm thơ

Nghề văn nào phải việc đùa chơi,
 Thơ phú khuyên ai chớ vội đời.
 Phận dốt sao không cam chịu phận,
 Tài hèn còn cứ giữ khoe tài.
 Túi thơ quăng quách cho xong kiếp,
 Bầu rượu ham chi để bận đời.
 Mặc khách văn-nhân đâu có thế ?
 Hoa thêu gấm dệt thử xem coi.

Thương ai

(ca lục-bát)

Thương ai mặt ngọc da ngà,
 Đoạn-trường lằm lúc nghĩ mà thêm đau.
 Thương ai nắng dãi mưa dàu,
 Một mình thui-thủi bấy lâu quê người.
 Thương ai học-thức tốt vời,
 Nỡ nào để thiệt một đời thông-minh.
 Thương ai tiết-liệt trung-trình,
 Mà sao gặp cảnh tan bình vỡ gương.
 Thương ai hồ-thỉ tứ-phương,
 Trông vời cố-quận mạch hương khôn cảm.
 Thương ai chiếc bóng âm-thầm.
 Giận đời đen bạc ruột tâm vô tở,
 Thương ai ra ngân vào ngọc,
 Bút thân muốn động hồn thơ vô-tình.
 Thương ai lên thác xuống ghềnh,
 Phận bèo luống chịu lênh đênh rập vùi.
 Thương ai ta những ngậm ngùi,
 Khôn ngăn giọt ngọc xut-xùi rỏ sa.

DƯƠNG ĐÌNH-TÂY (Đáp-cầu)

Thăm bạn học ở Hà-nội

Phòng văn nhàn buổi êm trời.
 Xem thơ Phật-mộc nhớ người đồng-thanh.
 Đại-huynh từ Hà-thành du-học,
 Đệ năm canh trấn trọc âm-thăm.
 Bâng khuâng nhớ khách đồng-tâm,
 Nước non lưỡng những tri-âm bấy chầy.
 Nhớ khi phố Hạc xum vầy,
 Khi đêm chén nước khi ngày câu thơ.
 Sực nghĩ đến vô tơ trăm mối.
 Biết cùng ai sớm tối bạn bầu ?
 Biết ai ý-hợp tâm-đầu,
 Nỗi vui ai biết nỗi sầu ai hay.
 Ngao ngán thay đêm ngày nhớ bạn,
 Bỗng đâu mà chim nhạn đưa tin.
 Giờ xem thấy chữ bình-ninh,

Bấy lâu xa cách tấm tình nhớ mong.
 Tin đâu nhắn trong lòng vui vẻ,
 Chữ đồng-tâm như vẽ tranh tùng.
 Càng xem càng nhớ càng trông,
 Nghi sao cho xiết tấm lòng trông-tur !
 Tạm mấy chữ phục-thư trước án,
 Chúc bình yên ngày tháng như thường
 Đã sinh ra kiếp bồng tang,
 Phải chen vai hội danh-tràng cho xong.
 Làm giai bay hồng cách hồng,
 Gắn nơi kinh-quốc xa vòng hương-quan.
 Rồi ra công-nghiệp hảo-hoàn.
 Anh em ta sẽ giao-hoan có ngày.
 Làm ghi một bức thư này.

An-xuân NGUYỄN ĐỒN-TỰ

TIÊU - THUYẾT CỔ

LÍNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XV

HỒI THƯ XVI

*Giã trợ-chiến, một trận liền giải vây,
 Thực giảng-hòa, ba quân đều cõi giáp.*

Nói về binh-mã đại-dội trại Gia-quế kéo đi được hai ngày, thời tiên-phong Đặng Bru truyền lệnh đóng quân lại để đợi Lý công-chúa đến thương-nghị. Khi công-chúa đến nơi, Đặng Bru vào thưa rằng:

— Nay quan-quân họp cả quân toàn-tỉnh và mười vạn chia giữ các nơi yếu-hại; nếu ta phân binh ra mà đánh thì không đánh nổi; họp-binh lại đánh thì lại sợ bên quan-quân trước sau ứng-cứ, tả hữu giáp-công, thời mình thành ra thế-cô không thể chống lại được. Cứ như ý tiên-tướng thời ta nên giả-danh đến trợ-

chiến, đề cho ý họ không ngờ, rồi ta tiên binh lên đóng sát vào trại quan-quân. Vả tôi nghe Đồng Miên-Công đóng quân ở Liên-châu, ta nên mật sai người đến ước-định, báo y thừa khi ban đêm đem quân đi tắt đến đánh Phật lĩnh, rồi liền kéo đến đánh Ân Chính-Mậu; hễ Đới tuần-phủ nghe tin ấy thời tắt đem quân đi cứu-viện; công-chúa thời thừa lúc đương điều-bát quân-sĩ, khởi-binh đánh ập vào, như thế thì chỉ một trận là giải vây cho Mai Anh được.

Công-chúa cả mừng mà rằng:

— Thúc-phụ bày kế ấy rất diệu! Nhưng phải kén lấy một người sứ-giã nói năng hoạt-bát, thời mới nói lừa được hẳn; thúc-phụ thử xét xem ai có thể sai đi sứ được?
 Đặng Bru nói:

— Nay có ti-tướng Đặng Kế-Luân có thể sai đi được.

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

Công-chúa liền cho gọi Đặng Kế-Luân vào hầu, dặn bảo ý-tứ rồi cho đem lễ-vật sang trại quan-quân. Đới tuần-phủ nghe tin báo, cho đới Kế-Luân vào trại trung-quân Kế-Luân bái-yết xong, dâng lễ-vật lên bầm rằng :

— Tiều - tướng phụng-mệnh Lý công-chúa đến đây thưa với đại-nhân biết cho rằng quân giặc Thiên-mã vốn có thâm thù với công-chúa tôi, nay nghe nó dám đem binh đến phạm tỉnh-thành, vậy công-chúa tôi thống-suất ba-mươi vạn quân, bình-nguyên xin làm tiên-phong, quyết ra tay chém giết quân cường-tặc ấy để rửa cái hờn trước ; bởi vậy sai tiều-tướng đến đây tỏ tình hòa-hiếu bầm lên đại-nhân lượng biết cho.

Đới tuần-phủ nghe nói trong bụng nghĩ thầm có ý kinh-nghi, bèn truyền hãy cho Kế-Luân lui ra, liền họp các quan lại thương-nghị mà rằng :

— Nay Lý công-chúa không đới có mệnh-lệnh điều-khiển mà tự thống-binh đến đây, sợ rằng có ý trá-ngụy gì chẳng, chẳng hay các ngài có kế-sách gì để cấm chỉ được không ?

Chỉ-huy-thiên-sự Vương Kinh thưa rằng :

— Lý công-chúa ở trại Gia-quế từ khi hàng-phục đến giờ, vẫn giữ theo phép-tắc triều-dinh. Tháng chín năm ngoái vì sự cụ-thù có đem quân đến đánh trại Thiên-mã, khi ấy quan Ngô đại-nhân có trợ-cấp cho vừa lớn vừa nhỏ một nghìn chiếc thuyền ; không ngờ quân Thiên-mã hung-cường đánh cho đại-bại ; vì thế trại Gia-quế đã mấy lần cho người đến quân-môn để xin quân đi đánh báo thù, song quan Súc đại-nhân không cho, khi ấy các quan tam-ti đã từng vì Lý công-chúa mà xin binh hộ ; nay y lại trợ-chiến, tướng cũng không có ý gì khác đâu.

Khi ấy có quan Tham-nghị Triệu Khả-Hoài ngồi ở bên ngảnh về quan Đới tuần-phủ mà thưa rằng :

— Quan Ngô đại-nhân vẫn có lòng tin Lý công-chúa, tướng cũng chẳng có ý gì khác.

Đới tuần-phủ nghe lời bèn trọng-thưởng cho Trịnh Kế-Luân rồi cho trở về. Lý công-chúa được tin ấy cả mừng, liền bống-linh đại-binh kéo thẳng đến núi Bạch-vân. Đặng-Buru lại xui Lý công-chúa thân đến yết-kiến quan Đới tuần-phủ nói tỏ cái sự tình oán-giận giặc Thiên-mã, nay xin đến phá giặc để trước là báo ơn triều-dinh, sau là tiết cái lòng tư-phẫn. Đới tuần-phủ thấy Lý công-chúa dung-nhan từ-khi có vẻ hiền lành trung-hậu, bèn không có ý ngờ vực gì cả. Ngày hôm sau Lý công-chúa đem tướng-sĩ đến núi Bạch-vân khiêu-chiến. Trông lên núi thời thấy ; Khi thiêng nghi-ngút, mây trắng phất-phơ ; khe Qui-long nước phun trắng xóa, dải Thur-hạc bóng xế mập mờ ; đỉnh núi tron-von, xanh biếc một màu xa ngất bóng ; lá ngô bát-ngát, đỏ ngòn nghìn dặm nức bay hương ; dấu cò mây mờ, nhà tiên bóng khuất ; rõ ràng ngọn kỳ-phong đệ nhất, thực là nơi thắng-địa vô-song.

Khi ấy Mai Anh bị vây ở trên núi Bạch-vân, lương-thảo đã hết, ngày ngày sai người lên đỉnh núi Ma-tĩnh trông ngóng cứu-binh, thì chẳng thấy tăm hơi gì cả, rong bụng đã hoang-mang. Chợt thấy tên tiều-hiệu chạy lên phi báo rằng :

— Bầm, dưới núi có một toán quân, kéo hiệu cờ quân trại Gia-quế, kéo đến khiêu-chiến với đại-vương.

Mai Anh nghe nói cả mừng, liền thúc-trang lên ngựa chạy tể xuống núi, thời thấy Lý công-chúa kim ngựa đứng ở trước cửa cờ, cầm roi trở Mai Anh mà mắng rằng :

— Bớ quân giặc kia, dám thị-cường đến đây, có muốn chết không ?

Công-chúa thét mắng rồi liền ngảnh lại tả hữu mà rằng :

— Chư-tướng, ra bắt tên tặc-nó kia cho ta, đem bầm thây nó ra, để vì ta rửa hận !

Nói vừa dứt lời, Nguyệt-Nga liền nhảy ngựa múa gươm ra xung-sát. Mai Anh vội vàng đối địch, hai bên đấu nhau đến một trăm hiệp không phân thắng-phụ ; đới bèn quân-sĩ đều vỗ tay reo léa. Ma;

Anh trong bụn: cũng khen thầm là người kỳ-nữ, lại xông vào đánh hơn hai-mươi hiệp nữa. Nguyệt-Nga giả cách võ đôi gươm rồi quay ngựa chạy. Mai Anh phi ngựa đuổi theo, chừng gần đến nơi. Nguyệt-Nga bần bật ra một mũi tên. Mai Anh vội nghiêng mình tránh thời mũi tên ấy tin sóc vào trên yên ngựa. Mai Anh nhỏ tên lên xem thời thấy khắc ba chữ: « *Mai Anh Tuyệt* » Mai Anh cả mừng, liền giả cách thua, quay ngựa chạy. Lý công-chúa bèn vung roi lên trở bảo, quân-sĩ liền xung-sát xông lên, tiến vào giáp trận. Mai Anh vội vàng sai quân-sĩ vút áo giáp bỏ đồ binh mà chạy. Lý công-chúa thúc quân đuổi đến dưới chân-núi, rồi hồi trống dắc-thắng mà trở về. Đới tuần-phủ nghe tin thắng-trận ấy bèn sai người trọng-thưởng cho Nguyệt-Nga. Chợt lại thấy thám-mã chạy về báo rằng: « *Đông Miêu-Công đã đánh phá mất Phật-linh, đương xung-sát đánh vào tá-doanh* ». Đới tuần-phủ vội vàng sai Tham-tướng Lý Ứng-Tường, Du-kích Trần Dần đem quân đi ứng-cứ. Lại chợt nghe thấy tin báo: « *Binh-mã trại Gia-quế đương khua trống hò reo, khói lửa bốc ngất trời* ». Đới tuần-phủ đương lúc kinh-nghi hoảng-hốt, lại thấy tên tiêu-hiệu chạy vào báo rằng: « *Trại Gia-quế phát hỏa!* » Nói chừa rút lời, thời liền nghe tiếng súng nổ, binh mã trại Gia-quế đã xô-xát kéo ập vào đến nơi; quan-quân thất-kinh, òn-ào rối loạn cả lên. Giám-quân là Cố Dưỡng-Khiêm lật-đật bỏ trại mà chạy. Quân lính trông thấy ngỡ là Đới tuần-phủ, bèn cả kêu lên rằng: « *Ôi thôi! Chủ-súy trốn đi mất rồi!* » Trong quân đều kêu khóc ầm cả lên, đồ xô nhau mà trốn chạy, giầy séo lẫn cả lên nhau. Đới tuần-phủ không thể nào ngăn lại được. Lý Ứng-Tường nghe tiếng hò reo rậy đất, ngánh lại trông về quân-trại, thì thấy ngọn lửa bốc lên sáng rực trời, mới biết là phải quân Dao-man đánh phứt mất quân-trại. Liền cùng với Trần Dần quay binh trở lại cứu-ứng, đánh xông vào trung-quân tiếp đón Đới tuần-phủ, rồi liều chết

đánh rẽ ra lấy một đường bảo-hộ Đới tuần-phủ vừa đánh vừa tháo lui, chạy về đến tỉnh-thành. Đới tuần-phủ liền phân-phó cho hai tướng đóng đồn lại ở Tam-nguyên, để tiếp-ứng cho các cánh bại-quân. Đới tuần-phủ thời tự ra trận để bảo-thủ lấy thành-trì. Rạng sáng hôm sau, Lý, Trần hai tướng thu được và vạn bại-binh kéo về thành. Còn Ân Chính-Mậu thì kéo quân chạy về Huệ-châu. Thực là:

*Công dã gần nên lại hóa tàn,
Giám-quân trách kẻ bỏ quân lan.
Binh chưa giao-chiến đã thua chạy,
Hờ-hững vì chưng mắc kế gian.*

Nói về Mai Anh được Nguyệt-Nga thông tin cho biết, bèn trở về trên núi, phân-phó cho quân-sĩ sắp sửa đầu đấy, chỉ đợi nghe hiệu-lệnh sau này, thì chia quân ra xông - đột đánh xuống. Trống canh hai đêm hôm ấy, chợt thấy dưới núi lửa bốc rực trời, tiếng reo rậy đất. Mai Anh liền thúc quân-sĩ hò reo đánh xông xuống núi sau lưng trước mặt hai dằng giáp-công; quan-quân bại-trận thua chạy chết lẫn như rạ. Quan-quân đã thua chạy đi rồi, Mai Anh bèn thu quân lại, đem tướng-sĩ đến trại quân Gia-quế, bái-tạ Lý công-chúa. Ngày hôm sau, hai trại quân đều chia binh-mã kéo ra hai ngã đến vây đánh tỉnh-thành. Đánh luôn ba ngày ròng rã. Đới tuần-phủ tùy-cơ ứng-biến, phòng-bị nghiêm-mật không thể sao phá được. Gia Cát-Đông cầm giận hăng lên bèn truyền lệnh cho quân-sĩ cứ mỗi một tên quân đêm nay phải dự-bị một đầu đất lớn, hẹn đến giờ thìn ngày mai đem đến nộp ở phía thành cửa đông, nếu không thì chém lập tức. Chí-kỳ, Gia Cát-Đông thân cầm một túi đất, sai Đông Miêu-Công nhằm vào chỗ đầu mũi tên ở dưới thành, vút ném cái thò-nang vào đó. Chư-quân trông thấy đều reo ầm lên đồ xô lại đem thò-nang chất đầy dưới thành, vút chốc thò-nang chổng lên từng bậc, cao vút hơn thành. Chư-quân hò reo đánh trống nhay

lên. Đới tuần-phủ cả kinh, liền hô quân bắn súng ra. Song đã phải Vạn Nhân-Dịch nhẩy vào trong thành, quân-sĩ thất-kinh điên-đảo, không kịp đốt lửa bắn súng ra. May đâu Lý Ứng-Tường nghe tin ấy, liền đem năm nghìn tay súng Qua-oa đến bắn nỏ ra rầm ròi. Quân Dao-man mới chịu lui rã ra ; quân trong thành cũng mới mệt hết sức.

Lý công-chúa thấy sắp phá được tỉnh-thành, trong bụng buồn rầu không vui. Đặng Bru hỏi rằng :

— Tỉnh-thành sắp phá được nay mai, chẳng hay công-chúa có sao lại k) ông vui lòng vậy ?

Công-chúa nói :

— Tôi từ khi qui-thuận triều-dinh, vẫn thề một lòng giữ đạo trung-thuận. Nay chỉ vì Súc Nục làm khốn-khổ Hoàng-lang không ra tay cứu không được. Nhưng mà phá thành nhà vua, giết quan nhà vua, kẻ trung-thuận nào lại làm như thế bao giờ ! chẳng hay thúc-phụ có kế-sách gì hay, khiến cho tôi khỏi sai lạc mất lòng trung-thuận, thời mới là diệu-sách ?

Đặng Bru nói :

— Nếu như thế thời chỉ có kế giảng-hòa mà thôi.

Công-chúa nói :

— Trước đã xin trợ-chiến để đánh lửa Đới tuần-phủ ; nay lại nói xin giảng-hòa, sợ họ không tin chẳng, thì làm thế nào ?

Đặng Bru nói :

— Tuy trước có nói dối họ thật, nhưng vẫn chưa nói rõ cái tình-tiết Hoàng-lang. Nay nếu công-chúa sai được người nói giỏi, đến nơi Đới tuần-phủ thuyết-minh cái căn-do Súc Nục trước sau căm tức, và cái tình-tiết Hoàng-lang bị vu-oan. Rồi xin tha cho Hoàng-lang, để dụ hàng quân Thiên-mã. Đới tuần-phủ là người trung-chính liêm-minh, đã biết rõ cái sự khiêu-hấn nhường-tranh là bởi tại Súc Nục cả ; thời tất là tha cho Hoàng-lang để giảng-hòa.

Công-chúa nói :

— Phải, song đi sang đó thuyết-minh, phi thúc-phụ thời không được. Xin thúc-phụ chớ từ khó - nhọc, vì cháu đi hộ chuyén này.

Đặng Bru nhận lời ra đi. Lý công-chúa bèn mời Mai tiêu-thư lại thương - nghị, truyền đem binh-mã hãy tạm kéo lui. Đặng Bru một mình một ngựa đi đến dưới thành, gọi quân-sĩ thủ-thành mà bảo rằng :

— Hỡi quân thủ-thành ! Ta đây là Gia-quế trại Tiêu-lồng Đặng Bru, có việc đến mời tuần-phủ đại-nhân ra tương-kiến, xin nhờ thông-báo hộ cho.

Đới tuần-phủ nghe tin báo, truyền quân-sĩ lấy dây giồng đem Đặng Bru lên mặt thành, thi-lễ tương-kiến xong. Đới tuần-phủ hỏi :

— Chẳng hay tức hạ yết-kiến ta có việc gì ?

Đặng Bru nói :

— Tôi nghe : Người nhân-giả dãi người, không hay ghi nhớ cái oán nhỏ ; trước kia chủ tôi là Lý công-chúa, nhân vì đi cứu cha là Đò-bối đại-vương, đem ba trăm nữ-binh đánh phá hai mươi vạn quân của Súc đại nhân ở Lệ-tử, và đánh Súc đại-nhân phải bi-thương ở đui ; khi ấy chủ tôi vì thiết-tình phụ-tử, dẫu thân mình cũng chẳng tiếc, nữa là nghĩ gì đến Súc đại-nhân. Thế mà Súc đại-nhân cứ căm tức để bụng không nói ra, trước kia đã không muốn cho công-chúa tôi về hàng, cố sức gạt lời Ngô-hầu đi ; sau lại sai Dương Kiệt đến Sơn-trại làm cho tàn-ngược. Song công-chúa tôi vẫn chịu nhẫn-nục, cốt giữ cho trọn thần-tiết. Tháng mười một năm ngoái, nhân chõng công-chúa tôi là Hoàng Phùng-Ngọc có việc đến khiếu-oan ở quân - môn, Súc đại-nhân chẳng hỏi xét gì cả, liền đem giải Phùng-Ngọc đến Nam-hải, nghiêm-hình tra khảo bắt ép chiêu-xung phải nhận là bạn-ngịch, kết thành án đem tống giam. Tôi thiết tưởng như nhà họ Mai ở Thiên-mã không phụng chính-sóc, không thuộc bản-đồ, như thế

mà gọi là bạn-nghịch, thì ai còn dám cãi nữa. Chớ như chủ tôi từ khi về hàng đến nay, vẫn dốc một niềm trung-thuận, nhân-dân bốn huyện vẫn yên ổn cả không thấy có xảy ra điều gì ; thế mà Súc đại-nhân đồ oan cho là giặc, buộc cho cái danh bạn-nghịch ; cố giết chết chồng chủ tôi, để tiết cái lòng tức giận xưa nay thì mới là sượng. Như thế thời dưới bóng thiên-nhật này lại không dung cho lũ chúng tôi cái-quả tự-tân hay sao ? Cúi xin đại-nhân rửa cái oan ấy đi cho, mà tha cho chồng chủ tôi ; lũ chúng tôi xin đi dụ hàng quân Thiên-mã, đề trước là đền ơn nhà nước, sau là báo nghĩa đại-nhân, xiu đại-nhân lượng xét.

Đới tuần-phủ nói :

-- Xin mời túc-hạ hãy tạm đợi ở nơi quán-dịch, đề bản-chức tra hỏi đầu đuôi sẽ hay.

Đặng Bru vâng lời cáo-thoái. Đới tuần-phủ họp cả các quan lại thương-nghị. Tham-nghị Triệu Khả Hoài nói :

— Nay nếu tha một Hoàng Phùng-Ngọc, mà hay hàng-phục được quân cường-tặc mấy mươi năm, đó cũng là cái công to đề lưu trăm đời. Duy chỉ có một điều là nó lấy binh-lực áp-chế ta thời cũng đáng tiếc cho thế-thống triều-đình lắm ! Bây giờ chỉ nên tra cứu đầu đuôi cái sự-trạng Hoàng Phùng-Ngọc, nếu quả là chân-tình đáng tội, thời cũng không thể tha-an một lúc mà phóng-xá, đề hoại mất phép-tắc triều-đình. Nếu xét ra quả là oan-uổng, thời mới tha cho được.

Đới tuần-phủ nói :

— Lời quan Tham-nghị nói phải.

Lập-tức sai người đến huyện Nam-hải đòi huyện-quan Hồng Nhất-Giáp lại chất-vấn mà rằng :

— Chẳng hay nhà thầy tra hỏi Hoàng Phùng-Ngọc nó cung-xung là phản-nghịch có đích-thực không ?

Hồng Nhất Giáp trước kia vẫn cảm cái lời tiên-nữ mách bảo, biết Phùng-Ngọc sau này tất là một người dị-nhân, vẫn có bụng muốn nhân dịp để cứu gỡ cho. Nay thấy

quan Đới tuần-phủ hỏi đến, bèn nói tỏ sự đầu đuôi Súc Nục xui bảo và bắt ép phải chiêu-xung là bạn-nghịch ; và sự Phùng-Ngọc kêu trời kêu đất, thề chết thề sống không chịu chiêu-xung ; sau có bảo Phùng-Ngọc cứ tạm cung-nhận, đề sau này sẽ thân-lý v. v. Sự-tình thế nào đều cứ thực nói ra cả chớ không giấu điều gì. Đới tuần-phủ nghe xong liền quát mắng Nhất-Giáp đuổi ra. Liền sai người mời Đặng Bru vào cho ngồi ở bên mà rằng :

— Bản-chức đã tra được đầu đuôi sự Hoàng Phùng-Ngọc rồi, quả thực là bị oan. Song chẳng hay túc-hạ làm thế nào mà dụ quân Thiên-mã về hàng được ?

Đặng Bru nói :

— Nguyên trại Thiên-mã có nàng Mai tiều-thư vốn yêu tài-mạo Hoàng-lang, bắt ép Hoàng-lang lấy làm chồng. Song Hoàng-lang ghét rằng quân Thiên-mã không theo giáo-hóa nhà vua, bèn bỏ mà trốn đi. Thế mà Mai tiều-thư cũng bỏ cả dân-chúng và mười vạn, liền theo đi tìm Hoàng-lang, chỉ một niềm giữ tiết bổ-kinh cho phải đạo ; suy cái tâm ấy thì biết nhà họ Mai không phải chỉ là hung-hăng tàn-bạo đàng-Lòng trinh-thuận ấy chính là đạo làm vợ. mà chính là đạo làm tôi, xem như nàng đã không nỡ phụ Hoàng-lang, lẽ nào lại nỡ phụ triều-đình hay sao ? Bởi thế tôi mới biết rằng quân Thiên-mã có thể dụ hàng được.

Đới tuần-phủ cả mừng mà rằng :

— Nếu như vậy thì nhờ túc-hạ đi dụ hàng cho mới xong.

Đặng Bru nhận lời cáo-từ xin lui, bèn lại giòng dây đưa xuống dưới thành, trở về binh-trại. Đặng Bru bèn thuật chuyện lại cho Lý công-chúa nghe ; rồi lại đến trại Mai tiều-thư, cùng với Mai Anh thi-lễ xong, Đặng Bru lại đem những lời quan Tuần-phủ nói, thuật chuyện lại một lượt, chúng nghe nói đều mừng rỡ xin đầu hàng. Lý công-chúa bèn cùng với Mai Anh thương-nghị, đem cả binh-mã bại trại lui về đóng ở Hoa-huyện. Mai tiều-thư xin Lý công-chúa làm hộ cho tờ biểu-chươn

đề dâng lên xin nộp thuế cống. Lại sai Tống Kim-Cương cùng đi với Đặng Bưu vào thành dâng nộp. Đói tuần-phủ bước xuống thêm đón rước, bày tiệc khoản-dãi, lại lấy lời nói úy-lạo hai tướng mà rằng :

— Nay chur túc-hạ đã qui-thuận triều-đình, thời tức là thân-tử triều-đình. Bản-chức sẽ tâu lên xin phong chức cho chur túc-hạ.

Hai tướng đều đứng dậy cảm tạ. Đặng Bưu nói rằng :

— Tiều-tướng chúng tôi nhờ ơn đại-nhân che chở cho, rất lấy làm cảm-tạ. Còn như chông công-chúa tôi là Phùng-Ngọc xin đại-nhân sớm phóng-xá cho, để cho yên-ủi lòng mong đợi của nhân-dân hai trại.

Đói tuần-phủ nói :

— Xin túc-hạ hãy trở về, bản-chức sẽ sắp lễ-nghi đưa Phùng-Ngọc về sơn-trại.

Hai tướng bái-tạ rồi trở ra về. Thực là :

*Cửa công nếu được quan Tuần khá,
Cõi bề can chi giặc nổi nhiều.*

Nói về Phùng-Ngọc bị-giam ở Nam-hải, Tống Nhất-Giáp thường thường sai người đến thăm nom ; lại được Mai tiều-thư sai Hoàng Thông với Chi-Long hai người đem nghìn vàng đến đó để tiêu dùng chi-cấp, nên mua được lòng những quân ngục-tốt đều phải phục-dịch cả. Phùng -Ngọc cả ngày rồi dài vô-sự ; song chỉ thời-thường thương đau Lý công-chúa bị chết nỗi thảm-cực, và nhớ Trương tiều-thư không biết sống chết dường nào, lòng đau như cắt, lắm lúc ngắt đi ; lại lắm lúc buồn bã không thể giải được, thời chỉ ngơ-ngâm thê-thảm ; khiến cho cả người trong ngục-thất ai nghe cũng rỏ nước mắt. Một hôm, ngủ ngáy, mơ màng thấy cùng với Trương tiều-thư đi về nhà ; trông thấy mẫu-thân Sa phu-nhân ra tiếp đón. Đương lúc bàng-khuàng nửa phần thương đau, nửa phần mừng rỡ ; thời sực đâu cơn mưa gió kéo đến âm-âm, quân ngục-tốt hô-hoán, thời sực tỉnh giấc dậy, trong lòng buồn bã, bèn cầm bút viết một bài *Giang-thành mai-hoa-dẫn* để giải muộn rằng :

*Ngày dài tỉnh giấc lưỡng bàng khuàng,
Ngồi tựa cửa cánh tường ngăn.*

*Thần thức lòng này, khôn xiết nỗi
băn-khoăn !*

*Nỗi băn khoăn, dạ đau như rần,
Giận không ngăn, nghĩ lại thêm càng !
Mối sầu cắt không đứt, mộng hờn
sao an.*

*Chỉ nguyện song-thân ngày vui vẻ,
Nỗi con chó nghĩ để thêm phiền ;
May ra lòng con người bớt một vài
phần.*

Phùng-Ngọc viết rồi, đương lúc trầm-ngâm thê-thảm, chợt nghe tiếng ngục-tốt chạy vào gọi âm lên rằng :

— Nào Hoàng - công ở đâu, Tuần-phủ đại-nhân có sai quan đến tiếp rước đó !

Phùng-Ngọc nghe tiếng gọi, bụng nghĩ thầm rằng : Chẳng hay quan Tuần-phủ nào lại đến tiếp rước mình làm chi vậy. Nghĩ rồi từ-từ bước ra, thời thấy ngục-tốt vội vàng chạy lại tiếp đón, liền tháo bỏ gông, côi bỏ siềng xích, đưa ra ngoài cửa ngục. Thời thấy có một quan tướng-quân đưa đến một bộ áo bào, một bộ mũ, một đôi giày ; sau lưng lại thấy một tên lính dắt một con ngựa đến. Quan tướng-quân ấy khi trông thấy Phùng-Ngọc cúi mình mà thưa rằng :

— Hạ-quan phụng-mệnh quan Tuần-phủ đại-nhân, đến nói với lĩnh-công thay áo mũ, rồi mời đến nha-môn tương-kiến.

Phùng-Ngọc nghe nói không biết duyên-cớ làm sao, chưa chịu thay áo vội, nói rằng :

— Phùng-Ngọc này chưa biết cái lệnh đại-nhân phóng-thích ra làm sao, sao dám thay bỏ áo tù đi vội.

Đương lúc dùng-dằng chưa chịu thay áo thời chợt thấy Hoàng Thông và Chi-Long cầm lược cầm khăn tự phía bên đông chạy lại cười ha-hả, dắt tay Phùng-Ngọc đứng lại một bên, rồi ghé tai mà rằng :

— Mai tiều-thư nay lui binh đến đóng ở Hoa-huyện, đã sai người vào thành để giảng-hòa với quan Tuần-phủ rồi.

Chi-Long thời liền nhận lấy áo mũ nói với quan tướng-quân ấy rằng :

— Xin tướng-quân cứ về trước để anh tôi trải đầu rửa mặt rồi sẽ lại hầu ngay.

Tướng-quân nói :

— Quan lớn tôi đợi để trưng-kiến, xin mời ngài đến mau mau cho !

Hai người liền rửa chải thay mũ áo cho Phùng-Ngọc xong, rồi cùng đi đến nha-môn quan Tuần-phủ. Bộ-tướng trông thấy Phùng-Ngọc đến nơi liền đưa vào quì ở trước công-đường. Đợi tuần-phủ trông thấy vội vàng mời đứng dậy trưng-kiến. Phùng-Ngọc khấu-đầu đứng dậy ; quan Tuần-phủ mời ngồi ở bên cạnh. Quân lính hiến trà xong. Đợi tuần-phủ nói :

— Bản chức đã tra xét rõ sự hiện-thai oan-uổng, đã làm tờ tâu để biện-oan cho hiện-thai rồi. Nàng tri-kỷ của hiện-thai ít lâu nay, vẫn phụng-mệnh triều-đình, hiện-thai có đến đó, nên khuyên bảo giữ lấy lòng trung-thuận, một bề làm tôi nhà vua, chớ sinh lòng phản-trắc. Bản-chức muốn mời hiện-thai ở lại xơi rượu, nhưng sợ rằng nàng tri-kỷ của hiện-thai mong đợi đã lâu, hiện-thai nên trở về ngay cho khỏi mong đợi.

Quan Tuần-phủ nói rồi lại trở con ngựa trắng đã thắng yên cương tử-tế ở dưới thêm mà rằng :

— Xin tặng hiện-thai con ngựa đó, gọi là chút biểu tấm lòng.

Phùng-Ngọc không hiểu rõ đầu đuôi, không biết đáp lại sao, chỉ là vâng lời rồi cáo-từ trở ra. Hoàng Thông, Chi-Long liền tiếp đón cùng đi ra ngoài cửa thành, vòng quanh đến Hoa-huyện. Phía đàng xa đã có quân thám-mã trông thấy chạy về phi-báo hai trại. Lý công-chúa và Mai tiều-thư được tin liền đem tướng-sĩ ra ngoài thành nghênh-tiếp. Phùng-Ngọc trông thấy vội vàng xuống ngựa. Lý công-chúa và Mai tiều-thư chạy lại đón rước, ôm đầu cả khóc. Phùng-Ngọc nguyên chỉ biết rằng Mai tiều-thư lại cứu mình, còn cái đoạn phải đi cầu-cứu Lý công-chúa, thời vì trong thành tuần-phòng nghiêm-mật quá, không ai dám lộ ra, nên Phùng-Ngọc không hiểu rõ ra làm sao, Nay chợt thấy Lý công-chúa chạy ra đón, Phùng-Ngọc phải ngừng

giọt lệ lại không khóc lên được nữa, bèn trừng mắt nhìn rồi nói rằng :

— Chẳng hay tiều-sinh với công-chúa sao lại được gặp nhau đây ? Tựa hồ như giấc chiêm-bao làm vậy !

Công-chúa khóc mà rằng :

— Thiếp có chết ở đâu, cái xác mà lang-quân chôn đó, là nữ-tướng Hứa Ngọc-Anh đấy.

Phùng-Ngọc liền rỏ nước mắt mà rằng :

— Tiều-sinh vẫn nghĩ là đã cùng với công-chúa quyết-biệt rồi, ai ngờ lại còn có ngày nay nữa. Song nếu không gặp được Hứa phu-nhân hai lần cứu cho, thời tiều-sinh chẳng chết dưới như Khuất Nguyên, cũng phải chết ở dưới trượng tra-tấn của bọn tham-quan khốc-lại !

Mọi người nghe nói đều hỏi Hứa phu-nhân cứu hộ ra làm sao ? Phùng-Ngọc bèn đem sự Ngọc-Anh hai lần hiện-linh cứu hộ thuật-chuyện lại cho mọi người nghe, chúng đều ta-thán nước nớc. Mai Anh liền mời Phùng-Ngọc lên ngựa trở về trại Lý công-chúa. Phùng-Ngọc tiếp kiến chủ-tướng đều nói ân-cần cảm-tạ cái ơn cứu-hoạt. Lý công-chúa sai bày tiệc khán-hạ. Đêm hôm ấy Mai tiều-thư phải nhường Phùng-Ngọc nghỉ bên trại Lý công-chúa. Trưởng tò giáp mặt hoa đào, càng âu duyên mới càng dào tình xưa ; tình ân-ái buổi trùng-phùng này tỉ với buổi sơ-hôn kia, lại càng keo sơn khăng-khít. Vậy có thơ rằng :

*Mảnh gương tan lại hợp,
Giấc mộng lúống mơ màng.
Chung gối thâu đêm chuyện,
Tương-tư giải đoạn-trường.*

— Ngày hôm sau, Mai Anh bày tiệc mời Phùng-Ngọc mở cuộc khán-hạ, yến-âm luôn hai ba hôm. Một hôm Gia-Cát Đờng bảo Mai Anh rằng :

— Tôi xem Đặng tiều-thư Nguyệt-Nga, tài-mạo song-toàn, nếu đại-vương cầu lấy làm phối-ngẫu, có thể làm được một tay lương-tá ở chốn khuê-môn.

Mai Anh nói :

— Ta đã cưới lấy Tiên Cô-nương rồi, sao lại lấy Đặng tiêu-thư nữa.

Gia-Cát Đồng cả cười mà rằng :

— Ông lão nhà quê được mùa thu thêm được và mười học thóc, còn muốn lấy vợ lẽ, hưởng chi như đại-vương, giàu có đến thiên-thặng, dẫu lấy thêm đến ba thiếp bảy nàng-hầu nữa lại không được hay sao !

Mai Anh nói :

— Quân-sư nói thế cũng là phải, song chẳng hay Đặng thống-quân có đoái đến hay không ?

Gia-Cát Đồng nói :

— Đệ bất-tài này xin đi nói thử xem thế nào.

Nói rồi, liền đi đến yết-kiến Lý công-chúa mà rằng :

— Nay Hoàng tướng-công đã cứu ra được rồi, lũ bất-tài chúng tôi đi vắng nơi sơn-trại đã lâu, muốn xin từ công-chúa trở về. Cứ lẽ ra thì Mai tiêu-thư phải ở hầu Hoàng tướng-công ở bên công-chúa đây là phải ; song đáng tiên-đại-vương tôi sinh ra tiêu-thư, chỉ có hai chị em ; nếu tiêu-thư đã phải ở bên công-chúa này, thì chủ tôi thiếu mất một tay giúp đỡ, chủ tôi ý muốn xin cô tiêu-thư của Đặng tướng-quân để làm nội-trợ, xin công-chúa vì tình Mai tiêu-thư mà nói giúp đỡ cho một lời.

Lý công-chúa cả mừng mà rằng :

— Xá-muội tôi tài kém đức mỏng, chỉ sợ không đáng sánh đôi với đại-vương, nếu đại-vương muốn kén dùng, thì tôi xin vâng-mệnh để nói với Đặng tướng-quân cho được.

Gia-Cát Đồng cả mừng, cáo từ trở về trại ; nói với Mai Anh sắm sửa đồ thiên-

kim sinh-lễ, đệ đến trại Lý công-chúa để đưa cho Đặng Bru thái-nhận. Lý công-chúa sai người vào tỉnh thành sắm sửa đồ nữ-trang hai ba nghìn bạc, chọn ngày tốt làm lễ thành-thân ngay ở trong trại. Ngày hôm cưới, âm-nhạc linh đình, lễ-nghi chỉnh-bị, rước đón Nguyệt-Nga đưa về trại Mai Anh làm lễ thành-hôn. Khi đón dâu vào đến trại sau, Mai Anh sẽ đỡ Nguyệt-Nga nâng bỏ cái khăn phủ đầu ra, thử ngắm nhìn xem, đôi bên đều ý-hợp tâm đầu, mười phần hoan-hỉ. Tả hữu bày dàn tiệc yến, hai người giao-bôi uống rượu. Mai-Anh nói :

— Hôm trước ở trận-tiền gặp hiền-khanh trong lòng tôi lấy làm hâm-mộ lắm, không ngờ hôm nay lại được sánh đôi loan phụng !

Nguyệt-Nga cúi đầu mỉm cười. Mai Anh tình càng lai-láng. liền sai tả hữu triệt bỏ yến-tịch đi. Hai người đều duyên ưa cá nước, tình đậm mây mưa ; gấm duyên kỳ ngộ xưa nay, chẳng duyên hồ để vào tay ai cầm !

Ngày hôm sau, hội họp cả tướng sĩ, mời tiệc yến-ẩm. Đới Tuân-phủ và các quan nghe tin, đều sai người đến chúc mừng. Mai Anh đều khoản-đãi tử tế cả. Cách và hôm sau, Mai Anh vì đã bỏ vắng sơn trại lâu ngày không đành lòng, bèn cùng Nguyệt-Nga đến bãi-từ Lý công-chúa xin về sơn-trại. Lý công-chúa định sắp bày tiệc để tiễn-hành. Chợt đâu thấy một người lật-đật chạy lại trước dinh, trông vào Mai tiêu-thư qui xuống cất tiếng khóc òa lên. Chúng đều cả kinh, không biết là việc gì.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch



DU' - LUẬN

(Mục này đăng những lời bàn của các bạn đọc báo, bản-chi không giữ trách-nhiệm. — N. P.)

Nên đúc tượng kỷ-niệm hai bà Trưng

Ít lâu nay, tôi đọc các báo ta thấy nhiều ông bàn về vấn-đề lập ngày hội kỷ-niệm cùng xây bia đúc tượng kỷ-công các bậc anh-hùng vĩ-nhân nước ta. Mỗi ông có một ý-kiến xác-đang, mỗi ông có một tư-tưởng cao-xa, rút lại đều là những bậc biết nhớ ơn người trước, biết mến nghĩa người xưa, theo nghĩa « ăn quả nhớ kẻ trồng cây » mà bàn cả.

Quý-trọng thay là lời bàn ấy!

Kính-phục thay là ý-kiến ấy!

Tôi nay, cũng vẫn sẵn có một lòng đó, xin biểu-đồng-tình cùng các ông, gọi là vài lời góp vào vấn du-luận, cùng anh em Trung Nam Bắc nhà ta, pt.ô bày ý-tưởng.

Cái vấn-đề này không phải là một vấn-đề bé nhỏ, không phải là một vấn-đề riêng một ai bàn; tức là một vấn-đề chung của cả quốc-dân Nam-Việt, chung của cả đồng-bào Bắc Nam. Ai là quốc-dân cũng nên phô-bày ý-tưởng mình cho đồng-bang hay, ngõ-hầu thành du-luận chung của cả toàn-quốc.

Tôi trộm nghĩ không gì xấu cho bằng một nhà không có con hiền, cháu thảo; không gì hèn cho bằng một nước không có hào-kiệt, anh-hùng; không gì nhục cho bằng một dân-tộc không có kỷ-niệm, tượng bia.

Vì sao? — Con hiền cháu thảo là hoa đẹp cỏ thơm của một gia-tộc; anh-hùng hào-kiệt là của quý muôn đời của một quốc-gia; kỷ-niệm tượng bia là biểu-hiệu để lưu-truyền tiếng thơm

việc tốt của người trước. Nhà không con hiếu, sao nhà có yên, nước không anh-hùng, sao nước có mạnh. Nhà không yên, nước không mạnh, sao có đủ sức mà sinh-tồn, sao có đủ lực mà cạnh-tranh.

Nước Nam ta sở-dĩ sinh-tồn được đến ngày nay ở dưới góc trời Á-Đông trên bờ biển Thái-bình-dương mênh-mông bề-sở này, được hưởng-thụ hộ-hấp cái văn-minh Âu-Á, nghĩ mà xem, bởi đâu mà được thế, bởi đâu mà có cái buổi bạch-nhật thiên-quang này, hà chẳng phải nhờ ở các bậc tiền-bối, nhờ ông cha ta đã bao phen nắng-mưa dầm-dãi, lặn suối trèo đèo mà vào sinh ra tử, chịu lấy hòn đạn mũi tên để giữ-gìn lại cho anh em ta cái nước Việt ngày nay rư!

Chẳng phải là các bậc anh-hùng vĩ-nhân đó rư! Thế thì: nước Nam nhà cũng có anh-hùng, nước Nam nhà cũng có vĩ-nhân.

Vậy mà người mình ít khi biết đến công-đức các bậc ấy, coi hình như xa lạ đâu đâu, xem bằng chuyện mơ-hồ huyền-hoặc, thế đã chán chưa, thế đã buồn chưa?

Thiên-ý tôi xem ra người mình lại hay cho bụt nhà là không thiêng mà cầu Thích - Ca ngoài đường; cho nên hỏi đến vua Đinh Tiên-hoàng là ai, đồng Hoa-lư ở đâu không biết; mà giá có hỏi ông Lưu Bị thế nào, nước Tây-Thục những gì, thì đọc thuộc lòng chơn như nước chảy; xét ra cũng vì mấy lẽ sau này.

1° Người mình ít đọc sử. — Nước ta cũng có sử nhưng sử chẳng qua là chỉ riêng cho ít người văn-học biết đến

xem đến, chớ còn hạng binh-dân, là cái hạng đa-số, thì mấy người biết, thì mấy người hay ; vì rằng nước mình đã làm gì có phổ-thông học-thức như người các nước văn-minh mà học cho biết được. Sau nữa nước ta cũng còn ít những bài ca-tụng các bậc anh-hùng, như các bài hát thông-thường của người các nước ; vậy cũng có thiệt cho đàn-bà con trẻ học quốc-sử mau nhớ mau thông.

2. Người mình kém lòng ái-quốc. —

Người mình kém người cái lòng ái-quốc, là cái bổn-phận thiêng-liêng (*devoir sacré*) của dân đối với nước; không biết sử thì còn sao yêu nước được nữa. Biết yêu vì cái gì ? Biết yêu ai ? — Đó là ý-nghĩa của người không biết sử là chi chi.....

Những lúc canh khuya thanh vắng, cha con vui-vầy, mẹ con quăn-quít, ấy chính là những lúc êm-dềm mà có thể luyện cho đứa trẻ tấm lòng ái-quốc lúc còn thơ. Cha kể chuyện cho con nghe, mẹ hát du cho con ngủ ; ta có thể mang những chuyện nghĩa-hiệp anh-hùng ra mà ngâm, can chi lại kể cho trẻ nghe những thầy Đường-Tăng, ông Đại-Thánh, việc gì phải ngâm-ngạ những Tô-Thị cùng Tam-Thanh, v. v... Trẻ nó không biết chuyện, biết đâu là anh-hùng. Trẻ nó không ưa chuyện, làm gì ra yêu nước ?

3. Nước mình ít tượng bia để kỷ-niệm. — Nói rằng nước mình ít tượng bia để kỷ niệm, xin các độc-giả chú quân-tử chớ vội tưởng lầm với các tượng bia trong các chùa đình của ta. Nếu theo nghĩa đó thì có thể nói rằng không nước nào nhiều tượng lắm bia bằng nước Nam ta. Đây là tôi nói tượng xây trong các công-viên của chung cả quốc-dân như của người Pháp, — đại-khải như tượng ông Paul Bert ở Hà-nội ta, — chớ không phải của riêng một làng

nào, hội nào. Tượng dựng trong một công - viên mát-mẻ, cho người vắng-lai không những được đẹp mắt, mà còn mỗi khi qua lại trông thấy tượng lại nhớ đến công-đức người xưa.

Nước mình đã ít người biết sử, vậy mà giả-sử có tượng dựng bia xây để kỷ-niệm các bậc anh-hùng, thì chắc quốc-dân cũng thêm thuộc truyện, mà lại khích-khuyến được người sau.

..

Các lẽ tôi kể trên đại-khải nói sự ích-lợi về vấn-đề xây bia đúc tượng, các nhà đọc báo chắc cũng đủ lượng ra. Sau đây, tôi xin bàn đến vấn-đề đúc tượng hai bà Trưng nữ-vương là hai vị đại-nữ-anh-hùng nước ta. Công-đức hai bà những gì, tôi chẳng cần phải thuật ra chắc các ngài đã đọc tạp-chí này, đều tinh-tường hiểu rõ. Nay chỉ xin nói lời mà bàn xem nên xây tượng thế nào, xây làm sao và vào đâu, nhờ ai đứng chủ-trương coi sóc, lấy tiền ở đâu mà làm.

Trước hết, đúc một pho tượng, xây một tấm bia để kỷ-niệm một bậc anh-hùng trong sử sách, là việc chung của cả quốc-dân. Việc chung của cả quốc-dân, vậy trông cậy vào ai ? ai là quốc-dân ? Ấy mới khó !

Thiết-tưởng chỉ nên trông ở ta.

Nói đến rằng « trông ở ta » thì chắc ai cũng đoán ra là trông cậy vào hạng thượng-lưu trí-thức trong nước, mà những hạng thượng-lưu trí-thức trong nước ngày nay là ai ? chẳng phải là các hội-viên hội Khai-trí-tiến-đức rư ? Vì hội toàn là những thượng-lưu nhân-vật trong các giới. Thế thì quyết chỉ Hội đứng lên đảm-đương cho thôi. Huống chi trong Hội thiếu chi bậc tai mắt, lại chẳng có người nghĩ qua mà dự-định cả rồi ư ?

Nói đến đây không thể không nhắc qua rằng ngày nay ai đi qua đền vua Lê (Hà-nội) lại không nom thấy cột

đồng-trụ tường xây của Hội mới tu-bổ sửa-sang lại đó rư ! Vậy thì chắc thể nào Hội cũng không từ những công-việc của nghĩa-vụ hạng thượng - lưu trong nước bao giờ !

Nhưng ừ, ví dụ Hội đứng chủ-trương, thể lấy tiền đâu mà làm, hay dám mong ở công-quĩ của Hội? Không, đâu Hội sẵn cũng không nên, vì xây tượng hai Bà là của chung của cả quốc-dân, mỗi người nên góp một tí. Vậy thì trông ở sự lạc-quyên. Về những việc này tôi dám quyết sẽ có kết-quả rất to, vì cứ xem ngay như một cuộc lạc-quyên để giúp các gia-chủ bị hỏa-tai ở Chợ-Đuối mà các báo đã đăng, thì đủ suy tính ra. Người mình lại sẵn lòng công-đức, giàu bụng công-tâm, kẻ hăng-tâm, người hăng-sản, chắc sẽ vui lòng mà hoan-ngheh.

Vậy thì món tiền để dùng chắc sẽ có. Còn đến như đúc tượng thì theo kiểu ở đâu? Trong nước ngày nay chắc không thiếu gì các nhà danh-họa, vậy nên mở cuộc thi vẽ kiểu. Kiểu vẽ thể nào cho hợp cách, cho có nghĩa-lý, lại phải có ngụ những ý-tượng sâu-xa, những tinh-thần tổ-quốc. Vẽ xong sẽ nhờ các nhà danh-họa tây-nam lập hội-đồng chấm và sẽ phát thưởng. Phần thưởng sẽ tùy theo lúc đó có nhiều tiền hay ít mà ban. Dưới chân tượng, trước mặt cột trụ lại nên dựng một tấm bia biên-ký công-đức hai bà. Về vấn-đề đúc nên tượng chắc là thành, chỉ nhờ các

nhà hăng-tâm hăng-sản cùng là hội Khai-Trí-Tiến-Đức nữa thôi.

Nay ta bàn đến chỗ xây. Tượng đó, theo như trên kia đã nói, rất có ảnh-hưởng cho quốc-dân, vậy phải tìm chỗ nào đất đẹp, nhiều người đi lại, ở trong Hà-thành ta mà dựng. Chung quanh lại phải có vườn hoa, có cây to bóng mát, có ghế ngồi chơi, có ống phun nước, vân vân. . . Ta có thể làm cho đẹp-đẽ mát-mẻ như những công-viên của người qui-quốc, vừa là chỗ cho trẻ con chơi. Về việc này khi nào nên dựng thì Hội sẽ đặt hội-đồng đi tìm đất và sửa sang. Chắc Chánh-phủ cũng chẳng hẹp gì mà không cho. Công - việc xong, Hội sẽ tuân-tự mà sửa sang đến chùa hai bà xưa nay vẫn riêng của xã Đồng-nhân coi sóc.

Vấn-đề này mà thực-hành được chắc chẳng bao lâu khắp các đế-đô ta sẽ có các tượng vua Đinh Tiên-hoàng, Lê Thái-tổ, Lê Thánh-tôn, Lý Thường-Kiệt, đức Cao-hoàng Gia-long, ông Võ Tánh, vân vân, . . .

Dám ước mong rằng mấy lời bàn này, sẽ đến tai các hội-viên hội Khai-Trí-Tiến-Đức và sẽ có một ngày kia. . . mang ra bàn luận ở Hội-quán thì chẳng mấy lúc ta sẽ được thơ-thần giống chơi trong công-viên, nguy-nga trước mắt pho tượng hai vị đại-nữ-anh-hùng của nước Việt! Mong thay! Ước thay! Cầu-nguyện thay!

Kim-thanh TRẦN TẤN-THO

Cách-ngôn

— Con người ta nếu muốn nghe sự lỗi của mình, chỉ nên sự gì cũng nhận lấy lỗi, dù thực dù hư, chớ nên so kè; thế thì sự lớn sự nhỏ, sự gì người ta cũng vui lòng báo mình mà không giấu mình nữa; nếu sự gì cũng nhất-thiết cãi-cọ với người, tách bạch ra rằng ta phải ta trái, thế thì sao hợp với cái ý tốt : « nghe lỗi thì mừng » của thánh-hiền khi xưa.

— Cái người bầy tỏ được sự lỗi của ta, là thầy ta đấy; cái người khen chê được lời nói của ta là dạy ta đấy; thật là không nên đơng mặt cãi-cọ, mà lại sinh ra giận dữ.

— Phạm làm người ngời ra được một lẽ gì, thì phải xét đi xét lại cho kỹ-càng, lẽ ấy là phải hay là trái, là khôn hay là dại; hẳn lẽ ấy là phải là khôn thì làm ngay đi, chớ có dấp-dù; hẳn lẽ ấy là trái là dại, thì chừa ngay đi, chớ có ngán-ngại; cho mới biết có tư-trởng đấy, nhưng mà phải có thực-hành mới được.

THỜI-ĐÀM

Việc bầu-cử Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ. - Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ năm nay mới theo nghị-định mới tăng số hội-viên An-Nam từ 6 lên mười. Ngày 15 Octobre vừa rồi đã khởi-hành việc tuyển-cử hội-đồng mới. Những ông ra ứng-cử chuyển này toàn là những người thuộc về đảng tân-tiến trong Lục-châu. Trong số có ba ông trúng-tuyển được số vé nhiều hơn cả, ba ông này ngoài Bắc ta chắc đã biết tiếng cả, là ông Nguyễn Phan - Long chủ - bút báo *Echo Annamite* (Việt-Nam Hương-truyền), người tây-học thâm-thúy lắm, viết báo bằng Pháp-văn mà người Pháp bên này cùng bên qui-quốc đều phải phục cả; ông Trương Văn - Bền là một nhà công-nghệ to ở Chợ-lớn, có mấy cái nhà máy làm gạo và làm dầu, có người cho là ông Bạch Thái - Bưởi ở Nam-kỳ; ông Lê Quang - Trinh Y-khoa-tiến-sĩ, đã đi ủng-chính bên qui-quốc về được các thứ hội-tinh, năm trước lại từng làm hội-trưởng Hội Ái-hữu những người Việt-Nam ở Paris. Còn bảy ông nữa cũng đều là những người anh-giá cả. Coi đó thời biết rằng các ông nghị-viên Nam-kỳ kỳ này được nhiều người xứng-đáng và toàn là những tay học-thức cả.

Nghe dân Chính-phủ sửa lại và tăng thêm hội-viên Hội-đồng quản-hạt lần này là đề dự-bị sẽ tổ-chức một tòa Thượng Hội-nghị cho cả Indochine, tòa Thượng Hội-nghị này tức là Hội-đồng Chính-phủ bây giờ mở rộng ra và chỉnh-đốn lại, sẽ có quyền-chức to và sẽ gồm cả đại-hiêu của Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ và các Tư-vấn-nghị-hội Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miên cử ra, khác nào như một cái Thượng-nghị-viện của toàn cõi Indochine vậy. Nay Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ đã có người xứng-đáng, có thể cử ra Thượng-Hội-nghị ngồi cùng với các đại-hiêu qui-quan không đến nỗi thẹn; còn Hội Tư-vấn Bắc-kỳ ta sang năm này cũng sẽ bầu lại, không biết có chọn được người xứng-đáng như các ông nghị trong Lục-tỉnh không. Thiết-tưởng dịp này cũng là một dịp hay cho các ngài học-thức tân-tiến ở Bắc-kỳ nên ra mà giúp việc cho bản-xứ.

Thuộc về việc bầu-cử các ông nghị-viên Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ mới rồi, báo *Courrier Saigonnais* có một bài bình-luận đúng sự-tình lắm, lược dịch như sau này:

« Hội-đồng quản-hạt mới, thuộc về phần An-Nam, theo tân nghị vừa được tăng số hội-viên, vừa được rộng số người bỏ vé. Vậy kỳ bầu-cử này có quan-hệ hơn các kỳ bầu-cử trước, không những quan-hệ cho hiện-thời mà quan-hệ cho tương-lai nữa.

« Nay xét cái ý-nghĩa vụ bầu-cử này thế nào.

« Trước nhất hẳn nhận được một điều: là số người đi bỏ vé đông lắm. Sánh với phần người Pháp thì số người không đến bỏ vé phần An-nam ít lắm....

« Lại nhận một điều nữa, là ngay lần đầu-phiếu thứ nhất, những người thuộc về đảng tân-tiến là những người được nhiều vé nhất. Tiếc cho đảng của báo *Tribune indigène* (là đảng cấp-tiến nhất) không ra ứng-cử, chớ nếu có ra thì chắc cũng được số vé nhiều.

« Vụ bầu-cử này đủ chứng rằng bao nhiêu những bọn *vàng-vàng da-dạ* vẫn chễm-chệ ngồi chiếu nghị-viên mấy khóa trước, chuyển này phải cáo-thoái hết.

« Lại những bọn phạm-hàm cao, mèn-day nhiều, mềm lưng dễ lay, khéo nịnh khéo luồn, chuyển này cũng không dất nữa, đủ biết rằng người An-Nam đối với những cái hư-vinh vì những cách đê-tiện mà mua chuộc được, bây giờ không lấy làm quý như xưa nữa. Mấy ông mới được bầu kỳ này cũng phải lấy đó làm một bài học, sau này hoặc có cái ác-ma nào nó cám-đổ, cũng chớ có bán rẻ cái quyền ăn nói ở chốn Hội-đồng lấy một cái giẻ đồ, hay một cái bài nga đeo ngực.

« Nói tóm lại thì vụ bầu-cử Hội-đồng quản-hạt kỳ này khuyến-hướng hẳn về bên tả (*la gauche*) nghĩa là về cái phương-diện tự-do tiến-bộ »

Cái nghĩa-vụ của Thượng-lưu. - vụ bầu-cử ở Nam-kỳ mới rồi thì biết rằng trong Lục-tỉnh đã nhóm có một hạng người có thể gọi là người thượng-lưu quyết ra gánh

vác việc công trong nước. Phạm-sự trách-nhiệm của hạng thượng-lưu ấy thế nào? Ông DE POUSSAVILLE là một nhà làm báo có tiếng bên Pháp, trong báo *Dépêche Coloniale*, có một bài, nhân khen các ông làm báo người Việt-Nam ở Nam-kỳ, mà bàn rộng về nghĩa-vụ thượng-lưu ở một nước như nước Nam phải thế nào; bài ấy ý-kiến hay, trích-dịch sau này đề công đồng-lãm:

« Một dân-tộc đương tiến-bộ, đương cải-hóa, hay là đương khôi-phục — tùy cái cảnh, ngộ riêng đó, — nghĩa là đương tăng thêm thế-lực và mở rộng tinh-thần, thì như dân-tộc Việt-Nam đối với cái văn-minh học-thuat mới, thời có thể ví như một cái công-xưởng lớn, trong đó kẻ từ ông Quản-lý, ông Kỹ-sư, thầy đốc-công cho đến các hàng thợ, hết thấy ai ai cũng có chuyên việc, người việc lớn kẻ việc nhỏ, vui lòng mà làm, vì việc gì cũng là cần hết cả.

« Các bạn Việt-Nam ta lấy cái lẽ đó, và lại lấy có rằng giống Việt-Nam cũ-lai vẫn là một giống có tư-cách tốt, trông thấy nước Nhật-bản kia cũng là một cở-quốc như mình mà sao duy-tân cải-cách mau như thế, không thể không lấy làm lạ. Thấy nước Nhật kia, tự mình bước lên, không ai chỉ bảo, mà tiến-hóa mau được như thế, lại quay lại sánh với nước mình, có một cường-quốc là nước Pháp đưa đường chỉ lối hẳn-hoi, mà bước tới không mau bằng người, không khỏi có ý kính-dị cho người, mà qui-sĩ cho mình.

« Nhân suy người xét mình, so-sánh hai bên, mà người Việt-Nam phát ra một cái quan-niệm rất chánh-dáng về nghĩa-vụ kẻ thượng-lưu trong một nước. Cái quan-niệm ấy đại-khái như thế này: « Muốn gây thành ra một hạng thượng-lưu có đủ tư-cách làm hướng-đạo cho quốc-dân mình, thời cái phẩm tốt (*la qualité*), tuy quý đã cố-nhiên rồi, nhưng cái lượng nhiều (*la quantité*) lại trọng và cần hơn nữa. » — Mới nói thế ai nghe cũng phải lấy làm trái tai, tựa-hồ như có ý phỉ-báng kẻ thượng-lưu, nhưng mà nghĩ kỹ ra mới biết rằng lời nói phải.

« Muốn gây thành ra một hạng thượng-lưu, nghĩa là hợp những người có tư-cách hơn nhất trong một dân-một nước làm một bọn người gọi là thượng-lưu, thời phải nên phân biệt cho biết rõ ràng dân ấy nước ấy là một nước đã tới cỗi văn-minh rồi và

hạng thượng-lưu là cái hoa thơm ngọc báu để trang-sức cho văn-vẻ thêm, hay là dân ấy nước ấy còn đang buổi tiến-hóa và hạng thượng-lưu phải ra công gắng sức để đưa đường chỉ lối cho kẻ đồng-chúng mình.

« Một nước đã đến cực-diềm văn-minh, cùng đường tiến-hóa, có thể đứng dừng lại cũng về-vang rồi, thời hạng thượng-lưu trong nước là gồm những bậc đại-bác-học, đại-văn-hào, đại-tư-tướng, đại-đạo-đức, hạng người ấy cao tột quá, sánh với kẻ đồng-chúng mình như một vực một trời, kẻ đồng-chúng cũng không dám mong theo kịp tới, chỉ đứng xa mà cảnh-ngưỡng để hưởng cái dư-vinh; hạng thượng-lưu ấy số ít thôi, tức là cái nền quốc-hoa trong một nước, tiếng lừng bốn bề, tên rậy hoàn-cầu, làm cho thiên-hạ phải kính mà phải sợ, nghĩa-vụ chỉ có thế mà thôi.

« Nhưng mà một nước chưa được hoàn-toàn vận-mệnh, thời cái chức-trách kẻ thượng-lưu là phải thân-hành đưa dắt chỉ bảo cho quốc-dân mình. Hạng thượng-lưu ấy phải cho nhiều người, và trong đoàn-thể nào cũng phải có để làm mẫu-mực cho người dưới; tuy có cao hơn kẻ bình-dân, nhưng cũng không được siêu-việt quá, phải thế nào cho kẻ dưới trông thấy tự nghĩ trong bụng: « Người này tài hơn mình thật, giỏi hơn mình thật, mình phải vâng theo người ta; nhưng mà người ta xuất-thân chẳng qua cũng như mình, nếu mình chịu khó thời mình cũng có thể như người ta được. » Kẻ thượng-lưu này lại phải hành-động ra nhiều phương-diện, và làm việc gì phải cho rõ mục-đích, thành kết-quả, cho kẻ dưới trông thấy mà làm gương, có thể noi theo được.

« Ấy nước Nhật-bản như thế đó. Nước Nhật-bản ban-bổ cái học mới, dạy-dỗ người trong nước thế nào cho gây lấy một hạng thượng-lưu thật nhiều, đủ tư-cách làm được việc, nhưng không có siêu-bạt lỗi-lạc gì, nên không cách xa với người dân lắm.

« Nước Việt-Nam cũng phải nên như thế. Hiện nay cũng có nhiều người Việt-Nam hăm hồ theo học mới, học cũng thành-công, nhưng thành-công rồi chỉ mỗi người mưu việc tư-lợi mà thôi, không ai nghĩ đến sự hiệp-lực nhau lại mà gây thành một bọn thượng-

lưu đề hướng-đạo cho kẻ đàn em trong nước. Bấy giờ kể ra cũng được vài ba ông tiến-sĩ, giảm bầy ông cử-nhân, ít nhiều ông kỹ-sư cùng ông quan tòa, đều là những người đã học qua bậc cao-đẳng bên Pháp cả; nhưng cũng vì học cao quá như thế mà trong khi giao-tế lại có ý gằn-gui với người Tây hơn là người đồng-chủng mình, thành ra không có ảnh-hưởng gì trong quốc-dân cả, đối với kẻ bình-dân khác nào như ngọn đèn sáng quá làm cho người ta quáng mắt mà không soi đường được cho người ta.

« Vậy thời ông nghề ông cử hằng xin in-ít chữ, mà học lấy cho nhiều ông tú; ít người làm thầy mà nhiều người làm bạn; số thượng-lưu phải cho nhiều và phải gần dân mới đủ đưa dân được. Ấy cái chí của người Việt-Nam như thế. Đại-Pháp đã hứa cho người ta hễ tiến-hóa được tới đâu sẽ cho quyền-lợi tới đó. Nay người ta định tiến-hóa như thế đó.

« Nào ta là người bảo-hộ, ta định xử-tri cho người ta thế nào? »

Quan-lại ái hữu hội. — Ngày chủ-nhật 29 Octobre vừa rồi hồi 8 giờ sáng, hội quan-lại ái-hữu đã họp kỳ đại hội-đồng, lần thứ nhất tại nhà hội Khai-trí tiến-đức để bầu òa hội-đồng quản-trị nhất-định và quyết-định các khoản điều-lệ để thi-hành mục-đích Hội. Quan-lại các tỉnh về dự hội khá đông ước chừng đến hai trăm ông. Khi khai hội-đồng quan tạm-thời hội-trưởng Nam-định Tổng-đốc Phạm Văn-Thụ có đọc một bài diễn-văn lời lẽ hùng-hồn, tỏ ý khích-khuyến các quan lại nên bảo-toàn lấy danh-dự, để cho tránh khỏi những lời dư-luận chê bai; nhất là đoạn ngài kể cái tước-tệ trong quan-trưởng xưa nay chỉ vì cái thói tham-ô mà làm tiêu mất cái lòng liêm-sĩ, lời nói rất là cảm-kích, những lời ấy nếu là dư-luận của người ngoài vòng quan-trưởng mà nói ra, thì hẳn cũng có người cho là dụng-ý thiên mà chỉ-trích. Nhưng nay lại chính là một vị đại-biêu quan-trưởng tuyên đọc ra một bài văn sấm-hối ấy thời lại càng tỏ cái tích-tệ trong quan-trưởng xưa nay tả ra như vẽ. Tiếc thay hai ba mươi năm trước giá được ngài khích-khuyến sớm cho như thế, thời hồn liêm-sĩ trong quan-trưởng sao đến nỗi thoi-thóp như ngày nay. Song cũng may thay mà nay còn được lời ngài khuyến-khích, thời cái hồn liêm-sĩ họa may ra còn chiêu-tĩnh lại được ít nhiều chăng, thực là hạnh-phúc cho quốc-dân ta lắm. Nay xin lục đăng nguyên-cảo bài diễn-văn như sau này :

Bài diễn-văn của quan tạm-thời Hội-trưởng Hội Quan-lại ái-hữu Phạm văn-Thụ

Thưa các ngài.

Hội chúng ta sáng-lập mới hai tháng nay chẳng qua tỏ chút tình đoàn-thề thân-ái với nhau, qui-ích lẫn nhau, nào có phải trường học Pháp-chính đâu, khoa thi thừa-phái đâu, thế mà ai cũng công-nhận cái mục-đích ái-hữu, hoan-nghênh cái chủ-nghĩa ái-hữu, vào hội đã đông vui thế này, đủ biết ở trên thế-giới, đạo-đức vẫn có vẻ cường-quyền, rủi gặp cuộc công-lợi cạnh-tranh, phong-trào xô đẩy mặc lòng, mà hồn liêm-sĩ dám quan-lại ta đối với tổ-quốc hơn bốn nghìn năm đức nên một khối linh thiêng, gọi đến lúc nào tỉnh ngay lúc ấy.

Đã gọi là Hội-viên trong hội, đã gọi là hội-viên trong hội Quan-lại ái-hữu, kẻ trật-tự thì có tôn ty sai-đẳng mà đối cảm-tình thì thành cốt-nhục chi-thân, nước ta trước kia, trong phái quan-lại tinh-nghị hãy còn đơn sơ, cùng làm với nhau một tỉnh thì gọi là bạn đồng-liều đồng-thành, chẳng qua mới kết hợp một cái dây tiêu-đoàn-thề, từ khi sóng nhân-đạo tràn khắp thế-giới, đảng nào phái ấy, công-thương còn có hội công-thương, thì quan-lại phải có hội quan-lại, cũng là góp ngồi thành bè, góp cây nên rừng. Hội ta đây trải qua hồi ngôn-luận đã lâu, nay đến buổi thực-hành, đáng cho là muộn rồi, nhưng mộng dầm lâu thời nở chóng, hoa khai chậm thời lại thơm, phảng-phất bên ngọn cờ Khai-trí-tiến-đức, gây nên một cái đảng sùng-bái danh-dự, kính trọng nghĩa-vụ để bảo-thủ lấy quyền-lợi, thực thích-hợp một cái cơ-hội rất tốt; tôi xin cảm-tạ quan Thống sứ Monguillot, quan nguyên Khâm-sứ Tissot đã giúp cho Hội chúng thành-lập và xin cảm ơn các quan Hội-đồng lâm-thời trị-sự, nhất là quan Thiếu Hoàng, quan Thượng Lê, quan Đô-thống Đỗ có công-đức với Hội nhiều.

Tạo-hóa sinh ra cơ nước thì có dân, có dân phải có quan-lại, khắp hoàn-cầu không cứ là đế-quốc và vương-quốc hay hầu-quốc, quan-lại giỏi thời nước cường-thịnh, quan-lại dở thì nước suy hèn, muốn xét vận-mệnh trong nước thịnh suy

thế nào, thực đúng như cái hàn-thử-xích. Kề ra vạn-quốc chính-thê có khác nhau, nhưng trách-nhiệm đều trông vào quan-lại, chính-thê cộng-hòa chủ-quyền ở dân, nhưng quan-lại tức là thượng-nghị-viện; chính-thê nước lập-biến quân-dân cộng-chủ thì quan-lại đứng ở giữa mà san gánh chủ-quyền: chính-thê quân-chủ như nước ta thì trên thay mặt vua, dưới cai-trị dân, quan-lại thực đảm-nhiệm một thứ quyền đặc-biệt, phận-sự quan-lại nước ta, trước kia chỉ làm trọn bốn chữ « *Tri chủ trách dân* » là đủ, nay, đây là trong đối với Triều-đình, ngoài đối với chính-phủ Bảo-hộ sao cho đặc-the, vậy thì nghĩa-vụ của quan-lại nước ta có lẽ nặng hơn quan-lại các nước, mà danh-dự quan-lại ngày nay có lẽ khó bảo-trọng hơn quan-lại ngày xưa.

Quan-lại đối với dân có hai thứ hiệu-very rất chính-đáng: một là « dân chi phụ-mẫu », đã lấy mình làm phụ-mẫu thì phải coi dân như con, nuôi con dạy con, gây dựng cho con, máu chảy ruồi bâu, tay đứt ruột xót, con cái sung-sướng thời ta sung-sướng, con cái đau thời ta đau; một là « dân chi công-bộc », đã nhận là công-bộc thì phải coi dân như chủ nhà, thương chủ nhà, yêu chủ nhà, giúp đỡ cho chủ nhà bắt cơm chén máu, mảnh áo lẫn da, chủ nhà vui thì ta vui, chủ nhà tẻ thì ta tẻ, cảm-tình đối với dân càng mật-thiết bao nhiêu thì danh-dự và nghĩa-vụ của quan-lại càng cao-trọng bấy nhiêu, phạm-vi danh-dự nghĩa-vụ kẻ rất bao-la, tóm lại chỉ trong ba đức tính: *thanh, thận, cần*, giữ sao cho viên-mãn; *cần - thận cần - mãn*, còn thuộc về phần nghĩa-vụ bất buộc ta phải thực-hành, duy đức thanh-liêm là đặc-tính của trời phú cho, trong như nước sáng như gương, mực không thể bôi đen mà vàng không thể bôi nhọ, người có đức thanh-liêm cũng như đồng-hồ có dây hõn, dây hõn vững thời suy ra các bộ máy, nào là cần-thận nào là cần-mãn, hết thầy đều linh-động mà hoàn-toàn.

Hõn quan-lại ta ở đâu? liêm-sĩ còn thời hõn còn, liêm-sĩ tiêu thời hõn tiêu, nay thử hỏi hõn liêm-sĩ thế nào? mất chưa đến nỗi mất, nhưng còn cũng hơi gọi là còn, thoi-thóp ở trong đám cạnh-tranh kịch-liệt này; kíp bảo nhau thiết-lập đàn-tràng, kéo cờ phan biêu, lấy hõn thời hõn còn, nếu kháng-tăng mỗi người một bụng như chuyện lấm sãi không ai đóng cửa chùa

thì hõn sẽ có ngày tiêu-diệt. Hõn liêm-sĩ mà đến nỗi tiêu-diệt, thì quan-trưởng chẳng ra sông cờ bạc cũng ra chợ bán buôn, còn kể gì để danh dự, còn nghĩ gì đến nghĩa-vụ, khéo vo-vét cho là giỏi, lớn bùi bé mềm, thao thờ-phụng cho là tài, ra luồn vào cúi. Thậm-chí rán sành ra mỡ, đèn trời thắp suốt ngày đêm, chặt cây tra cành, ngòi bút sắc hơn giáo mác, mặc chuyện tuần-lươn, mặc bia đức-chính, qui-hồ hút lấy máu-mủ để béo lấy thân-gia, làm cho dân mất hết cả cái cảm-tình, quan xa nha gần, gây nên tiếng oán, quan hai lại một, để làm trò cười; rất nổi kẻ cướp đêm kẻ cướp ngày, thù quan-lại ra mặt, mẹ chồng sau mẹ chồng trước, rửa quan-lại luôn mồm, sắp xuất-hiện một cái hiềm-tượng rất ghê trong giới-hạn quan-dân lẽ-cách.

Đội ơn đức Kim - thượng tuyên - dụ khuyến liêm, và cảm ơn quan Toàn-quyền Beau trước đã hạ - lệnh cấm lay, toàn là cách chiêu-hồn liêm-sĩ về phần tinh-thần. Hiện đây Chính-phủ thực-hành nghị-định tăng lương, lại là cách chiêu-hồn liêm-sĩ về đường vật-chất.

Ngán nỗi! mông-mênh bề hoạn, bờ dậu khó tìm; nghi-ngút hơi đồng, máu tham dễ bén; chắc đâu hõn liêm-sĩ đã tỉnh hết chưa. Lạ thay! trước kia nguyệt-bồng bất quá học gạo quan tiền, thế mà sao trong triều ngoài quận, phần nhiều quan-lại thanh-liêm, cũng bởi tấm lòng qui đạo-đức mà rẻ danh-lợi. Truyện lịch-đại danh-thần kể đây không xiết bết, đơn-cử như ông Trần Thời-Hiện không nhận việc xin riêng mà thờ hết những đồ cổ biêu; ông Trần Đình-Phong đem thiết-án để gói tàn gio lụa, lạy trời lạy mẹ thê không lấy lễ dân. Các ngài đem hết tinh-thành đối với thiên-địa quỷ-thần, đáng để làm gương cho quan-lại. Ông Mạnh-đức-tư-cưu có nói: « Văn-minh Đông-Á trọng bề vinh-sủng », này như sinh-phong tặng-phong, tập-tước tập ăm, rõ thực một người làm quan cả họ được nhờ. Nước ta là một nước văn-minh mà dân ta là một dân kính quan-lại, giang-sơn phong-vật nay vẫn như xưa, lẽ đâu hõn luân-lý đã tiêu-tán hết; thử gẫm xem, khi lễ phần-hoàng tuyên cáo-sắc còn không cầm dậu nước mắt, thì cái hõn luân-lý chưa khi nào đã liêu-tán đâu, biết đoán-thê cùng nhau, mình tự thương lấy nhau, sẽ mong người ta thương, mình tự trọng lấy mình sẽ

mong người ta trọng.

Chúng ta thử xem người ta đánh thăng-quan chẳng qua là quan-lại trò chơi, thế mà cũng muốn *toàn-sắc xuyên-hoa*, hay là *đức, tài, công*, bất-đắc-dĩ thời *lương*, *chớ do* và *tang* thời người có liêm-sĩ ai cũng phải động lòng tía tai đỏ mặt. Quan-lại trò chơi còn thấy *do* và *tang* như đồ thuốc ghét, hướng chi ở vào địa-vị quan-lại thực, há không kính danh-dự trọng nghĩa-vụ, cam chịu những *do* và *tang* hay sao ?

Hội chúng ta dù *hồi-hưu* dù *tại-chức*, lớn làm quan nhỏ làm lại, đều có một phần trách-nhiệm, trên vì nước dưới vì dân, muốn toàn cái danh-dự, thời phải hết cái nghĩa-vụ, sẽ mong được hưởng cái quyền-lợi ; đã gọi là ái-hữu thời ta nên *trương-qui trương-ích* nhau, tự mình cảnh-giới lấy mình rửa cho sạch những tiếng ố thanh-ô của các nhà *du-luận*. Ấy là đạt cái mục-đích quan-lại ái-hữu, chớ không cứ là nay mời tiệc, mai gửi thiệp, chỉ yêu nhau một cách *biểu-diện* mà thôi đâu.

Giới-thiệu sách-mới. — Nước nào có văn-chương riêng nước ấy, lời ca-đo ngạn-ngữ trong một nước tức là cái nền *phôi-thai* ra văn-chương của dân-tộc nước ấy từ lúc mới phát-sinh. *Thăm-Uớc* có câu rằng: « Ca vịnh sớ-hưng, tự sinh-dân thủy ». Xem đó thì biết ca-đo ngạn-ngữ chính là quốc-hồn quốc-túy riêng của một dân-tộc, không biết tích-lũy trải qua đã mấy mươi đời.

Nước Nam ta kể thời-đại thì trải tự *Hồng-bàng* đến nay đã hơn bốn nghìn năm ; kể khu-vực thì thống-nhất cả tam-kỳ từ Nam chí Bắc, phàm những lời cù-ca lái-ngữ, văng-vẳng thường nghe rải-rắc ở các chốn *hương-thôn* ; những câu tục-ngạn *phương-ngôn*, lác-đắc thường thấy *truyền-tụng* ở những người *phụ-lão* ; hoặc phát-sinh ra từ xứ nọ, hoặc khởi-xương ra từ đời nào, không biết bao nhiêu mà kể, không biết thu-nhập sao cho cùng được. Vậy nay muốn *suu-tập* lại để làm tài-liệu cho quốc-văn, và làm *diễn-cổ* để *khảo-cứ* mà *biên-tập* ra một quyển quốc-văn

tự-diễn ; cái công *suu-tập* ấy không phải một người mà đã tìm cho hết được.

Gần đây đã nhiều người *hiệt-thành* về quốc-văn, ở Bắc-kỳ đã có người *suu-tập* mà in ra quyển « *Ngạn-ngữ trích-cầm* » và ở báo *Nam-Phong* cũng đã có *lục-dăng* ít nhiều. Nay lại tiếp được quyển *Ngạn-ngữ sự-loại lược-biên* và quyển *Ngạn-văn* của quan *Hình-bộ Tham-tri Ưng Ân*, hiệu *Quất-đình*, ở Huế mới xuất-bản. Chia ra có ba mươi tám mục, lựa chọn các câu dài ngắn đối nhau, mục nào rành ra mục ấy, tìm xem rất tiện. Xem như câu : « *Núi Trồn ai đắp mà cao, sông Danh ai bóí ai đào mà sâu ?* » thời biết dân xứ ấy vẫn nhớ ơn người trước khi mới khai-thác ra đất Trung-kỳ ; lại xem như câu : « *Lạy trời cho chóng gió nam, cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra* », thời biết rằng nhân-dân Thuận-hóa về hồi Tây-sơn thiết-cứ, chỉ mong *đức Cao-hoàng* sớm ra *thu-phục* lấy Phú-xuân. Ngài *Quất-đình* là người Trung-kỳ, nên chỉ ngài thuật được nhiều *phong-đao* ngạn-ngữ Trung-kỳ. Nếu cả ba kỳ đều có người *suu-tập* như ngài *Quất-đình*, người Bắc-kỳ thì *suu-tập* được nhiều những câu ở Bắc-kỳ, người Nam-kỳ thì *suu-tập* được nhiều những câu ở Nam-kỳ ; cái công *suu-tập* ấy đủ làm cái quà để *phần* quốc-túy cho người sau, sẽ nhân đó mà *hợp* những tài-liệu của các nhà ba kỳ đã *suu-tập* lại, mà *khảo-cứ* những giọng nói khác nhau, cùng những lời ca đồng-điệu, để tìm ra cho đủ tiếng đủ giọng tất cả văn-chương ngôn-ngữ ba kỳ, thực là giúp cho các nhà *biên-tập* quốc-văn sau này có thể *tập-đại-thành* mà làm ra bộ quốc-văn tự-diễn, và chính là bồi đắp cho nền quốc-văn thêm vững-vàng thêm rộng-rãi mãi ra. Vậy tôi nói đây không những là *giới-thiệu* đôi quyển *Ngạn-ngữ Ngạn-văn* của ngài *Quất-đình* mới có « ba mươi tám mục bỏ vào *Phong-thi* » mà thôi ; lại mong cả người ba kỳ ta đều nên *hru-tâm suu-tập* như ngài *Quất-đình*,

dề bổ thêm vào bộ *Ngạn-ngữ lược-biên* mà làm món quà tốt cho người sau vậy.

ĐÔNG-CHÂU

Bản-quán mới tiếp được cuốn thứ nhì sách « Quốc-văn khảo-biên » của ông NGUYỄN ỨNG mới xuất-bản. Cuốn này biên-tập cũng có công như cuốn thứ nhất.

Bản-chí vui lòng giới-thiệu sách ông NGUYỄN ỨNG vì sách hay và có ích, lại rất là hợp-thời lắm. Vả ông NGUYỄN cũng không phải là người lạ cho các bạn đọc báo, các ngài chắc còn nhớ những bài khảo-cứu của ông đã đăng trong báo này.

Sách bán tại nhà tác-giả : Phố hàng Cáo, số 38, Hà-nội. Giá cuốn thứ nhất : 0 \$. 15 ; cuốn thứ nhì : 0 \$. 20.

Các cuốn sau sẽ tiếp-tục toàn bộ là 10 cuốn.

— Bản-quán tiếp được của nhà in TAUPIN mới xuất-bản sổ danh-sách các quan-lại Bắc-kỳ, kê lý-lich rõ cả các quan lại, từ hàng tổng-đốc cho đến các hàng thừa-phái.

Bản-quán có lời cảm-ơn nhà in đã gửi tặng.

Mông-xích-tô. — Ai đã đọc quyển tiểu-thuyết Mông-xích-tô thứ nhất của ông Vũ Công-Nghi mới xuất-bản độ trước, thì sẽ biết sự-tích hay là đường nào. Nay ông lại mới xuất-bản quyển thứ nhì, giá bán cũng 0, \$ 12. Nhân ông có tặng một quyển, vậy xin vui lòng giới-thiệu cùng chư-độc-giả.

TẬP KÝ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIỀN-ĐỨC »

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Octobre có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì :

1. — M.M. Trần Như-Bích, Secrétaire dactylographe du service des Voies et Bâtiments Cie Yunnan à A-Mi-Tchéou Chine. (do ông Vũ Đình-Chung giới-thiệu).
2. — Nguyễn Quốc-Cử, Secrétaire à la Mairie, service Cadastre, 46 rue du Charbon Hà-nội. (do ông Vũ Công-Nghi giới-thiệu).
3. — Vũ Tư-Đường, Commerçant 28 Quai Clémenceau Hà-nội. (do ông Trịnh Văn-Minh giới-thiệu).
4. — Dương Bùi-Giêm, Transporteur de la Maison Sauvage 15 rue des Pavillons noirs Hà-nội, (do ông Trịnh Văn-Minh giới-thiệu).
5. — Phạm Đình-Giáp dit Giụ-long, Buôn bán, 18 rue de Tiên-tsin, Hà-nội, (do ông Nguyễn Qui-

Toán giới-thiệu).

6. — Nguyễn An-Hòa, CỬU-phẩm bá-hộ, Commerçant, village de Phúc-lâm, canton de Ước-lễ, huyện de Thanh-oai Hà-dông. (do ông Ứng-Ngọc-Thư giới-thiệu).
7. — Nguyễn Xuân-Hòa, Secrétaire au Thực-nghiệp-dân-báo 56 Bd Amiral Courbet Hà-nội.
8. — Phạm Văn-Học, Etudiant à l'université de Droit, Hà-nội.
9. — Nguyễn Ngọc-Khuê, Secrétaire des Résidences détaché à la Résidence Mairie, 84 rue du Chanvre Hà-nội. (do ông Nguyễn Gia-Huy giới-thiệu).
10. — Nguyễn Văn-Kinh, Etudiant à l'Ecole de Pédagogie, Hà-nội.
11. — Nguyễn Văn-Lan, Direction des Finances, Hà-nội.
12. — Nguyễn Văn-Lan, Secrétaire principal à la Cie du Yunnan, à A-Mi-Tchéou Yunnan. (do ông Vũ Đình-Chung giới-thiệu).
13. — Dương Văn-Long, giáo-sư trường Nam-sur-phạm, Hà-nội.

14. — Trần Văn-Lợi, Agent Technique de la Cie Yunnan, 4e Section V. B. à Tché-ts'ouen Yunnan (do ông Vũ Đình-Chung giới-thiệu).
15. — Trương Tế-Mỹ, Secrétaire à la Mairie, Service Cadastre, 18 rue du Lac, Hà-nội. (do ông Vũ Công-Nghi giới-thiệu).
16. — Trình Văn-Minh, Banque de l'Indochine (V. de Cự-dà Hà-đông).
17. — Nguyễn Văn-Minh, Ancien Interprète au service Judiciaire, Comptable à la Banque de l'Indochine, Hải-phòng.
18. — Trần Duy-Nhất, Trợ-bút tạp-chí Nam - Phong, xã Tu - cổ, tổng Phùng - xá, huyện Ý - yên, tỉnh Nam-định.
19. — Nguyễn Mai-Như Trợ-tá phủ Mỹ-đức, Hà-đông.
20. — Nguyễn Duy-Ngung, làng Viên-nội, Thượng-thôn, tổng Viên-nội, phủ Ứng-hòa, Hà-đông. (do ông Nguyễn Như-Tùng giới-thiệu)
21. — Nguyễn Phác, làng Viên-nội Thượng-thôn, tổng Viên - nội, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông. (do ông Nguyễn Như-Tùng giới-thiệu)
22. — Trần Văn-Phúc, Secrétaire des Résidences du Tonkin à Thái-bình, quán ở xã Giu-độ, tổng Tuần-la, huyện Ngọc-sơn, tỉnh Thanh-hóa.
23. — Lê Hữu-Phúc, Professeur, Direction de l'Instruction Publique, 78 rue du Coton, Hà-nội.
24. — Vũ Quang-Phúc, Thầu - khoán, 48 rue Lamblot, Hà-nội. (do ông Nguyễn Văn-Luân giới - thiệu).
25. — Triệu Văn - Phú, Etudiant et lauréat de l'examen de Lai-khoa à Tuyên-quang en 1928, ở Luốc-thị, tổng Vĩnh-gia, châu Chiêm-hóa, tỉnh Tuyên-quang.
26. — Nguyễn Văn-Tích, 22 tuổi, học trò, ở làng Vĩnh - chung, tổng Vĩnh-ninh, huyện Thanh - tri Hà-đông.
27. — Lê Huy-Tuyên, buôn bán, 99 phố hàng Gai Hà-nội. (do ông Nguyễn Quý-Toản giới-thiệu).
28. — Vũ Văn-Thấu, Commerçant, 61

- rue des Paniers, Hà-nội. (do ông Trương Minh-Sanh giới-thiệu).
29. — Trần Thoại-Trần, Etudiant en Médecine, Hà-nội.
30. — Trần Văn-Trạc, Thu-ký Hương-hội, làng Viên-nội Trung-thôn, tổng Viên-nội, phủ Ứng-hòa, Hà-đông.
31. — Nguyễn Quang-Trang, Infirmier, chef à l'Hôpital de la Cie du Yunnan, à A-mi-tchéou Yunnan, (do ông Vũ Đình-Chung giới-thiệu)
32. — Nguyễn Đình - Tường, Commis des Travaux Publics (Cb. de fer du Nord) 43 rue Jules Ferry, Ha-noi.
33. — Nghiêm Vinh, Buôn bán, 13 phố hàng Bông, Hà-nội. (do ông Nguyễn Văn-Giáp giới-thiệu).
34. — Vũ Văn-Đình, Comptable à la Banque de l'Indochine.
35. — Nguyễn Phúc-Huân, Lý-trưởng làng La - phủ, tổng Yên-lũng, phủ Hoài-đức, Hà-đông.
36. — Đào Trọng-Đủ, professeur à l'Ecole Normale d'Instituteurs à Hà-nội.
37. — Vũ Văn-Nhạc, commis à la Direction de l'Instruction publique. (Hai ông này, do ông Nguyễn Quý-Toản giới-thiệu).

Xin vào thường hội-viên :

Ông Lê Hi-Phụng, Garde n^o mle 1575 à Phong-y, Thanh-hóa.

Hội-viên mới. — Các ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội. đã đăng lên báo từ số 61 đến 62. Nay hết hạn hai tháng trong các Hội-viên không có ai dị-nghị điều gì, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Octobre 1922.

A. — Vào chân chủ-trì :

M.M. Nguyễn Ngọc - Phong. — Hồ-Quang-Kiểm. — Ngô Thế-Phồn dit Tiêu, — Nguyễn Trọng-Khang — Trần Công-Thuyết. — Vương Chí-Chính. — Bạch Văn-Ngô. — Nguyễn Hữu-Như. — Trương Đình - Giáp. — Phạm Xuân-Thịnh — Trần Văn - Ngọc. Nguyễn Thái-Tua. — Ngô Trọng-Chí. — Hoàng Thúc-Hội. — Nguyễn Phan-Rừng — Trần Văn-Thanh. — Nguyễn Văn-Lân

dit Ngọ. — Nguyễn Đức-Thắng. — Vũ Văn-Giông. — Nguyễn Ngọc-Giai, — Nguyễn Văn-Lê. — Nguyễn Văn-Khuông — Trương Văn-Thế. — Dương Văn-Đôi — Cao Đức-Nghĩa. — Phạm Ngọc-Huy. — Trần Văn-Màng. — Nguyễn Giáp. — Hồ Đắc-Điền. — Nguyễn Bá-Chính. — Vũ Tam - Phan. — Hà Văn-Hành-Trương Hoàng-Tĩnh. — Lê Văn-Quế. — Phạm Xuân-Tuyệt.

B. — Vào chân Tân-trợ

M. Trịnh Văn-Kiểm.

Về công-cuộc Ấu-trĩ-viên. — Hai tháng trước ông hội-trưởng hội Khai-Tri-Tiến-Đức có gửi giấy xin quan Thống-sứ làm ơn thông-tư cho các quan thủ-hiến các tỉnh về công-cuộc Ấu-trĩ-viên, nay Quan Thống-sứ trả lời như sau này, xin dịch đăng ra đây để các ông hội-viên hội ta đồng-lãm.

Hà-nội này 3 tháng một tây năm 1922.

Thưa Ngài,

Ngày 18 tháng chín vừa rồi, tôi có tiếp được thư nói với tôi thông-tư công cuộc Ấu-trĩ-viên của qui-hội định tổ-chức cho các quan thủ-hiến các tỉnh. Tôi xin trả lời để ngài biết rằng tôi vẫn biết mục-dịch công cuộc ấy là chủ-nghĩa bác-ái nên tôi chắc rằng các quan thủ-hiến các tỉnh cũng hiểu như thế, tôi xét ra không cần phải phủ Thống-sứ thông-tư công cuộc ấy, và lại công cuộc ấy nên giữ cái tư-cách là một công cuộc riêng của hội Khai-tri-tiến-đức. Xin ngài đừng ngại rằng các quan cai-trị hoặc không hiểu rõ trước cái mục-dịch cuộc Ấu-trĩ-viên mà ngăn-trở việc thiết-lập. Nhưng ngoài ra nếu có việc gì ngăn-trở khó khăn thì ngài trình cho tôi biết để tôi kịp giúp ngài mà tránh cho khỏi những sự khó-khăn ấy.

Vậy nếu ngài xét có nên cò-động cho công-chúng hiểu rõ cái mục-dịch công-cuộc Ấu-trĩ-viên, và cái lý-do phải thiết-lập công cuộc ấy thì tôi đề tùy ý ngài cứ việc mà làm.

Kính thư

MONGUILLOT.

Đóng tiền về việc công-quán. — Hội Khai-tri-tiến-đức đã gửi phiếu Hội-viên và giấy báo thu tiền về việc kinh-phí nhà công-quán cho các ngài Hội-viên ở các nơi, các ngài nếu nhận được giấy và phiếu ấy, thì xin gửi ngay món tiền một đồng bạc về cho ông Thủ-quĩ nhà công-quán là M. Nguyễn Đình-Cường dit Thành, Com-mis à la Compagnie des Chemins de fer de Yunnan et de l'Indochine, Hà-nội.

Còn ngài nào chưa nhận được phiếu ấy xin viết thư về cho Thư-ký Hội biết đề gửi, vì hoặc đổi chỗ ở, hoặc gửi không đến, hoặc mất, cho nên các ngài không nhận được.

Nếu các ngài gửi tiền ngay cho ông thủ-quĩ nhà Công-quán thì đỡ tốn thì-giờ và phí-tiền tiền giấy gửi đi gửi lại vô-ích.

* *

Về việc công-quán. — Hội - đồng quản-trị nhà công-quán (Cercle de l'Asima). Hội Khai-tri-tiến-đức có lời kính-cáo để các ngài biết cho rằng kể từ đầu tháng 10 tây này, M. Nguyễn Văn-Quynh không làm giám-trù nhà Công-quán Hội nữa. Vậy ông ấy không có can-thiệp gì đến việc Công-quán của Hội. Còn ông ấy hoặc lấy giấy-má có hiệu riêng của Hội mà dùng việc tư, thì Hội không chịu trách-nhiệm.

Cải - chính. — Trong tập kỷ-yếu in trong *Nam-Phong* số 62 có đăng lầm tên ông Lê Văn - Tân giáo - học kiêm thư-ký nhà Học-chính Bắc-kỳ làm Nguyễn Văn-Tân, nay cải-chính lại cho đúng.

M. Nguyễn Hữu-Nguyên secrétaire des Douanes et Régies à Hải-phòng trước xin làm làm tân-trợ hội-viên, nay mới gửi giấy xin đổi lại làm chủ-trì hội-viên.

M. Nguyễn Ngọc-Báu, commerçant à Cauke (Cochinchine) gửi giấy xin vào chân thường hội-viên, biên làm làm chủ-trì hội-viên, nay cải lại cho đúng.



Quan Quyền Toàn-quyền Baudoin

Đầu năm nay, hỡi quan Toàn-quyền LONG về Pháp hội
thương, quan BAUDOIN, nguyên Khâm-sứ Cao-mi... lên đây.
Quan BAUDOIN là một bậc thượng-quan rất lão-luyện, tông-sự
bên Indochine ta đã lâu năm lắm. Ngài thật có cảm-tình với
Hội « Khai-trí tiến-dức », nên mới rồi ngài có tặng cho Hội
một bức chân-dung của ngài để tỏ lòng quyến-cố và để làm
kỷ-niệm trước khi về nghỉ bên qui-quốc.